

# DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1 CUỘC THI TOEFL PRIMARY CHALLENGE 2016 – 2017

## KHU VỰC ĐÀ NẴNG

**Địa điểm: THCS Nguyễn Khuyến, Số 2 Đặng Xuân Bảng, Cẩm Lệ, Đà Nẵng**

\* Thí sinh đi thi đúng giờ và mang theo Giấy khai sinh photo (không cần công chứng)

| TT | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khởi<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi           |
|----|------------------------|--------|---------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|------------------|
|    | Họ & đệm               | Tên    |                     |             |              |               |                      |                  |                   |            |                  |
| 1  | Bùi Ngọc Ly            | Đan    | 22-05-08            | 61960001    | 3/1          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2  | Hồ Viết                | Tiến   | 17-08-08            | 61960002    | 3/1          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 3  | Hồ Yến                 | Nhi    | 17-03-08            | 61960003    | 3/1          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 4  | Huỳnh Long             | Khánh  | 11-08-08            | 61960004    | 3/2          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 5  | Nguyễn Minh            | Tuấn   | 06-03-08            | 61960005    | 3/2          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 6  | Nguyễn Trần Bảo        | Thy    | 18-10-08            | 61960006    | 3/2          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 7  | Châu Lê Bảo            | Trần   | 07-08-08            | 61960007    | 3/3          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 8  | Phạm Ngọc Bảo          | Hân    | 26-02-08            | 61960008    | 3/3          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 9  | Trần Thanh             | Quang  | 15-02-08            | 61960009    | 3/3          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 10 | Hồ Bảo                 | Hân    | 20-01-08            | 61960010    | 3/4          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 11 | Nguyễn Xuân            | Nhi    | 25-01-08            | 61960011    | 3/4          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 12 | Đông Xuân              | Lan    | 30-11-08            | 61960012    | 3/5          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 13 | Nguyễn Kim Khải        | Hoàn   | 01-04-08            | 61960013    | 3/5          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 14 | Nguyễn Nho Minh        | Tùng   | 16-09-08            | 61960014    | 3/5          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 15 | Trần Thắng             | Long   | 30-05-08            | 61960015    | 3/5          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 16 | Đinh thị Kim           | Nguyên | 12-02-08            | 61960016    | 3/6          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 17 | Hoồ Mã Xuân            | Quỳnh  | 20-04-08            | 61960017    | 3/6          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 18 | Lê Thị Anh             | Thư    | 24-11-08            | 61960018    | 3/6          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 19 | Nguyễn Nhã             | Uyên   | 11-12-08            | 61960019    | 3/6          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 20 | Trương Minh            | Nhật   | 19-02-08            | 61960020    | 3/6          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 21 | Phạm Uyên              | Phương | 03-05-08            | 61960021    | 3/7          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 22 | Phan Khánh Quỳnh       | Chi    | 12-07-08            | 61960022    | 3/7          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 23 | Trần Thị Huyền         | Trâm   | 03-04-08            | 61960023    | 3/7          | 3             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 24 | Nguyễn Đình            | Phú    | 11-03-07            | 61960024    | 4/1          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 25 | Phùng Khánh            | Ngọc   | 22-09-07            | 61960025    | 4/1          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 26 | Lê Bảo                 | Hân    | 01-01-07            | 61960026    | 4/2          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 27 | Nguyễn Phạm Phi        | Ngân   | 28-07-07            | 61960027    | 4/2          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 28 | Phạm Hà Nhật           | Hoàng  | 28-01-07            | 61960028    | 4/2          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 29 | Huỳnh Như              | Ngọc   | 17-03-07            | 61960029    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 30 | Lê Công Hoàng          | Quân   | 04-09-07            | 61960030    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi           |
|----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|------------------|
|    | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                  |
| 31 | Lê Quốc                | Hào    | 12-10-07               | 61960031    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 32 | Lương Thị Thanh        | Thảo   | 29-05-07               | 61960032    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 33 | Nguyễn Văn Chánh       | Quyên  | 25-11-07               | 61960033    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 34 | Nguyễn Võ Nhật         | Quang  | 05-12-07               | 61960034    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 35 | Tô Uyển                | Nhi    | 01-05-07               | 61960035    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 36 | Trương Thị Yến         | Nhi    | 25-12-07               | 61960036    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 37 | Tướng Trần Tường       | Vy     | 03-12-07               | 61960037    | 4/3          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 38 | Dương Ngọc Bảo         | Châu   | 19-01-07               | 61960038    | 4/4          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 39 | Trần Hoàng Thảo        | Uyên   | 20-09-07               | 61960039    | 4/4          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 40 | Trần Nguyễn Thanh      | Vy     | 04-07-07               | 61960040    | 4/4          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 41 | Trịnh Thị Thanh        | Nhàn   | 21-03-07               | 61960041    | 4/4          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 42 | Trương Bửu Hoàng       | Vy     | 28-01-07               | 61960042    | 4/4          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 43 | Đồng Thiện             | Phong  | 20-11-07               | 61960043    | 4/5          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 44 | Kiều                   | Khoa   | 10-07-07               | 61960044    | 4/5          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 45 | Nguyễn Thị Kim         | Chi    | 16-06-07               | 61960045    | 4/5          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 46 | Nguyễn Thị Phương      | Cẩm    | 02-02-07               | 61960046    | 4/5          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 47 | Nguyễn Thị Quỳnh       | Hương  | 11-10-07               | 61960047    | 4/5          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 48 | Nguyễn Văn Thành       | Trung  | 16-07-07               | 61960048    | 4/5          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 49 | Hoàng Đặng Xuân        | Thuận  | 21-03-07               | 61960049    | 4/6          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 50 | Huỳnh Ngọc Đăng        | Khoa   | 15-05-07               | 61960050    | 4/6          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 51 | Huỳnh Tiến             | Đạt    | 22-03-07               | 61960051    | 4/6          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 52 | Lê Đặng Hàn            | Huyền  | 29-03-07               | 61960052    | 4/6          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 53 | Nguyễn Thị Phương      | Duyên  | 29-10-07               | 61960053    | 4/6          | 4             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 54 | Đặng Lê Mạnh           | Duy    | 05-05-06               | 61960054    | 5/1          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 55 | Ngô Văn Trọng          | Khang  | 18-04-06               | 61960055    | 5/1          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 56 | Nguyễn Lê Mai          | Thanh  | 11-08-06               | 61960056    | 5/1          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 57 | Nguyễn Thanh           | Quân   | 06-09-06               | 61960057    | 5/1          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 58 | Tướng Anh              | Huy    | 30-04-06               | 61960058    | 5/1          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 59 | Hồ Ngọc Gia            | Hung   | 29-10-06               | 61960059    | 5/2          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 60 | Hoàng Lê Hồng          | Minh   | 24-08-06               | 61960060    | 5/2          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 61 | Nguyễn Trương Thảo     | Nhi    | 07-11-06               | 61960061    | 5/2          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 62 | Dương Việt             | Hà     | 06-11-06               | 61960062    | 5/3          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 63 | Lê Hồ Gia              | Khang  | 26-03-06               | 61960063    | 5/3          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 64 | Phan Hữu Gia           | Huy    | 10-03-06               | 61960064    | 5/3          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 65 | Lê Ngọc                | Tuấn   | 13-10-06               | 61960065    | 5/4          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 66 | Ngô Thị Thảo           | Nguyên | 18-10-06               | 61960066    | 5/4          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 67 | Nguyễn Hoàng Cát       | Tiên   | 29-09-06               | 61960067    | 5/4          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi           |
|-----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                  |
| 68  | Nguyễn Thành           | Bảo    | 28-11-06               | 61960068    | 5/4          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 69  | Trần Công              | Hiếu   | 10-10-06               | 61960069    | 5/5          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 70  | Lê Đức                 | Huy    | 25-09-06               | 61960070    | 5/6          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 71  | Lê Vũ Minh             | Phương | 16-11-06               | 61960071    | 5/6          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 72  | Nguyễn Gia             | Phú    | 20-01-06               | 61960072    | 5/6          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 73  | Nguyễn Thanh Thảo      | Châu   | 02-12-06               | 61960073    | 5/6          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 74  | Phạm Đắc               | Anh    | 04-07-06               | 61960074    | 5/6          | 5             | Ngô Quyền            | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 75  | Huỳnh Thị Ánh          | Mỹ     | 28-03-08               | 61960075    | 3/1          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 76  | Lê San                 | San    | 11-01-08               | 61960076    | 3/1          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 77  | Nguyễn Thị Khánh       | Ly     | 19-04-08               | 61960077    | 3/1          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 78  | Phan Gia               | Bảo    | 16-12-08               | 61960078    | 3/1          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 79  | Phan Phú Khánh         | Bình   | 12-04-08               | 61960079    | 3/1          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 80  | Đoàn Hiếu              | Nhiên  | 25-09-08               | 61960080    | 3/2          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 81  | Lê Kỳ                  | Phú    | 27-10-08               | 61960081    | 3/2          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 82  | Nguyễn Đoàn Nam        | Tú     | 21-06-08               | 61960082    | 3/2          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 83  | Nguyễn Ngọc            | Diệu   | 20-06-08               | 61960083    | 3/2          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 84  | Hoàng                  | Hiền   | 24-07-08               | 61960084    | 3/3          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 85  | Phan Bích              | Ngọc   | 31-01-08               | 61960085    | 3/3          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 86  | Thiều Nhã              | Quyên  | 16-01-08               | 61960086    | 3/3          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 87  | Bùi Nguyễn Bảo         | Khang  | 01-11-08               | 61960087    | 3/4          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 88  | Đỗ Thị Minh            | Thư    | 06-06-08               | 61960088    | 3/4          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 89  | Lâm Nguyễn Khánh       | Xuân   | 12-03-08               | 61960089    | 3/4          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 90  | Lê Nguyễn Phương       | Nhi    | 11-02-08               | 61960090    | 3/4          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 91  | Phạm Ngọc Bảo          | Trần   | 10-10-08               | 61960091    | 3/4          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 92  | Đặng Anh               | Thư    | 15-04-08               | 61960092    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 93  | Hồ Hoàng Diễm          | Quỳnh  | 12-03-08               | 61960093    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 94  | Lê Anh                 | Tú     | 06-06-08               | 61960094    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 95  | Lê Xuân                | Tùng   | 05-01-08               | 61960095    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 96  | Ngô Hoàng Thiên        | Ngân   | 05-02-08               | 61960096    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 97  | Nguyễn Dương Quỳnh     | My     | 31-08-08               | 61960097    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 98  | Nguyễn Phước Hạnh      | Dung   | 19-09-08               | 61960098    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 99  | Phạm Xuân              | Bảo    | 01-01-08               | 61960099    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 100 | Trần Nguyễn Thị Thanh  | Nga    | 20-05-08               | 61960100    | 3/5          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 101 | Ngô Thanh              | Hằng   | 23-04-08               | 61960101    | 3/6          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 102 | Trần Huy               | Quang  | 23-05-08               | 61960102    | 3/6          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 103 | Võ Ngọc Bảo            | Trần   | 16-06-08               | 61960103    | 3/6          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 104 | Nguyễn Hữu Thiên       | Lộc    | 06-05-08               | 61960104    | 3/7          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi           |
|-----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                  |
| 105 | Nguyễn Thị Quỳnh       | Trang  | 09-01-08               | 61960105    | 3/7          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 106 | Nguyễn Thiều Thủy      | Tiên   | 15-01-08               | 61960106    | 3/7          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 107 | Thân Thiên             | Phúc   | 01-06-08               | 61960107    | 3/7          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 108 | Uông Trung             | Nguyên | 16-07-08               | 61960108    | 3/7          | 3             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 109 | Huỳnh Minh             | Lợi    | 23-11-07               | 61960109    | 4/1          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 110 | Nguyễn Văn             | Trọng  | 28-04-07               | 61960110    | 4/1          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 111 | Trần Thị Hải           | Thanh  | 23-12-07               | 61960111    | 4/1          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 112 | Đinh Tấn Anh           | Huy    | 14-01-07               | 61960112    | 4/2          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 113 | Đỗ Khả                 | Nhi    | 26-02-07               | 61960113    | 4/2          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 114 | Hứa Huệ                | Minh   | 23-11-07               | 61960114    | 4/2          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 115 | Nguyễn Yển             | Nhi    | 22-04-07               | 61960115    | 4/2          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 116 | Phan Văn               | Phước  | 15-11-07               | 61960116    | 4/2          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 117 | Đỗ Nguyễn Hương        | Lan    | 29-12-07               | 61960117    | 4/3          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 118 | Hoàng Quốc             | Anh    | 02-01-07               | 61960118    | 4/3          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 119 | Lê Thùy                | Ngân   | 12-07-07               | 61960119    | 4/3          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 120 | Trần Đỗ Ngọc           | Hiền   | 16-08-07               | 61960120    | 4/3          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 121 | Trần Quang             | Minh   | 23-10-07               | 61960121    | 4/3          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 122 | Hoàng Thị Thảo         | Uyên   | 06-09-07               | 61960122    | 4/4          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 123 | Lê Ngọc                | Phú    | 12-02-07               | 61960123    | 4/4          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 124 | Nguyễn Bảo             | Ngọc   | 02-06-07               | 61960124    | 4/4          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 125 | Nguyễn Lê Gia          | Huy    | 10-10-07               | 61960125    | 4/4          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 126 | Nguyễn Trần Anh        | Khoa   | 01-09-07               | 61960126    | 4/4          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 127 | Phạm Thị Thanh         | Trà    | 18-04-07               | 61960127    | 4/4          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 128 | Nguyễn Thị Thanh       | Giang  | 11-11-07               | 61960128    | 4/5          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 129 | Trần Ngọc Bảo          | Nhi    | 01-09-07               | 61960129    | 4/5          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 130 | Võ Trần Ánh            | Mai    | 04-02-07               | 61960130    | 4/5          | 4             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 131 | Hồ Trần Phương         | Uyên   | 31-03-06               | 61960131    | 5/1          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 132 | Nguyễn Thị Diễm        | Thúy   | 02-03-06               | 61960132    | 5/1          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 133 | Nguyễn Đình            | Thịnh  | 09-02-06               | 61960133    | 5/2          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 134 | Trần Huỳnh Việt        | Thy    | 07-05-06               | 61960134    | 5/2          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 135 | Trần Thị Quỳnh         | Anh    | 01-02-06               | 61960135    | 5/2          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 136 | Nguyễn Thảo            | Vy     | 19-11-06               | 61960136    | 5/3          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 137 | Nguyễn Vũ Thảo         | Giang  | 10-01-06               | 61960137    | 5/3          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 138 | Trần Viết              | Nhân   | 18-09-06               | 61960138    | 5/3          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 139 | Bùi Nguyễn Út          | Kỳ     | 18-01-06               | 61960139    | 5/4          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 140 | Đỗ Trương Diệu         | Linh   | 27-05-06               | 61960140    | 5/4          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 141 | Nguyễn Thị Phương      | Trinh  | 24-07-06               | 61960141    | 5/4          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                  |
| 142 | Thân Thị Kim                  | Liên  | 06-01-06               | 61960142    | 5/4          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 143 | Trần Phương                   | Kha   | 26-09-06               | 61960143    | 5/4          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 144 | Bùi Thị Thùy                  | Linh  | 25-07-06               | 61960144    | 5/5          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 145 | Nguyễn Ngọc                   | Huy   | 28-03-06               | 61960145    | 5/5          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 146 | Nguyễn Văn                    | Chiến | 28-03-06               | 61960146    | 5/5          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 147 | Tôn Nữ Ngân                   | Châu  | 27-09-06               | 61960147    | 5/5          | 5             | Nguyễn Như Hạnh      | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 148 | Đinh Công                     | Nhật  | 25-12-08               | 61960148    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 149 | Hoàng Kim                     | Ngân  | 12-08-08               | 61960149    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 150 | Lê Bảo                        | Long  | 06-06-08               | 61960150    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 151 | Lê Đặng Yến                   | Nhi   | 18-03-08               | 61960151    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 152 | Lê Đào Thảo                   | Ngân  | 01-03-08               | 61960152    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 153 | Lê Nguyễn Bảo                 | Trâm  | 08-04-08               | 61960153    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 154 | Lê Thị Trúc                   | Loan  | 15-06-08               | 61960154    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 155 | Nguyễn Công                   | Huy   | 17-02-08               | 61960155    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 156 | Nguyễn Văn Hoàng              | Tùng  | 15-01-08               | 61960156    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 157 | Ninh Lê Thùy                  | Dung  | 11-08-08               | 61960157    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 158 | Phan Đức                      | Ánh   | 14-10-08               | 61960158    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 159 | Traàn Thị Kim                 | Huệ   | 30-10-08               | 61960159    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 160 | Tran Phạm Kiều                | Hương | 05-03-08               | 61960160    | 3/1          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 161 | Đoàn Thị Lệ                   | Ngân  | 01-10-08               | 61960161    | 3/2          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 162 | Đoồ Thê Hoàng                 | Tuấn  | 28-06-08               | 61960162    | 3/2          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 163 | Nguyễ Võ Anh                  | Quân  | 29-08-08               | 61960163    | 3/2          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 164 | Nguyễn Công Bá                | Văn   | 21-12-08               | 61960164    | 3/2          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 165 | Nguyễn Ngọc Bảo               | Trân  | 02-01-08               | 61960165    | 3/2          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 166 | Nguyễn Viết Tuấn              | Hung  | 08-03-08               | 61960166    | 3/2          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 167 | Trần Minh                     | Nhật  | 19-01-08               | 61960167    | 3/2          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 168 | Đinh Ngọc                     | Thiện | 20-03-08               | 61960168    | 3/3          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 169 | Đoàn Đức                      | Trí   | 02-11-08               | 61960169    | 3/3          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 170 | Mai Diệu                      | Vy    | 01-01-08               | 61960170    | 3/3          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 171 | Nguyễn Như                    | Ngọc  | 20-08-08               | 61960171    | 3/3          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 172 | Phan Nguyễn Thanh             | Hằng  | 20-06-08               | 61960172    | 3/3          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 173 | Trương Tâm                    | Nhi   | 15-07-08               | 61960173    | 3/3          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 174 | Vũ Như                        | Ý     | 20-07-08               | 61960174    | 3/3          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 175 | Biện Minh                     | Đức   | 15-09-08               | 61960175    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 176 | Hoàng Như                     | Hải   | 04-04-08               | 61960176    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 177 | Ngô Gia                       | Hân   | 02-10-08               | 61960177    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 178 | Nguyễn Châu                   | Toàn  | 03-10-08               | 61960178    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                  |
| 179 | Nguyễn Thị Kiều               | Giang  | 28-03-08               | 61960179    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 180 | Nguyễn Thị Phương             | Thủy   | 13-12-08               | 61960180    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 181 | Phạm Nhã                      | Uyên   | 16-07-08               | 61960181    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 182 | Phạm Trần Minh                | Anh    | 06-12-08               | 61960182    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 183 | Trần Quang Chí                | Hào    | 21-05-08               | 61960183    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 184 | Truwowng Văn                  | Hòa    | 18-08-08               | 61960184    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 185 | Vũ Hữu                        | Thanh  | 03-08-08               | 61960185    | 3/4          | 3             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 186 | Bui Lê Kim                    | Nguyên | 26-10-07               | 61960186    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 187 | Châu Bảo                      | Quỳnh  | 18-06-07               | 61960187    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 188 | Đoàn Minh                     | Huy    | 18-06-07               | 61960188    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 189 | Đoàn Thị Minh                 | Vy     | 26-03-06               | 61960189    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 190 | Hồn Quỳnh                     | Hương  | 02-07-07               | 61960190    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 191 | Lê Hoàng Thiện                | Mỹ     | 06-09-07               | 61960191    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 192 | Lê Thị Hạnh                   | Nguyên | 26-05-07               | 61960192    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 193 | Nguyễn Đỗ Kim                 | Nhàn   | 18-09-07               | 61960193    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 194 | Phạm Hồng                     | Hà     | 12-08-07               | 61960194    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 195 | Phạm Lê                       | Hung   | 12-07-07               | 61960195    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 196 | Phan Nguyễn Anh               | Khoa   | 16-07-07               | 61960196    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 197 | Phan Thị Anh                  | THư    | 28-12-07               | 61960197    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 198 | Trần Lê Ty                    | Na     | 1-6-20007              | 61960198    | 4/1          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 199 | Lê Huỳnh Quang                | Vũ     | 18-09-07               | 61960199    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 200 | Lê Nguyễn Bảo                 | Trân   | 22-07-07               | 61960200    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 201 | Lê Nguyễn Như                 | Quỳnh  | 18-01-07               | 61960201    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 202 | Nguyễn Lê Hữu                 | Khanh  | 05-07-07               | 61960202    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 203 | Nguyễn Thị Minh               | Tuyết  | 27-12-07               | 61960203    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 204 | Nguyenx Cao Kỳ                | Duyên  | 04-12-07               | 61960204    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 205 | Nguyễn vũ Kiều                | Giang  | 24-06-07               | 61960205    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 206 | Phan Thị Yển                  | Nhi    | 19-04-07               | 61960206    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 207 | TRần Mạnh                     | Hùng   | 11-03-07               | 61960207    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 208 | Truong Tuyết                  | Nhi    | 20-01-07               | 61960208    | 4/2          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 209 | Đào Ngô Uyên                  | Phương | 27-03-07               | 61960209    | 4/3          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 210 | Ngo Hoàng Khang               | Ninh   | 16-04-07               | 61960210    | 4/3          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 211 | Nguyễn Văn Hoàng              | Nguyên | 19-08-07               | 61960211    | 4/3          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 212 | Nguyễn Võ Ngọc                | Minh   | 28-32007               | 61960212    | 4/3          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 213 | Trần Hữu                      | Phúc   | 11-08-07               | 61960213    | 4/3          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 214 | Trần Thụy Xuân                | Mai    | 10-03-07               | 61960214    | 4/3          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 215 | Truong Phương                 | Nghi   | 13-02-07               | 61960215    | 4/3          | 4             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 216 | Đoàn Lê                       | Mầm    | 04-09-06               | 61960216    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 217 | Lê Thị Bảo                    | Nhi    | 01-10-06               | 61960217    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 218 | Lê Thị Thanh                  | Trúc   | 28-07-06               | 61960218    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 219 | Ngô Ngọc                      | Khoa   | 26-01-06               | 61960219    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 220 | Ngô Tấn                       | Bảo    | 20-02-06               | 61960220    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 221 | Nguyễn Thúy                   | Nga    | 20-02-06               | 61960221    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 222 | Phan Lê Ngọc                  | Bảo    | 17-02-06               | 61960222    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 223 | Trần Bá                       | Liêm   | 02-04-06               | 61960223    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 224 | Trần Thị Kim                  | Huệ    | 30-10-08               | 61960224    | 5/1          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 225 | Bùi Thị Trúc                  | Linh   | 17-06-06               | 61960225    | 5/2          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 226 | Đặng Thùy                     | Trang  | 07-03-06               | 61960226    | 5/2          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 227 | Mai Thị Hoàn                  | Vy     | 02-10-06               | 61960227    | 5/2          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 228 | Nguyễn Thúy                   | An     | 01-12-06               | 61960228    | 5/2          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 229 | Triinj Phan Duy               | Khánh  | 02-11-06               | 61960229    | 5/2          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 230 | Đỗ Hứa Anh                    | Thùy   | 02-01-06               | 61960230    | 5/3          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 231 | Ngô Tấn                       | Thống  | 09-08-06               | 61960231    | 5/3          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 232 | NguyễnThảo                    | Nhi    | 19-01-06               | 61960232    | 5/3          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 233 | Phan Ngọc                     | Tú     | 09-08-06               | 61960233    | 5/3          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 234 | Phan Trần Hoàng               | Vy     | 08-03-06               | 61960234    | 5/3          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 235 | Trần Thị Thanh                | Thảo   | 07-11-06               | 61960235    | 5/3          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 236 | Truong Văn                    | Khoa   | 25-08-06               | 61960236    | 5/3          | 5             | Trần Nhân Tông       | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 237 | Lê Thị Anh                    | Thư    | 24-10-06               | 61960237    | 5/1          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 238 | Huỳnh Thị Thảo                | Phương | 20-09-06               | 61960238    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 239 | Kiều Thị Thanh                | Nữ     | 27-01-06               | 61960239    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 240 | Lê Thị Kim                    | Quỳnh  | 20-05-06               | 61960240    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 241 | Lê Thị Tuyết                  | Hoa    | 28-02-06               | 61960241    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 242 | Lê Trung                      | Kiên   | 02-06-06               | 61960242    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 243 | Lê Văn                        | Thuận  | 20-05-06               | 61960243    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 244 | Nguyễn Khánh                  | Huyền  | 24-04-06               | 61960244    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 245 | Nguyễn Trung                  | Trúc   | 24-10-06               | 61960245    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 246 | Trần Phương                   | Thảo   | 16-09-00               | 61960246    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 247 | Trương Văn                    | Anh    | 21-10-06               | 61960247    | 5/3          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 248 | Nguyễn Đắc Hoàng              | Việt   | 16-01-06               | 61960248    | 5/4          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 249 | Nguyễn Thái                   | Bảo    | 04-04-06               | 61960249    | 5/4          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 250 | Tổng thị Hoa Ly               | Na     | 24-01-06               | 61960250    | 5/4          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 251 | Trần Đạo                      | Nghĩa  | 16-03-06               | 61960251    | 5/4          | 5             | Trần Văn Dư          | Cẩm Lệ           | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 252 | Huỳnh Thị Tâm                 | Đoan   | 25-09-06               | 61960252    | 5/2          | 5             | Lê Đình Chinh        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 253 | Lê Ngọc Khánh                 | Linh   | 10-06-07               | 61960253    | 4/1          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 254 | Trần Thục                     | Quyên  | 25-11-07               | 61960254    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 255 | Nguyễn Chính Thúy             | Anh    | 01-11-06               | 61960255    | 5/1          | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 256 | Nguyễn Nam                    | Khánh  | 29-04-06               | 61960256    | 5/1          | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 257 | Nguyễn Ngọc Gia               | Hân    | 02-08-06               | 61960257    | 5/1          | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 258 | Trần Trọng                    | Trung  | 09-05-06               | 61960258    | 5/2          | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 259 | Nguyễn Thị Thùy               | Linh   | 13-10-06               | 61960259    | 5/3          | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 260 | Trương Thanh                  | Kiệt   | 30-10-06               | 61960260    | 5/4          | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 261 | Phạm Thanh                    | Trang  | 25-01-06               | 61960261    | 5/5          | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 262 | Đặng Minh                     | Nhân   | 16-02-06               | 61960262    | 5/2          | 5             | Phan Đăng Lưu        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 263 | Lý Phước                      | Toàn   | 03-09-06               | 61960263    | 5/3          | 5             | Phan Đăng Lưu        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 264 | Đoàn Quang                    | Huy    | 28-02-08               | 61960264    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 265 | Hoàng Gia                     | Huy    | 06-02-08               | 61960265    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 266 | Lê Hà                         | Anh    | 28-08-08               | 61960266    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 267 | Lê Đình                       | Phúc   | 04-08-08               | 61960267    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 268 | Lê Trần Khánh                 | Ngọc   | 10-08-08               | 61960268    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 269 | Nguyễn Kỳ                     | Duyên  | 13-05-08               | 61960269    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 270 | Phạm Ngọc                     | Thắng  | 22-09-08               | 61960270    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 271 | Phạm Lam                      | Phương | 10-11-08               | 61960271    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 272 | Trần Duy                      | Tuấn   | 18-04-08               | 61960272    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 273 | Triệu Phúc Bảo                | Trân   | 04-05-08               | 61960273    | 3/1          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 274 | Bùi Đặng Khánh                | Như    | 16-12-08               | 61960274    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 275 | Châu Quang                    | Bảo    | 23-11-08               | 61960275    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 276 | Hà Khánh                      | Toàn   | 11-11-08               | 61960276    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 277 | Hà Minh                       | Trâm   | 06-06-08               | 61960277    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 278 | Lê                            | Khôi   | 01-01-08               | 61960278    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 279 | Nguyễn Bá Uyên                | Nhi    | 01-01-08               | 61960279    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 280 | Nguyễn Dương Bảo              | Khuyên | 29-06-08               | 61960280    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 281 | Nguyễn Khoa                   | Bảo    | 29-05-08               | 61960281    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 282 | Nguyễn Ngọc                   | Hân    | 08-05-08               | 61960282    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 283 | Nguyễn Ngọc Quỳnh             | Như    | 04-01-08               | 61960283    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 284 | Phạm Nguyên Uyên              | Phương | 02-06-08               | 61960284    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 285 | Trương Lê Thu                 | Hương  | 25-02-08               | 61960285    | 3/2          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 286 | Đinh Xuân                     | Triển  | 14-07-08               | 61960286    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 287 | Đoàn Minh                     | Tâm    | 06-12-08               | 61960287    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 288 | Nguyễn Hoàng                  | Phong  | 30-07-08               | 61960288    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 289 | Nguyễn Ngọc Khánh             | Vy     | 08-02-08               | 61960289    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 290 | Nguyễn Như             | Ngọc  | 09-05-08               | 61960290    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 291 | Nguyễn Phước           | Đạt   | 30-09-08               | 61960291    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 292 | Nguyễn Trần Khánh      | Bình  | 02-06-08               | 61960292    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 293 | Phan Nguyễn Anh        | Thư   | 27-01-08               | 61960293    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 294 | Phan Nguyễn Diệp       | Khanh | 04-01-08               | 61960294    | 3/3          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 295 | Đặng Ngọc Hàn          | Giang | 16-05-08               | 61960295    | 3/4          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 296 | Nguyễn Phương          | Thảo  | 08-03-08               | 61960296    | 3/4          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 297 | Nguyễn Tấn             | Tài   | 08-03-08               | 61960297    | 3/4          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 298 | Thái Uyên              | Nhi   | 13-05-08               | 61960298    | 3/4          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 299 | Trần Ngọc Tú           | Uyên  | 25-10-08               | 61960299    | 3/4          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 300 | Trương Nhật Vân        | Anh   | 25-02-08               | 61960300    | 3/4          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 301 | Đặng Khoa              | Bảo   | 09-04-08               | 61960301    | 3/5          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 302 | Lê Vĩnh                | Khang | 06-12-07               | 61960302    | 3/5          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 303 | Nguyễn Hữu             | Kiệt  | 14-07-08               | 61960303    | 3/5          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 304 | Nguyễn Vũ Khánh        | Đan   | 08-10-08               | 61960304    | 3/5          | 3             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 305 | Lê Hoàng               | Phong | 03-07-07               | 61960305    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 306 | Mai Minh               | Châu  | 13-10-07               | 61960306    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 307 | Nguyễn Ngọc Như        | Hải   | 12-05-07               | 61960307    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 308 | Nguyễn Trần Khánh      | Ngọc  | 17-06-07               | 61960308    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 309 | Phùng Lê Ngọc          | Thảo  | 06-05-07               | 61960309    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 310 | Thái Thị Bảo           | Châu  | 13-06-07               | 61960310    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 311 | Trần Lan               | Dung  | 15-02-07               | 61960311    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 312 | Trương Bảo             | Trâm  | 19-01-07               | 61960312    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 313 | Trương Quỳnh           | Anh   | 04-02-07               | 61960313    | 4/1          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 314 | Phạm Nguyễn Mỹ         | Nhi   | 30-11-07               | 61960314    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 315 | Bùi Văn Quốc           | Trọng | 20-08-07               | 61960315    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 316 | Đào Ngọc Yến           | Thy   | 24-07-07               | 61960316    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 317 | Hà Nguyễn Anh          | Khoa  | 15-12-07               | 61960317    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 318 | Hà Phước Anh           | Quân  | 08-06-07               | 61960318    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 319 | Hồ Lê Trí              | Tài   | 21-05-07               | 61960319    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 320 | Ngô Đình               | Huy   | 29-03-07               | 61960320    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 321 | Ngô Lê Quỳnh           | Khanh | 10-02-07               | 61960321    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 322 | Nguyễn Phúc Mỹ         | Tiên  | 29-08-07               | 61960322    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 323 | Nguyễn Thanh           | Quang | 15-03-07               | 61960323    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 324 | Nguyễn Thanh Ngọc      | Hà    | 06-04-07               | 61960324    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 325 | Trần Ngô Đức           | Phú   | 23-10-07               | 61960325    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 326 | Trần Ngọc Thanh        | Huyền | 13-12-07               | 61960326    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 327 | Võ Ngọc Cát            | Thư   | 16-04-07               | 61960327    | 4/2          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 328 | Đặng Thái Bảo          | Châu  | 20-07-07               | 61960328    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 329 | Hồ Hoàng Khánh         | Vân   | 21-09-07               | 61960329    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 330 | Huỳnh Nguyễn Bảo       | Châu  | 06-09-07               | 61960330    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 331 | Lê Anh                 | Khoa  | 28-06-07               | 61960331    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 332 | Ngô Lê Thanh           | Trúc  | 17-03-07               | 61960332    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 333 | Ngô Nguyễn Ý           | Thơ   | 28-10-07               | 61960333    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 334 | Nguyễn Công Hoàng      | Vũ    | 29-07-07               | 61960334    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 335 | Nguyễn Hoàng Thùy      | Vy    | 15-05-07               | 61960335    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 336 | Nguyễn Ngọc Đoan       | Trang | 23-12-07               | 61960336    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 337 | Nguyễn Thị Phương      | Anh   | 23-07-07               | 61960337    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 338 | Phạm Kim               | Vy    | 12-02-07               | 61960338    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 339 | Phạm Việt              | Tiến  | 25-07-07               | 61960339    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 340 | Phan Đoàn Bảo          | Ngân  | 26-10-07               | 61960340    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 341 | Trần Hoàng             | Quân  | 04-03-07               | 61960341    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 342 | Trần Nguyễn Thi Khanh  | Khanh | 08-02-07               | 61960342    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 343 | Vũ Đỗ Ly               | Na    | 28-01-07               | 61960343    | 4/3          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 344 | Đặng Nguyễn Bảo        | An    | 11-03-07               | 61960344    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 345 | Hoàng Thị Bảo          | Ngọc  | 04-01-07               | 61960345    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 346 | Hoàng Trần             | Vũ    | 06-08-07               | 61960346    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 347 | Lê Quỳnh Anh           | Như   | 30-12-07               | 61960347    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 348 | Mai Công Danh          | Thái  | 10-12-07               | 61960348    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 349 | Nguyễn Đăng Huỳnh      | Hậu   | 03-07-07               | 61960349    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 350 | Nguyễn Lê Hoài         | Thu   | 13-08-07               | 61960350    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 351 | Nguyễn Văn Hải         | Nhân  | 09-09-07               | 61960351    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 352 | Võ Quang               | Nhân  | 27-04-07               | 61960352    | 4/4          | 4             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 353 | Dương Thanh Long       | Chiêu | 11-12-06               | 61960353    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 354 | Lê Phạm Bảo            | Ngọc  | 15-12-06               | 61960354    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 355 | Lê Thị Đăng            | Duyên | 04-10-06               | 61960355    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 356 | Ngô Quang              | Phúc  | 29-03-06               | 61960356    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 357 | Nguyễn Đăng Phương     | Như   | 15-10-06               | 61960357    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 358 | Nguyễn Phạm Anh        | Thư   | 30-03-06               | 61960358    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 359 | Nguyễn Phạm Khánh      | Ngọc  | 12-08-06               | 61960359    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 360 | Nguyễn Trần Đức        | Phú   | 27-05-06               | 61960360    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 361 | Trần Thị Ngọc          | Linh  | 20-06-06               | 61960361    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 362 | Trần Văn               | Nhân  | 25-05-06               | 61960362    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 363 | Vũ Phan Đức            | Thành | 25-02-06               | 61960363    | 5/1          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 364 | Châu Tuệ                      | Mẫn    | 19-05-06               | 61960364    | 5/2          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 365 | Hồ Quốc                       | Anh    | 28-09-06               | 61960365    | 5/2          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 366 | Hoàng Anh                     | Thư    | 17-05-06               | 61960366    | 5/2          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 367 | Lâm                           | Vũ     | 15-05-06               | 61960367    | 5/2          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 368 | Mai Nguyễn Thùy               | Dung   | 18-04-06               | 61960368    | 5/2          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 369 | Phạm Hữu Đăng                 | Khoa   | 20-01-06               | 61960369    | 5/2          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 370 | Trương Công                   | Phi    | 08-10-06               | 61960370    | 5/2          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 371 | Huỳnh Thị Thủy                | Dung   | 24-07-06               | 61960371    | 5/3          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 372 | Lê Thị Thanh                  | An     | 21-08-06               | 61960372    | 5/3          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 373 | Nguyễn Ngọc Bảo               | Hân    | 16-03-06               | 61960373    | 5/3          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 374 | Trần Thị Bảo                  | Ngọc   | 09-07-06               | 61960374    | 5/3          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 375 | Trương Huỳnh Thảo             | Vy     | 01-02-06               | 61960375    | 5/3          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 376 | Đặng Huỳnh Khánh              | My     | 27-03-06               | 61960376    | 5/4          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 377 | Lê Hoàng Thục                 | Quyên  | 18-03-06               | 61960377    | 5/4          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 378 | Nguyễn Bảo Khánh              | Nguyên | 27-01-06               | 61960378    | 5/4          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 379 | Nguyễn Văn Thái               | Bảo    | 06-11-06               | 61960379    | 5/4          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 380 | Trần Thái                     | Bình   | 11-07-06               | 61960380    | 5/4          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 381 | Trần Văn                      | Tiến   | 18-03-06               | 61960381    | 5/4          | 5             | Bạch Đằng            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 382 | Công                          | Huy    | 07-09-07               | 61960382    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 383 | Đào Minh                      | Ánh    | 05-03-07               | 61960383    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 384 | Hà Đoàn Minh                  | Khuê   | 29-06-07               | 61960384    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 385 | Hoàng Quốc                    | Dũng   | 29-04-07               | 61960385    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 386 | Khả                           | Doanh  | 09-05-07               | 61960386    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 387 | Nguyễn Hữu                    | Chương | 12-11-07               | 61960387    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 388 | Nguyễn Nguyệt                 | An     | 06-01-07               | 61960388    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 389 | Phan Phương                   | Uyên   | 08-03-07               | 61960389    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 390 | Trần Bình                     | Minh   | 19-08-07               | 61960390    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 391 | Trần Thanh                    | Tú     | 05-01-07               | 61960391    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 392 | Trần Thị Hải                  | Yến    | 18-05-07               | 61960392    | 4/1          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 393 | Đặng Châu                     | Anh    | 23-04-07               | 61960393    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 394 | Hồ Nhật                       | Bảo    | 05-11-07               | 61960394    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 395 | Lê Nguyễn Minh                | Thư    | 23-12-07               | 61960395    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 396 | Nguyễn Thu Hoàng              | Hà     | 02-03-07               | 61960396    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 397 | Nguyễn Hoài                   | Hiếu   | 15-08-07               | 61960397    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 398 | Nguyễn Thanh                  | Nhã    | 13-08-07               | 61960398    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 399 | Phan Nguyên                   | Khải   | 29-10-07               | 61960399    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 400 | Trần Nguyên                   | Mẫn    | 28-07-07               | 61960400    | 4/2          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |          | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|----------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên      |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 401 | Đỗ Nguyễn              | Khải     | 02-11-07               | 61960401    | 4NN          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 402 | Hoàng Trần Thế         | Bình     | 16-03-07               | 61960402    | 4NN          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 403 | Kim                    | Yein     | 03-03-07               | 61960403    | 4NN          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 404 | Mariana Linh Nguyễn    | Ramires  | 24-01-06               | 61960404    | 4NN          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 405 | Trần Kim               | Long     | 27-01-07               | 61960405    | 4NN          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 406 | Võ Đại                 | Hùng     | 16-12-06               | 61960406    | 4NN          | 4             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 407 | Bùi Nguyễn Anh         | Quân     | 20-09-06               | 61960407    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 408 | Đặng Võ Duy            | Tân      | 10-03-06               | 61960408    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 409 | Đoàn Khôi              | Nguyễn   | 30-09-06               | 61960409    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 410 | Hồ Hoàng               | Long     | 06-05-06               | 61960410    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 411 | Huỳnh Khánh            | Linh     | 27-05-06               | 61960411    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 412 | Huỳnh Phước Anh        | Khoa     | 05-06-06               | 61960412    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 413 | Lê Thị Ngọc            | Hân      | 15-04-06               | 61960413    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 414 | Nguyễn Nguyễn          | Quân     | 05-07-07               | 61960414    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 415 | Phạm Bình              | Nguyễn   | 18-03-06               | 61960415    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 416 | Phạm Lý Ngọc           | Hân      | 16-12-06               | 61960416    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 417 | Phạm Thủy              | Tiên     | 11-07-06               | 61960417    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 418 | Trần Đăng Minh         | Hằng     | 18-09-06               | 61960418    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 419 | Vương Huyền My         | Dominika | 01-07-06               | 61960419    | 5/1          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 420 | Nguyễn Hùng            | Khoa     | 25-09-06               | 61960420    | 5NN          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 421 | Nguyễn Văn Đăng        | Khôi     | 26-03-06               | 61960421    | 5NN          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 422 | Trần Yển               | Nhi      | 05-09-06               | 61960422    | 5NN          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 423 | Võ Hoàng Đình          | Sa       | 14-02-06               | 61960423    | 5NN          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 424 | Vũ Lâm Hoàng           | Nhi      | 28-11-06               | 61960424    | 5NN          | 5             | CLC Skyline          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 425 | Dương Nguyệt           | Hà       | 11-07-08               | 61960425    | 3/1          | 3             | Lê Lai               | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 426 | Trần Đức Duy           | Anh      | 26-06-07               | 61960426    | 4/1          | 4             | Lê Quý Đôn           | Hải Châu         |                   | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 427 | Trương Bảo             | Như      | 16-10-07               | 61960427    | 4/2          | 4             | Lê Quý Đôn           | Hải Châu         | Đà nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 428 | Đình Trần Nguyễn       | Bình     | 04-05-08               | 61960428    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 429 | Đỗ Uyển                | Dung     | 21-02-08               | 61960429    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 430 | Đoàn Gia               | Khuê     | 07-08-08               | 61960430    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 431 | Hoàng Phan Khánh       | Hòa      | 16-01-08               | 61960431    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 432 | Lê Đức                 | Thành    | 31-03-08               | 61960432    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 433 | Nguyễn Nhật            | Minh     | 19-05-08               | 61960433    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 434 | Nguyễn Phước Quý       | Nhiên    | 10-05-08               | 61960434    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 435 | Nguyễn Phương          | Minh     | 09-04-08               | 61960435    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 436 | Phạm Nguyễn Gia        | Hân      | 05-09-08               | 61960436    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 437 | Phạm Nguyễn Khánh      | Hồng     | 04-06-08               | 61960437    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 438 | Phạm Nguyễn Mai        | Anh    | 30-11-08               | 61960438    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 439 | Phạm Trần An           | Nhiên  | 09-09-08               | 61960439    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 440 | Trần Trung             | Phát   | 08-11-08               | 61960440    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 441 | Trịnh Hoàng            | Tuấn   | 29-01-08               | 61960441    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 442 | Trương Thị Thanh       | Thảo   | 05-07-08               | 61960442    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 443 | Vũ Minh                | Hiếu   | 12-12-08               | 61960443    | 3/1          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 444 | Cần Lê Minh            | Ánh    | 16-10-08               | 61960444    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 445 | Đặng Châu              | Anh    | 07-05-08               | 61960445    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 446 | Đoàn Thế Minh          | Quang  | 02-07-08               | 61960446    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 447 | Hà Gia                 | Khang  | 25-08-08               | 61960447    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 448 | Hà Ngọc Quang          | Vinh   | 26-01-08               | 61960448    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 449 | Lê Duy Bảo             | Ngọc   | 06-02-08               | 61960449    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 450 | Lê Nguyên              | Thùy   | 21-07-08               | 61960450    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 451 | Nguyễn Dương Thảo      | Nguyên | 31-10-08               | 61960451    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 452 | Nguyễn Duy Nguyên      | Phúc   | 04-07-08               | 61960452    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 453 | Nguyễn Gia             | Huy    | 01-06-08               | 61960453    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 454 | Nguyễn Lương           | Bằng   | 12-11-08               | 61960454    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 455 | Phạm Hoàng             | Nguyên | 14-02-08               | 61960455    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 456 | Phạm Lê Uyên           | Minh   | 11-11-08               | 61960456    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 457 | Trần Hoàng Thiên       | Hương  | 24-12-08               | 61960457    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 458 | Trần Nguyễn Uyên       | Thơ    | 14-02-08               | 61960458    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 459 | Trương Việt            | Thư    | 30-11-08               | 61960459    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 460 | Vũ Minh                | Khôi   | 06-02-08               | 61960460    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 461 | Hoàng Hà               | Chi    | 19-01-08               | 61960461    | 3/3          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 462 | Nguyễn Anh             | Khoa   | 25-01-08               | 61960462    | 3/3          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 463 | Nguyễn Đức An          | Quân   | 06-07-08               | 61960463    | 3/3          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 464 | Trần Anh Gia           | Huy    | 05-10-08               | 61960464    | 3/3          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 465 | Lưu Hoàng Nam          | Anh    | 03-12-08               | 61960465    | 3/4          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 466 | Ngô Thành              | An     | 30-08-08               | 61960466    | 3/4          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 467 | Nguyễn Đan             | Vy     | 07-11-08               | 61960467    | 3/4          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 468 | Nguyễn Hữu             | Quân   | 01-08-08               | 61960468    | 3/4          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 469 | Nguyễn Trần Khánh      | Như    | 26-08-08               | 61960469    | 3/4          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 470 | Đặng Chí               | Khiêm  | 16-04-08               | 61960470    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 471 | Lê Minh                | Hoàng  | 16-03-08               | 61960471    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 472 | Mai Đức                | Phương | 27-10-08               | 61960472    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 473 | Nguyễn Bảo Cẩm         | Nhung  | 31-05-08               | 61960473    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 474 | Nguyễn Chi             | My     | 11-02-08               | 61960474    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |       | Ngày tháng năm sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|-------|---------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên   |                     |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 475 | Nguyễn Đức             | Khang | 07-08-08            | 61960475    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 476 | Nguyễn Hoài Bảo        | Trâm  | 04-04-08            | 61960476    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 477 | Nguyễn Trần Thế        | Bảo   | 24-12-08            | 61960477    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 478 | Nguyễn Vũ              | Luật  | 02-12-08            | 61960478    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 479 | Phạm Phương Bảo        | Trân  | 26-05-08            | 61960479    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 480 | Phan Nguyễn Khánh      | Linh  | 30-03-08            | 61960480    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 481 | Võ Thị Trần            | Nhi   | 15-02-08            | 61960481    | 3/5          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 482 | Bạch Khánh             | Hồng  | 20-02-07            | 61960482    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 483 | Hồ Nguyễn Phương       | Linh  | 24-08-07            | 61960483    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 484 | Lê Anh                 | Thư   | 15-10-07            | 61960484    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 485 | Nguyễn Hoài Gia        | Hân   | 04-10-07            | 61960485    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 486 | Nguyễn Hoàng           | Lân   | 12-12-07            | 61960486    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 487 | Nguyễn Khánh           | Minh  | 14-03-07            | 61960487    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 488 | Nguyễn Ngô Minh        | Khôi  | 02-12-07            | 61960488    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 489 | Nguyễn Ngọc            | Điền  | 10-12-07            | 61960489    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 490 | Nguyễn Trần Gia        | Khiêm | 12-12-07            | 61960490    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 491 | Nguyễn Trần Khánh      | Tiên  | 05-06-07            | 61960491    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 492 | Phạm Mai               | Kha   | 17-07-07            | 61960492    | 4/2          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 493 | Chu Văn                | Long  | 25-01-07            | 61960493    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 494 | Đậu Hà Khánh           | Hung  | 02-07-07            | 61960494    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 495 | Đậu Thị Minh           | Châu  | 05-09-07            | 61960495    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 496 | Đoàn Nguyễn Khánh      | Hà    | 08-11-07            | 61960496    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 497 | Huỳnh Bá Anh           | Tuấn  | 09-08-07            | 61960497    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 498 | Huỳnh Trọng            | Khôi  | 03-03-07            | 61960498    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 499 | Lê Nguyễn Tường        | Vy    | 07-08-07            | 61960499    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 500 | Lưu Thanh              | Hà    | 20-06-07            | 61960500    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 501 | Nguyễn Hạ Khánh        | Vy    | 06-07-07            | 61960501    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 502 | Nguyễn Thị Ngọc        | Anh   | 31-12-07            | 61960502    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 503 | Nguyễn Trung           | Tín   | 07-09-07            | 61960503    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 504 | Phạm Hoàng             | Duy   | 30-10-07            | 61960504    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 505 | Phạm Minh              | Khôi  | 04-05-07            | 61960505    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 506 | Phạm Vũ Anh            | Thư   | 07-10-07            | 61960506    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 507 | Trần Kim               | Thành | 22-02-07            | 61960507    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 508 | Trần Quang             | Huy   | 18-06-07            | 61960508    | 4/3          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 509 | Cao Ánh                | Dương | 23-03-07            | 61960509    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 510 | Đặng Đàm Thục          | Nhi   | 02-03-07            | 61960510    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 511 | Đinh Nguyễn Anh        | Duy   | 25-06-07            | 61960511    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 512 | Đông                          | Hoàng  | 16-05-07               | 61960512    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 513 | Lê Quang                      | Trí    | 21-10-07               | 61960513    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 514 | Nguyễn Hoàng                  | Uyên   | 29-01-07               | 61960514    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 515 | Nguyễn Hữu Đức                | Hiếu   | 25-11-07               | 61960515    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 516 | Nguyễn Hữu Khánh              | Đan    | 23-08-07               | 61960516    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 517 | Nguyễn Trọng                  | Tâm    | 06-11-07               | 61960517    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 518 | Phạm Hoàng                    | Linh   | 28-08-07               | 61960518    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 519 | Phạm Ngọc                     | Hùng   | 17-02-07               | 61960519    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 520 | Thái Nguyễn Anh               | Kiệt   | 21-05-07               | 61960520    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 521 | Võ Minh                       | Tuấn   | 05-07-07               | 61960521    | 4/4          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 522 | Lê Nguyên                     | Vũ     | 04-01-07               | 61960522    | 4/5          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 523 | Ngô Minh                      | Khuê   | 07-08-07               | 61960523    | 4/5          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 524 | Nguyễn Ngọc Trà               | My     | 27-08-07               | 61960524    | 4/5          | 4             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 525 | Đặng Tấn Minh                 | Kha    | 06-01-06               | 61960525    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 526 | Hà Ngọc Quang                 | Hung   | 27-12-05               | 61960526    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 527 | Lê Đức                        | Huy    | 25-06-06               | 61960527    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 528 | Lê Huy                        | Hoàng  | 28-09-06               | 61960528    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 529 | Nguyễn Phương                 | Linh   | 27-12-06               | 61960529    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 530 | Trần Quốc                     | Anh    | 21-03-06               | 61960530    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 531 | Trần Thị Minh                 | Tâm    | 07-02-06               | 61960531    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 532 | Trần Trọng                    | Lộc    | 09-05-06               | 61960532    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 533 | Văn Khôi                      | Nguyên | 23-03-06               | 61960533    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 534 | Võ Xuân                       | Huy    | 24-07-06               | 61960534    | 5/1          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 535 | Bùi Quang                     | Minh   | 23-03-06               | 61960535    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 536 | Cao Quốc                      | Khánh  | 02-09-06               | 61960536    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 537 | Đặng Văn                      | Trung  | 19-06-06               | 61960537    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 538 | Đỗ Đình Anh                   | Kha    | 09-12-06               | 61960538    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 539 | Lê Đình                       | Sáng   | 11-12-06               | 61960539    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 540 | Lưu Bạch Hoàng                | Quân   | 27-11-06               | 61960540    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 541 | Nguyễn Đoàn Diệp              | Khánh  | 11-10-06               | 61960541    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 542 | Nguyễn Đức                    | Tùng   | 07-09-06               | 61960542    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 543 | Nguyễn Đức                    | Quang  | 11-08-06               | 61960543    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 544 | Nguyễn Hoàng Ngọc             | Hân    | 03-09-06               | 61960544    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 545 | Nguyễn Ngọc                   | Diệp   | 10-08-06               | 61960545    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 546 | Nguyễn Nhân                   | Tiến   | 24-11-06               | 61960546    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 547 | Nguyễn Quốc                   | Bảo    | 12-04-06               | 61960547    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 548 | Nguyễn Trần Tố                | Như    | 03-09-06               | 61960548    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|--------|---------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                     |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 549 | Nguyễn Tuấn            | Phước  | 26-01-06            | 61960549    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 550 | Phạm Lê Nhật           | Hoàng  | 30-09-06            | 61960550    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 551 | Phạm Nguyễn Phương     | Linh   | 18-08-06            | 61960551    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 552 | Phạm Thị Thanh         | Trúc   | 19-10-06            | 61960552    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 553 | Trần Hoàng             | Đức    | 06-09-01            | 61960553    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 554 | Trần Minh              | Son    | 08-08-06            | 61960554    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 555 | Trần Thị Nhật          | Linh   | 18-07-06            | 61960555    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 556 | Võ Bùi Bảo             | Huy    | 25-07-06            | 61960556    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 557 | Võ Nguyên              | Khánh  | 02-09-06            | 61960557    | 5/2          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 558 | Dương Phương           | Anh    | 23-01-06            | 61960558    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 559 | Lê Thị Thanh           | Phúc   | 12-06-06            | 61960559    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 560 | Nguyễn Đình Anh        | Khoa   | 02-06-06            | 61960560    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 561 | Nguyễn Đoàn Gia        | Bảo    | 01-04-06            | 61960561    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 562 | Nguyễn Đức Đăng        | Khoa   | 30-06-06            | 61960562    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 563 | Nguyễn Hoàng Như       | Minh   | 18-10-06            | 61960563    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 564 | Nguyễn Lê Thanh        | Trúc   | 02-07-06            | 61960564    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 565 | Nguyễn Nhung Thanh     | Hương  | 24-12-06            | 61960565    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 566 | Phạm Gia               | Bảo    | 27-02-06            | 61960566    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 567 | Tô Gia Phước           | Bảo    | 26-09-06            | 61960567    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 568 | Trần Đình Toàn         | Thắng  | 05-07-06            | 61960568    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 569 | Trần Lê                | Minh   | 14-10-06            | 61960569    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 570 | Võ Thị Minh            | Thư    | 20-06-06            | 61960570    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 571 | Võ Trần Thiên          | Tân    | 30-07-06            | 61960571    | 5/3          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 572 | Chê Phương             | Nguyên | 23-02-06            | 61960572    | 5/4          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 573 | Hồ Lưu Khánh           | Linh   | 20-01-06            | 61960573    | 5/4          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 574 | Nguyễn Bảo             | Trần   | 07-04-06            | 61960574    | 5/4          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 575 | Nguyễn Lê Thanh        | Bình   | 05-04-06            | 61960575    | 5/4          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 576 | Phạm Quốc              | Huy    | 20-02-06            | 61960576    | 5/4          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 577 | Trần Cao               | Khiêm  | 17-03-06            | 61960577    | 5/4          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 578 | Lê Hữu                 | Nghị   | 24-02-06            | 61960578    | 5/5          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 579 | Nguyễn Thanh           | Hà     | 21-07-06            | 61960579    | 5/5          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 580 | Nguyễn Trịnh Công      | Chính  | 17-07-06            | 61960580    | 5/5          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 581 | Nguyễn Văn Minh        | Hiếu   | 29-03-06            | 61960581    | 5/5          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 582 | Nguyễn Võ Trung        | Hữu    | 26-05-06            | 61960582    | 5/5          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 583 | Phạm Anh               | Khoa   | 21-09-06            | 61960583    | 5/5          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 584 | Võ Ngọc Đoan           | Thư    | 16-12-06            | 61960584    | 5/5          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 585 | Nguyễn Bách            | Tùng   | 07-01-06            | 61960585    | 5/6          | 5             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 586 | Nguyễn Gia                    | Huy   | 01-06-08               | 61960586    | 3            | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 587 | Phạm Lê Uyên                  | Minh  | 11-11-08               | 61960587    | 3/2          | 3             | Lý Công Uẩn          | Hải Châu         | Đà nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 588 | Lê Ngọc Tâm                   | Như   | 16-05-07               | 61960588    | 4/3          | 4             | Lý Tự Trọng          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 589 | Lê Nhất                       | Nhân  | 10-05-08               | 61960589    | 3/1          | 3             | Nguyễn Du            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 590 | Phạm Ngọc                     | Diệp  | 26-12-06               | 61960590    | 5/1          | 5             | Nguyễn Du            | Hải Châu         | Đà nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 591 | Đàm Ngọc Thanh                | Vân   | 11-10-08               | 61960591    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 592 | Đặng Hoàng                    | Phúc  | 30-12-08               | 61960592    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 593 | Đào Hữu                       | Bảo   | 30-05-08               | 61960593    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 594 | Đinh Trần Khải                | Duy   | 01-02-08               | 61960594    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 595 | Đỗ Thị Lan                    | Hương | 01-11-08               | 61960595    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 596 | Đỗ Thị Ý                      | Nhi   | 24-02-08               | 61960596    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 597 | Đoàn Công                     | Bách  | 13-09-08               | 61960597    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 598 | Hà Duy Quốc                   | Tuấn  | 13-03-08               | 61960598    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 599 | Hồ Thị Minh                   | Châu  | 01-06-08               | 61960599    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 600 | Huỳnh Ngọc                    | Thành | 15-05-08               | 61960600    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 601 | Huỳnh Ngọc Thiên              | Nhi   | 14-09-08               | 61960601    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 602 | Lê Ngọc Thanh                 | Hòa   | 25-04-08               | 61960602    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 603 | Lê Ngọc Thanh                 | Hiếu  | 08-12-08               | 61960603    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 604 | Lê Nguyễn Cát                 | Tiên  | 02-09-08               | 61960604    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 605 | Lê Xuân Tâm                   | Vũ    | 01-05-08               | 61960605    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 606 | Nguyễn Đại                    | Nam   | 13-09-08               | 61960606    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 607 | Nguyễn Đăng Minh              | Toàn  | 22-08-08               | 61960607    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 608 | Nguyễn Đình                   | Long  | 23-09-08               | 61960608    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 609 | Nguyễn Đức                    | Phat  | 23-09-08               | 61960609    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 610 | Nguyễn Gia                    | Hân   | 17-02-08               | 61960610    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 611 | Nguyễn Hải                    | Thành | 28-09-08               | 61960611    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 612 | Nguyễn Hoàng                  | Lâm   | 18-02-08               | 61960612    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 613 | Nguyễn Hoàng Minh             | Thư   | 22-09-08               | 61960613    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 614 | Nguyễn Hữu Gia                | Bảo   | 20-07-08               | 61960614    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 615 | Nguyễn Khánh                  | Vy    | 13-10-08               | 61960615    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 616 | Nguyễn Lê                     | Khánh | 15-11-08               | 61960616    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 617 | Nguyễn Lê Nguyên              | Thảo  | 08-04-08               | 61960617    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 618 | Nguyễn Minh                   | Thuận | 05-09-08               | 61960618    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 619 | Nguyễn Ngọc Gia               | Hân   | 10-06-08               | 61960619    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 620 | Nguyễn Thái Bảo               | Huy   | 28-06-08               | 61960620    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 621 | Nguyễn Thiện                  | Nhân  | 28-10-08               | 61960621    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 622 | Nguyễn Văn Khánh              | Việt  | 03-06-08               | 61960622    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 623 | Phạm Lê Minh                  | Dung   | 13-11-08               | 61960623    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 624 | Phạm Nguyễn Hưng              | Hào    | 09-05-08               | 61960624    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 625 | Phạm Nguyễn Tú                | Uyên   | 13-02-08               | 61960625    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 626 | Phạm Thanh                    | Hoàng  | 01-03-08               | 61960626    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 627 | Phan Công Duy                 | Khánh  | 11-05-08               | 61960627    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 628 | Phan Văn Gia                  | Phúc   | 27-06-08               | 61960628    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 629 | Phùng Võ Ánh                  | Minh   | 03-04-08               | 61960629    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 630 | Thái Lê                       | Phuong | 25-06-08               | 61960630    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 631 | Trần Anh                      | Tuệ    | 20-08-08               | 61960631    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 632 | Trần Đình Gia                 | Huy    | 20-05-08               | 61960632    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 633 | Trần Hải                      | Đăng   | 26-06-08               | 61960633    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 634 | Trần Hải                      | Long   | 05-01-08               | 61960634    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 635 | Trần Trung                    | Hải    | 01-09-08               | 61960635    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 636 | Trương Ngọc Minh              | Châu   | 16-03-08               | 61960636    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 637 | Võ Châu Anh                   | Thư    | 28-01-08               | 61960637    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 638 | Võ Như Hồng                   | Hà     | 24-06-08               | 61960638    |              | 3             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 639 | Bùi Minh                      | Đức    | 10-05-07               | 61960639    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 640 | Đàm Nguyễn Ngọc               | Minh   | 26-03-07               | 61960640    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 641 | Đặng Lê Nguyên                | Khang  | 15-01-07               | 61960641    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 642 | Đỗ Nguyên Đăng                | Khoa   | 17-01-07               | 61960642    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 643 | Đỗ Nguyễn Quỳnh               | Anh    | 06-03-07               | 61960643    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 644 | Đỗ Quảng                      | Giác   | 27-04-07               | 61960644    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 645 | Đỗ Thị Cát                    | Tiên   | 28-04-07               | 61960645    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 646 | Dương Đặng Phú                | Khang  | 05-11-07               | 61960646    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 647 | Dương Nguyễn Quốc             | Thịnh  | 22-11-07               | 61960647    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 648 | Hà Diệu                       | Anh    | 12-10-07               | 61960648    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 649 | Hồ Nguyễn Thanh               | Thảo   | 06-11-07               | 61960649    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 650 | Hồ Tường                      | Linh   | 22-01-07               | 61960650    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 651 | Hoàng Thảo                    | Vy     | 15-10-07               | 61960651    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 652 | Hoồ Anh                       | Tuấn   | 12-01-07               | 61960652    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 653 | Huỳnh Bảo Anh                 | Thư    | 26-11-07               | 61960653    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 654 | Huỳnh Khôi                    | Nguyên | 20-07-07               | 61960654    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 655 | Huỳnh Mai                     | Khanh  | 09-11-07               | 61960655    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 656 | Huỳnh Thanh Thanh             | Bình   | 19-09-07               | 61960656    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 657 | Huỳnh Trương Thảo             | Nhi    | 19-06-07               | 61960657    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 658 | Lê                            | Nam    | 01-12-07               | 61960658    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 659 | Lê Đức                        | Hải    | 25-02-07               | 61960659    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 660 | Lê Hiền                | Minh   | 08-06-07               | 61960660    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 661 | Lê Ngọc Bảo            | Tâm    | 25-01-07               | 61960661    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 662 | Lê Phạm Trung          | Kiên   | 16-09-07               | 61960662    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 663 | Lê Phương              | Uyên   | 06-06-07               | 61960663    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 664 | Lê Thanh               | Phong  | 22-12-07               | 61960664    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 665 | Lê Thanh               | Thảo   | 11-10-07               | 61960665    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 666 | Mai Thị Thảo           | Ngân   | 01-03-07               | 61960666    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 667 | Ngô Nhật               | Linh   | 04-05-07               | 61960667    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 668 | Ngô Quốc               | Thái   | 22-01-07               | 61960668    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 669 | Nguyễn Anh             | Khôi   | 24-08-07               | 61960669    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 670 | Nguyễn Ánh             | Dương  | 03-11-07               | 61960670    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 671 | Nguyễn Dương chí       | Bảo    | 07-09-07               | 61960671    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 672 | Nguyễn Gia             | Phúc   | 03-11-07               | 61960672    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 673 | Nguyễn Hồng            | Phúc   | 29-06-07               | 61960673    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 674 | Nguyễn Hữu             | Khánh  | 17-07-07               | 61960674    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 675 | Nguyễn Huy             | Thành  | 10-03-07               | 61960675    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 676 | Nguyễn Huy             | Hoàng  | 23-06-07               | 61960676    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 677 | Nguyễn Khánh           | Hung   | 04-08-07               | 61960677    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 678 | Nguyễn Khánh           | Ngọc   | 14-10-07               | 61960678    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 679 | Nguyễn Khánh           | Trường | 10-09-07               | 61960679    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 680 | Nguyễn Lê              | Phúc   | 02-07-07               | 61960680    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 681 | Nguyễn Lê Hoàng        | Anh    | 28-08-07               | 61960681    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 682 | Nguyễn Lê Nghĩa        | Kiệt   | 28-03-07               | 61960682    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 683 | Nguyễn Lê Phương       | Loan   | 18-09-07               | 61960683    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 684 | Nguyễn Minh            | Đức    | 10-04-07               | 61960684    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 685 | Nguyễn Nam Trọng       | Nhân   | 25-11-07               | 61960685    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 686 | Nguyễn Nguyễn          | Tín    | 18-10-07               | 61960686    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 687 | Nguyễn Nhật            | Nam    | 17-09-07               | 61960687    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 688 | Nguyễn Như             | Quỳnh  | 05-07-07               | 61960688    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 689 | Nguyễn Phạm Tân        | An     | 02-12-07               | 61960689    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 690 | Nguyễn Phước Thanh     | Hiền   | 04-10-07               | 61960690    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 691 | Nguyễn Song            | Đạt    | 24-01-07               | 61960691    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 692 | Nguyễn Thị Khánh       | Trúc   | 28-08-07               | 61960692    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 693 | Nguyễn Thục            | Nhi    | 27-12-07               | 61960693    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 694 | Nguyễn Thủy Ngọc       | Nhi    | 16-01-07               | 61960694    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 695 | Nguyễn Tô Ngân         | Giang  | 19-04-07               | 61960695    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 696 | Nguyễn Trúc            | Chi    | 30-04-07               | 61960696    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 697 | Nguyễn Tuấn                   | Anh    | 16-02-07               | 61960697    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 698 | NguyễnĐỗ Quỳnh                | Trâm   | 09-06-07               | 61960698    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 699 | Phạm Như                      | Khuê   | 16-11-07               | 61960699    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 700 | Phạm Thùy                     | Trâm   | 02-06-07               | 61960700    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 701 | Phan Đỗ Anh                   | Kim    | 27-09-07               | 61960701    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 702 | Phan Lê                       | Dung   | 13-11-07               | 61960702    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 703 | Phan Lê Thanh                 | Thảo   | 27-04-07               | 61960703    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 704 | Phan Phạm Nhật                | Nam    | 30-08-07               | 61960704    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 705 | Phan Văn Thành                | Đạt    | 24-05-07               | 61960705    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 706 | Trần Công Đức                 | Phúc   | 13-12-07               | 61960706    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 707 | Trần Hoàng Thảo               | Duyên  | 28-01-07               | 61960707    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 708 | Trần Khải                     | Ca     | 03-08-07               | 61960708    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 709 | Trần Lê                       | Giang  | 16-11-07               | 61960709    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 710 | Trần Phương                   | Uyên   | 01-11-07               | 61960710    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 711 | Trần Thị Bảo                  | Ngọc   | 13-08-07               | 61960711    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 712 | Trần Vinh                     | Quang  | 22-09-07               | 61960712    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 713 | Trần Vĩnh                     | Trọng  | 17-02-07               | 61960713    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 714 | Trần Vũ Minh                  | Huyền  | 19-08-07               | 61960714    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 715 | Trương Công                   | Nghĩa  | 06-03-07               | 61960715    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 716 | Trương Minh                   | Phương | 30-10-07               | 61960716    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 717 | Võ Lê Bảo                     | Ngân   | 08-05-07               | 61960717    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 718 | Võ Ngọc Khánh                 | Linh   | 11-07-07               | 61960718    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 719 | Võ Triệu                      | Vi     | 07-07-07               | 61960719    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 720 | Võ Tuấn                       | Minh   | 09-11-07               | 61960720    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 721 | Võ Văn                        | Minh   | 23-01-07               | 61960721    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 722 | Vũ Đỗ Khắc                    | Thành  | 27-03-07               | 61960722    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 723 | Vương Đình                    | Khang  | 03-10-07               | 61960723    |              | 4             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 724 | Bùi Nguyễn Khánh              | Nguyên | 19-08-06               | 61960724    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 725 | Bùi Thị Kim                   | Ngân   | 26-02-06               | 61960725    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 726 | Bùi Xuân                      | Bách   | 26-07-06               | 61960726    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 727 | Đàm Quốc                      | Đạt    | 31-03-06               | 61960727    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 728 | Đoàn Trần Vân                 | Anh    | 03-08-06               | 61960728    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 729 | Dương Quốc                    | Việt   | 14-02-06               | 61960729    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 730 | Hà Khương                     | Duy    | 15-09-06               | 61960730    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 731 | Hứa Trần Bảo                  | Ngọc   | 01-01-06               | 61960731    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 732 | Lê Châu                       | Anh    | 24-09-06               | 61960732    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 733 | Lê Minh                       | Anh    | 26-06-06               | 61960733    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|-----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 734 | Lê Nguyễn Khánh        | Ngọc   | 01-09-06               | 61960734    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 735 | Nguyễn Anh             | Thảo   | 24-12-06               | 61960735    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 736 | Nguyễn Đình Mai        | Lan    | 27-03-06               | 61960736    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 737 | Nguyễn Đỗ Chí          | Thành  | 01-11-06               | 61960737    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 738 | Nguyễn Huỳnh Bảo       | Trần   | 02-02-06               | 61960738    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 739 | Nguyễn Minh Gia        | Hân    | 20-07-06               | 61960739    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 740 | Nguyễn Quỳnh           | Như    | 12-09-06               | 61960740    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 741 | Nguyễn Thái            | Bảo    | 10-03-06               | 61960741    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 742 | Nguyễn Thanh           | Phú    | 13-06-06               | 61960742    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 743 | Nguyễn Thị Bảo         | Trần   | 10-04-06               | 61960743    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 744 | Nguyễn Thị Minh        | An     | 06-08-06               | 61960744    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 745 | Nguyễn Triều           | Tiến   | 15-03-06               | 61960745    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 746 | Nguyễn Trọng           | Khoa   | 15-05-06               | 61960746    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 747 | Nguyễn Tuấn            | Khang  | 15-11-06               | 61960747    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 748 | Nguyễn Văn Khánh       | Thành  | 02-09-06               | 61960748    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 749 | Nguyễn Võ Thảo         | Nguyên | 06-01-06               | 61960749    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 750 | Nguyễn Xuân            | Huy    | 28-04-06               | 61960750    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 751 | Phạm Hữu               | Đức    | 03-01-06               | 61960751    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 752 | Phạm Khắc Huy          | Nhật   | 01-10-06               | 61960752    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 753 | Phạm Phú Minh          | Thạnh  | 07-01-06               | 61960753    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 754 | Phan Lê Uyên           | Nhi    | 18-02-06               | 61960754    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 755 | Phan Ngọc              | Quân   | 11-01-06               | 61960755    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 756 | Phan Nguyễn Thục       | Trình  | 19-06-06               | 61960756    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 757 | Phan Trần Hạ           | Giang  | 20-07-06               | 61960757    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 758 | Tạ Hồng                | Phúc   | 05-04-06               | 61960758    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 759 | Trần Hoàng             | Ngân   | 14-05-06               | 61960759    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 760 | Trần Nguyễn Trang      | Linh   | 12-12-06               | 61960760    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 761 | Trần Nhật              | Long   | 21-06-06               | 61960761    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 762 | Trần Quang             | Thắng  | 16-06-06               | 61960762    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 763 | Trần Quỳnh             | Trình  | 05-09-06               | 61960763    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 764 | Trần Trọng             | Hoàng  | 14-06-06               | 61960764    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 765 | Võ Trần Hoàng          | Thơ    | 07-06-06               | 61960765    |              | 5             | Núi Thành            | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 766 | Hoàng Thiên            | Ngân   | 13-01-08               | 61960766    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 767 | Nguyễn Phương          | Thảo   | 07-09-08               | 61960767    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 768 | Phạm Phú Trung         | Nguyên | 22-04-08               | 61960768    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 769 | Phan Bảo               | Anh    | 22-04-08               | 61960769    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 770 | Phan Hoàng Bảo         | Châu   | 01-05-08               | 61960770    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|-----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 771 | Trần Bảo               | Ngọc   | 04-12-08               | 61960771    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 772 | Trần Nguyễn Thảo       | Vy     | 18-05-08               | 61960772    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 773 | Trương Ngọc Khánh      | Vân    | 17-02-08               | 61960773    | 3/1          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 774 | Đặng Hoàng             | Bách   | 18-07-08               | 61960774    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 775 | Đoàn Mỹ                | Duyên  | 29-05-08               | 61960775    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 776 | Dương Quốc             | Tuấn   | 14-06-08               | 61960776    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 777 | Lưu Thùy Khánh         | Ngọc   | 11-02-08               | 61960777    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 778 | Nguyễn Công            | Anh    | 01-04-08               | 61960778    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 779 | Nguyễn Đức Anh         | Khoa   | 19-11-08               | 61960779    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 780 | Nguyễn Lê Bảo          | Trâm   | 07-12-08               | 61960780    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 781 | Nguyễn Trâm            | Anh    | 20-12-08               | 61960781    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 782 | Nguyễn Tú Ngọc         | Quỳnh  | 16-01-08               | 61960782    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 783 | Trần Ngọc Thiên        | Bảo    | 16-06-08               | 61960783    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 784 | Trương Lam             | Giang  | 12-02-08               | 61960784    | 3/2          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 785 | Nguyễn Bùi Song        | Kiên   | 01-04-08               | 61960785    | 3/5          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 786 | Phan Thiên             | Kim    | 09-06-07               | 61960786    | 3/5          | 3             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 787 | Cao Ngọc               | Trâm   | 24-06-07               | 61960787    | 4/1          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 788 | Hà Phạm Nhã            | Uyên   | 10-12-07               | 61960788    | 4/1          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 789 | Hoàng Nguyên Khánh     | Chi    | 16-02-07               | 61960789    | 4/1          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 790 | Lê Trần Hạ             | My     | 16-07-07               | 61960790    | 4/1          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 791 | Nguyễn Đức Thành       | Đạt    | 13-06-07               | 61960791    | 4/1          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 792 | Nguyễn Phước Mỹ        | Phương | 27-02-07               | 61960792    | 4/1          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 1 (7g15-9g00)  |
| 793 | Trần Quang             | Nhật   | 19-07-07               | 61960793    | 4/1          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 794 | Đinh Trường            | Huy    | 24-12-07               | 61960794    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 795 | Đoàn Duy               | Phương | 07-02-07               | 61960795    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 796 | Hồ Ngọc                | Tiên   | 01-09-07               | 61960796    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 797 | Hồ Võ Thúy             | Hải    | 06-10-07               | 61960797    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 798 | Huỳnh Đoàn Duy         | Khang  | 30-04-08               | 61960798    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 799 | Lê Nguyễn Khánh        | Anh    | 22-12-07               | 61960799    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 800 | Lê Quốc                | Khánh  | 09-02-07               | 61960800    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 801 | Nguyễn Bá Khôi         | Nguyễn | 18-11-07               | 61960801    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 802 | Nguyễn Minh            | Khôi   | 29-11-07               | 61960802    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 803 | Nguyễn Nam             | Vân    | 18-11-07               | 61960803    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 804 | Nguyễn Trần Anh        | Khoa   | 02-02-07               | 61960804    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 805 | Trương Nguyên Thanh    | Bình   | 17-02-07               | 61960805    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 806 | Võ Đoàn Hải            | Anh    | 28-10-07               | 61960806    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 807 | Võ Hoàng               | Nguyễn | 17-05-07               | 61960807    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi            |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|-------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                   |
| 808 | Võ Như                        | Thăng  | 13-11-07               | 61960808    | 4/2          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 809 | Bùi Thị Đoan                  | Trang  | 10-06-07               | 61960809    | 4/3          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 810 | Đinh Gia                      | Khánh  | 15-12-07               | 61960810    | 4/3          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 811 | Hà Bảo                        | Ngọc   | 21-10-07               | 61960811    | 4/3          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 812 | Hồ Xuân                       | Dũng   | 03-06-07               | 61960812    | 4/3          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 813 | Nguyễn Ái                     | Như    | 20-08-07               | 61960813    | 4/3          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 814 | Nguyễn Ngọc Bảo               | Hân    | 29-08-07               | 61960814    | 4/3          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 815 | Đặng Vũ Quang                 | Vinh   | 22-09-07               | 61960815    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 816 | Đoàn Minh                     | Trọng  | 12-06-07               | 61960816    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 817 | Huỳnh Đăng                    | Thắng  | 10-11-07               | 61960817    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 818 | Nguyễn Bá                     | Đạt    | 22-06-07               | 61960818    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 819 | Nguyễn Vinh                   | Tùng   | 02-09-07               | 61960819    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 820 | Trần Phạm Khả                 | Hân    | 01-11-07               | 61960820    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 821 | Trần Quang                    | Minh   | 27-07-07               | 61960821    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 822 | Trịnh Gia                     | Hân    | 11-08-07               | 61960822    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 823 | Trương Kim Huy                | Trường | 30-07-07               | 61960823    | 4/4          | 4             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 824 | Hoàng Nhật                    | Nam    | 06-04-06               | 61960824    | 5/1          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 825 | Nguyễn Phúc                   | Vĩnh   | 27-01-06               | 61960825    | 5/1          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 826 | Nguyễn Thảo                   | Nguyên | 08-08-06               | 61960826    | 5/1          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 827 | Trần Hải                      | Đăng   | 26-01-06               | 61960827    | 5/1          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 828 | Đoàn Thảo                     | Vy     | 19-12-06               | 61960828    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 829 | Đoàn Tuấn                     | Huy    | 02-01-06               | 61960829    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 830 | Hoàng Minh Ý                  | Nhi    | 11-06-06               | 61960830    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 831 | Lê Thị Khánh                  | Hà     | 15-03-06               | 61960831    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 832 | Ngô Ngọc Gia                  | Bảo    | 13-03-06               | 61960832    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 833 | Nguyễn Gia                    | Bình   | 22-08-06               | 61960833    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 834 | Phan Thị Khánh                | Trang  | 30-06-06               | 61960834    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 835 | Trần Dũng                     | Lân    | 13-12-06               | 61960835    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 836 | Trần Hương                    | Giang  | 22-08-06               | 61960836    | 5/2          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 837 | Đỗ Thị Hải                    | Ngân   | 10-03-06               | 61960837    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 838 | Hồ Lê Thu                     | Trang  | 25-07-06               | 61960838    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 839 | Hoàng Ngọc                    | Nguyên | 08-03-06               | 61960839    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 840 | Hoàng Phúc                    | Hung   | 06-06-06               | 61960840    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 841 | Huỳnh Cao Huy                 | Hoàng  | 19-01-06               | 61960841    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 842 | Huỳnh Hồ Kì                   | Duyên  | 05-10-06               | 61960842    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 843 | Huỳnh Lê Tuấn                 | Khanh  | 06-03-06               | 61960843    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 844 | Lâm Quang                     | Khải   | 14-01-06               | 61960844    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT  | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi            |
|-----|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|-------------------|
|     | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                   |
| 845 | Ngô Hữu                | Phúc   | 08-02-06               | 61960845    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 846 | Nguyễn Gia             | Huy    | 06-04-06               | 61960846    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 847 | Nguyễn Mai Hồng        | Phúc   | 02-08-06               | 61960847    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 848 | Nguyễn Thành           | Danh   | 24-06-06               | 61960848    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 849 | Nguyễn Thụy Bảo        | Châu   | 22-01-06               | 61960849    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 850 | Tôn Thất Nhật          | Tân    | 05-10-07               | 61960850    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 851 | Võ Công                | Đạt    | 12-07-06               | 61960851    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 852 | Vũ Lê Tiến             | Thịnh  | 01-01-06               | 61960852    | 5/3          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 853 | Đặng Ái                | Nhi    | 01-01-06               | 61960853    | 5/4          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 854 | Nguyễn Hoài Uyên       | Nhi    | 16-07-06               | 61960854    | 5/4          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 855 | Phạm Phước             | Bách   | 03-02-06               | 61960855    | 5/4          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 856 | Phan Minh              | Khuê   | 15-10-06               | 61960856    | 5/4          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 857 | Trần Bảo               | Ngọc   | 21-03-06               | 61960857    | 5/4          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 858 | Trần Khánh             | Huyền  | 30-09-06               | 61960858    | 5/4          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 859 | Văn Công Bảo           | An     | 15-05-06               | 61960859    | 5/4          | 5             | Ông Ích Khiêm        | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 860 | Hồ Minh                | Khang  | 25-11-08               | 61960860    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 861 | Hồ Nhật                | Nam    | 13-08-08               | 61960861    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 862 | Huỳnh Nam              | Trân   | 01-02-08               | 61960862    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 863 | Nguyễn Hoàng           | Lâm    | 14-02-08               | 61960863    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 864 | Nguyễn Hồng            | Sa     | 01-06-08               | 61960864    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 865 | Nguyễn Ngọc Anh        | Khoa   | 11-09-08               | 61960865    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 866 | Nguyễn Ngọc Nam        | Trân   | 04-07-08               | 61960866    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 867 | Nguyễn Nhật            | Minh   | 18-03-08               | 61960867    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 868 | Nguyễn Như Cát         | Tuồng  | 10-05-08               | 61960868    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 869 | Phan Tâm               | Nguyên | 01-09-08               | 61960869    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 870 | Tạ Nam                 | Trung  | 17-08-08               | 61960870    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 871 | Tổng Phước Khánh       | Đoan   | 04-10-08               | 61960871    | 3/1          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 872 | Bùi Chí                | Thành  | 23-05-08               | 61960872    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 873 | Châu Lê Hương          | Giang  | 27-05-08               | 61960873    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 874 | Đặng Thị Ngọc          | Dung   | 25-05-08               | 61960874    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 875 | Lại Thị Minh           | An     | 15-08-08               | 61960875    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 876 | Lê Nguyễn Phương       | Uyên   | 28-02-08               | 61960876    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 877 | Lê Nguyễn Quốc         | Bảo    | 07-11-08               | 61960877    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 878 | Ngô Hoàn               | Thiện  | 17-04-08               | 61960878    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 879 | Nguyễn Đức             | Anh    | 10-05-08               | 61960879    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 880 | Nguyễn Mai Anh         | Quân   | 13-08-08               | 61960880    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 881 | Nguyễn Thị Khánh       | Hân    | 12-05-08               | 61960881    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi            |
|-----|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|-------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                   |
| 882 | Phan Lê Phương                | Thy    | 21-08-08               | 61960882    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 883 | Trần An                       | Bình   | 15-07-08               | 61960883    | 3/2          | 3             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 884 | Nguyễn Tuấn                   | Khang  |                        | 61960884    | 4/1          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 885 | Trần                          | Uy     | 16-04-07               | 61960885    | 4/1          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 886 | Huỳnh Lâm Thiên               | Quyên  | 16-09-07               | 61960886    | 4/2          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 887 | Võ Thiện Anh                  | Khoa   | 15-04-07               | 61960887    | 4/3          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 888 | Vũ Nguyễn Bảo                 | Ngọc   | 21-06-07               | 61960888    | 4/3          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 889 | Bạch Thái                     | Diễm   | 11-07-07               | 61960889    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 890 | Cao Dạ Thảo                   | Linh   | 18-06-07               | 61960890    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 891 | Hồ Mai Quốc                   | Huy    | 27-11-07               | 61960891    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 892 | Lương Duy                     | Khôi   | 14-10-07               | 61960892    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 893 | Nguyễn Minh                   | Khuê   | 18-12-07               | 61960893    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 894 | Nguyễn Tiến Trí               | Nhân   | 31-01-07               | 61960894    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 895 | Tổng Thị Hà                   | My     | 12-01-07               | 61960895    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 896 | Trần Gia                      | Linh   | 05-04-07               | 61960896    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 897 | Trần Ngọc Linh                | Chi    | 08-01-07               | 61960897    | 4/4          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 898 | Hồ Ngọc                       | Anh    | 12-07-07               | 61960898    | 4/5          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 899 | Lê Phúc Khánh                 | Trần   | 17-04-07               | 61960899    | 4/5          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 900 | Mai Nguyễn Phương             | Uyên   | 18-09-07               | 61960900    | 4/5          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 901 | Nguyễn Hồ Gia                 | Khuê   | 10-11-07               | 61960901    | 4/5          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 902 | Nguyễn Nho Lê                 | Nguyễn | 01-01-07               | 61960902    | 4/5          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 903 | Trần Đỗ Hoài                  | Ngọc   | 21-05-07               | 61960903    | 4/5          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 904 | Trần Hải                      | Quỳnh  | 17-12-07               | 61960904    | 4/5          | 4             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 905 | Đoàn Ngọc Đào                 | Nguyễn | 07-12-06               | 61960905    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 906 | Đoàn Quang                    | Huy    | 04-07-06               | 61960906    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 907 | Đồng Quốc                     | Việt   | 12-12-06               | 61960907    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 908 | Dương Trung                   | Hiếu   | 14-07-06               | 61960908    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 909 | Hồ Hoàng                      | An     | 18-10-06               | 61960909    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 910 | Huỳnh Nguyễn Huyền            | Trang  | 08-11-06               | 61960910    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 911 | Lê Chí                        | Dũng   | 30-04-06               | 61960911    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 912 | Ngô Trần Bảo                  | Minh   | 26-04-06               | 61960912    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 913 | Nguyễn Hoàng Minh             | Thư    | 05-09-06               | 61960913    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 914 | Nguyễn Hồng                   | Phương | 03-09-06               | 61960914    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 915 | Nguyễn Nam                    | Khánh  | 22-05-06               | 61960915    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 916 | Nguyễn Phương Hồng            | Diệp   | 22-03-06               | 61960916    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 917 | Phạm Phan Hà                  | Lam    | 05-11-06               | 61960917    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 918 | Phan Lê Thảo                  | Nguyễn | 28-10-06               | 61960918    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi            |
|-----|-------------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|-------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                   |
| 919 | Trần Quỳnh                    | Như   | 19-08-06               | 61960919    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 920 | Văn Minh                      | Tuấn  | 28-07-06               | 61960920    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 921 | Võ Văn                        | Thắng | 03-09-06               | 61960921    | 5/1          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 922 | Nguyễn Phú Quỳnh              | Hoa   | 05-02-06               | 61960922    | 5/2          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 923 | Hồ Nguyên                     | Quỳnh | 05-03-06               | 61960923    | 5/3          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 924 | Lê Minh                       | Tú    | 22-08-06               | 61960924    | 5/3          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 925 | Nguyễn Thành Long             | Giang | 11-11-06               | 61960925    | 5/3          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 926 | Nguyễn Thị Minh               | Châu  | 24-03-03               | 61960926    | 5/3          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 927 | Trần Bảo                      | Lâm   | 19-04-06               | 61960927    | 5/3          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 928 | Võ Đức                        | Khôi  | 01-09-06               | 61960928    | 5/3          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 929 | Dương Hiền Chí                | Kiên  | 01-07-06               | 61960929    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 930 | Lương Duy                     | Toàn  | 05-09-06               | 61960930    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 931 | Nguyễn Đức Phúc               | Thịnh | 22-10-06               | 61960931    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 932 | Nguyễn Châu Minh              | Sa    | 18-06-06               | 61960932    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 933 | Nguyễn Đức Gia                | Huy   | 16-04-06               | 61960933    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 934 | Nguyễn Hoàng                  | Mỹ    | 05-02-06               | 61960934    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 935 | Nguyễn Hữu                    | Giang | 01-03-06               | 61960935    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 936 | Nguyễn Ngọc Yến               | Khanh | 08-04-06               | 61960936    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 937 | Nguyễn Ngọc Yến               | Khanh | 04-08-06               | 61960937    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 938 | Nguyễn Quốc                   | Hoàng | 03-09-06               | 61960938    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 939 | Nguyễn Thanh                  | Tâm   | 17-05-06               | 61960939    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 940 | Nguyễn Văn Bảo                | Châu  | 07-06-06               | 61960940    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 941 | Nguyễn Việt Minh              | Khoa  | 02-07-06               | 61960941    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 942 | Phạm Lê Minh                  | Hoàng | 16-08-06               | 61960942    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 943 | Phạm Thị Bảo                  | Ngọc  | 16-04-06               | 61960943    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 944 | Phan Diệp Minh                | Thư   | 11-07-06               | 61960944    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 945 | Phan Thảo Phương              | Linh  | 28-08-06               | 61960945    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 946 | Phan Thảo Phương              | Linh  | 28-06-06               | 61960946    | 5/4          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         |                   | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 947 | Đoàn Quỳnh                    | Như   | 08-04-06               | 61960947    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 948 | Lê Công                       | Trí   | 06-08-06               | 61960948    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 949 | Lê Nhật                       | Tiên  | 20-02-06               | 61960949    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 950 | Nguyễn Hoàng                  | Anh   | 22-05-06               | 61960950    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 951 | Nguyễn Hoàng Miên             | Chi   | 07-08-06               | 61960951    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 952 | Phạm Đoàn                     | Hoàng | 05-03-06               | 61960952    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 953 | Phạm Quốc                     | Hung  | 09-01-06               | 61960953    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 954 | Phùng Nguyễn Thái             | Khoa  | 07-10-06               | 61960954    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 955 | Trần Hà                       | Giang | 31-01-06               | 61960955    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT  | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi            |
|-----|-------------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|-------------------|
|     | Họ & đệm                      | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                   |
| 956 | Trần Ngọc Gia                 | Phúc  | 13-08-06               | 61960956    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 957 | Trương Anh                    | Khoa  | 29-08-06               | 61960957    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 958 | Võ Minh                       | Đức   | 19-10-06               | 61960958    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 959 | Vũ Minh                       | Hải   | 17-03-06               | 61960959    | 5/5          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 960 | Đinh Tiến                     | Phong | 02-10-06               | 61960960    | 5/6          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 961 | Hà Minh                       | Hoàng | 30-04-06               | 61960961    | 5/6          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 962 | Nguyễn Dương Gia              | Bảo   | 23-02-06               | 61960962    | 5/6          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 963 | Trần Nhật                     | Tân   | 17-03-06               | 61960963    | 5/6          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 964 | Võ Như Nhật                   | Anh   | 19-05-06               | 61960964    | 5/6          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 965 | Đặng Ngọc Huyền               | Trang | 18-08-06               | 61960965    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 966 | Đặng Trần                     | Huy   | 08-07-06               | 61960966    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 967 | Hồ Phương                     | Di    | 10-09-06               | 61960967    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 968 | Lâm Tiến                      | Dũng  | 23-07-06               | 61960968    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 969 | Nguyễn Thị Minh               | Thư   | 29-06-06               | 61960969    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 970 | Nguyễn Trần Khánh             | Linh  | 31-07-06               | 61960970    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 971 | Trần Ngọc Đức                 | Lộc   | 03-04-06               | 61960971    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 972 | Vũ Lê                         | Huy   | 29-03-06               | 61960972    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 973 | Vũ Lê Cát                     | Tiên  | 12-07-06               | 61960973    | 5/7          | 5             | Phan Thanh           | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 974 | Nguyễn Hà Đan                 | Thy   | 27-11-08               | 61960974    | 3/7          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 975 | Đặng Đức                      | Anh   | 14-07-06               | 61960975    | 5/4          | 5             | Tây Hồ               | Hải Châu         |                   | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 976 | Đoàn Tuấn                     | Kiệt  | 02-02-08               | 61960976    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 977 | Hoàng Bảo                     | Nghi  | 30-08-08               | 61960977    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 978 | Huỳnh Hồ Khánh                | Hà    | 14-06-08               | 61960978    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 979 | Lương Phúc                    | An    | 25-12-08               | 61960979    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 980 | Ngô Hữu Phúc                  | Anh   | 29-01-08               | 61960980    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 981 | Nguyễn Đình Khánh             | An    | 25-05-08               | 61960981    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 982 | Phạm Như                      | Trang | 06-05-08               | 61960982    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 983 | Trần Ngô Hoàng                | Thiên | 27-02-08               | 61960983    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 984 | Trần Thái Minh                | Bảo   | 24-06-08               | 61960984    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 985 | Trần Thục Khánh               | Duyên | 29-02-08               | 61960985    | 3/1          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 986 | Đỗ Xuân                       | My    | 10-12-08               | 61960986    | 3/2          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 987 | Nguyễn Lê Thanh               | Hà    | 06-03-08               | 61960987    | 3/2          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 988 | Nguyễn Lê Bảo                 | Châu  | 29-07-08               | 61960988    | 3/3          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 989 | Nguyễn Thị Tường              | Vy    | 21-01-08               | 61960989    | 3/3          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 990 | Vũ Trần Gia                   | Hung  | 15-02-08               | 61960990    | 3/3          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 991 | Phan Minh                     | Hoàng | 26-12-08               | 61960991    | 3/4          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 992 | Trần Khánh                    | Hung  | 18-12-08               | 61960992    | 3/4          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 993  | Trần Nguyễn Gia        | Huy    | 02-02-08               | 61960993    | 3/4          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 994  | Bùi Tuyết              | Ngân   | 08-11-08               | 61960994    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 995  | Hồ Gia                 | Huy    | 31-03-08               | 61960995    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 996  | Ngô Tất Thành          | Phát   | 16-09-08               | 61960996    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 997  | Nguyễn Hiếu Gia        | Hung   | 07-03-08               | 61960997    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 998  | Nguyễn Ngọc Quỳnh      | Châu   | 26-04-08               | 61960998    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 999  | Phan Nguyễn Thiên      | Thư    | 31-05-08               | 61960999    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1000 | Trần Cao Anh           | Phương | 15-05-08               | 61961000    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1001 | Trần Quang             | Trí    | 01-11-08               | 61961001    | 3/5          | 3             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1002 | Châu Hoàng Anh         | Tài    | 05-10-07               | 61961002    | 4/1          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1003 | Hoàng Gia              | Huy    | 14-04-07               | 61961003    | 4/1          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1004 | Lê Hoàng Xuân          | Mai    | 04-01-07               | 61961004    | 4/1          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1005 | Ngô Châu               | Hoàng  | 18-12-07               | 61961005    | 4/1          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1006 | Nguyễn Hữu Vĩnh        | Chinh  | 27-03-07               | 61961006    | 4/1          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1007 | Nguyễn Ngọc Minh       | Khuê   | 21-01-07               | 61961007    | 4/1          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1008 | Vương Đăng             | Nhật   | 04-04-07               | 61961008    | 4/1          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1009 | Hồ Gia Minh            | Ngọc   | 07-05-07               | 61961009    | 4/2          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1010 | Huỳnh Lê Bảo           | Trâm   | 18-05-07               | 61961010    | 4/2          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1011 | Đỗ Hoàng               | Quân   | 28-06-07               | 61961011    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1012 | Hồ Thảo                | Nhi    | 02-10-07               | 61961012    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1013 | Huỳnh Thiên            | Ân     | 22-02-07               | 61961013    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1014 | Huỳnh Thị Thanh        | Hân    | 03-07-07               | 61961014    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1015 | Lương Lê Thảo          | Nguyên | 20-09-07               | 61961015    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1016 | Nguyễn Bảo Phương      | Uyên   | 10-09-07               | 61961016    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1017 | Nguyễn Cao Hoàng       | Long   | 29-06-07               | 61961017    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1018 | Nguyễn Ngọc Thảo       | My     | 29-10-07               | 61961018    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1019 | Nguyễn Trần Thanh      | Tâm    | 10-09-07               | 61961019    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1020 | Nguyễn Văn Quốc        | Thịnh  | 03-12-07               | 61961020    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1021 | Phạm Nguyễn Nam        | Thiện  | 25-02-07               | 61961021    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1022 | Trần Đức               | Vũ     | 13-06-07               | 61961022    | 4/3          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1023 | Lâm Bảo                | Ngọc   | 25-01-07               | 61961023    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1024 | Lý Quốc                | Huy    | 14-08-07               | 61961024    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1025 | Nguyễn Lê Cát          | Tường  | 01-05-07               | 61961025    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1026 | Nguyễn Lê Mỹ           | Uyên   | 24-10-07               | 61961026    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1027 | Nguyễn Minh            | Trang  | 03-08-07               | 61961027    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1028 | Nguyễn Minh Khánh      | Hoàng  | 28-05-07               | 61961028    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1029 | Nguyễn Phan Quỳnh      | Như    | 17-09-07               | 61961029    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1030 | Nguyễn Thanh Thiên     | Kim    | 09-05-07               | 61961030    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1031 | Nguyễn Thị Yến         | Như    | 27-02-08               | 61961031    | 4/4          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1032 | Diệp Trí               | Dũng   | 05-07-06               | 61961032    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1033 | Dương Thị Hoài         | Thương | 10-12-06               | 61961033    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1034 | Mai Trần Tuấn          | Khoa   | 15-07-06               | 61961034    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1035 | Nguyễn Lê Bảo          | Trâm   | 20-10-05               | 61961035    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1036 | Nguyễn Lê Khánh        | Quỳnh  | 08-08-06               | 61961036    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1037 | Nguyễn Ngọc Phương     | Anh    | 20-11-06               | 61961037    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1038 | Phạm Thùy Trúc         | Anh    | 14-07-06               | 61961038    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1039 | Thái Dương             | Hoàng  | 15-07-06               | 61961039    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1040 | Võ Thảo                | Nguyên | 08-03-06               | 61961040    | 5/1          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1041 | Bạch Minh              | Niên   | 02-08-06               | 61961041    | 5/2          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1042 | Hồ Văn Anh             | Khê    | 18-07-06               | 61961042    | 5/2          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1043 | Lê Trúc                | Hạ     | 28-06-06               | 61961043    | 5/2          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1044 | Nguyễn Bảo             | Chân   | 23-09-06               | 61961044    | 5/2          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1045 | Đỗ Hồng Thảo           | Nguyên | 06-09-06               | 61961045    | 5/3          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1046 | Hồ Trần Thực           | Hân    | 23-03-06               | 61961046    | 5/3          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1047 | Nguyễn Khánh           | Toàn   | 27-04-06               | 61961047    | 5/3          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1048 | Nguyễn Lê              | Hoàng  | 26-09-06               | 61961048    | 5/3          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1049 | Trần Nguyễn Xuân       | Trang  | 25-12-06               | 61961049    | 5/3          | 5             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1050 | Lê Ngọc Khánh          | Thì    | 25-11-07               | 61961050    | 4/2          | 4             | Trần Thị Lý          | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1051 | Lê Quách               | Hữu    | 03-05-06               | 61961051    | 5/1          | 5             | Triệu Thị Trinh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1052 | Lê Văn                 | Nhàn   | 13-02-06               | 61961052    | 5/1          | 5             | Triệu Thị Trinh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1053 | Dương Huyền            | Trân   | 25-08-06               | 61961053    | 5/4          | 5             | Triệu Thị Trinh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1054 | Lê Nguyễn Trâm         | Như    | 31-01-06               | 61961054    | 5/4          | 5             | Triệu Thị Trinh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1055 | Lê Văn                 | Quốc   | 30-03-06               | 61961055    | 5/4          | 5             | Triệu Thị Trinh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1056 | Dương Nguyễn Hạnh      | Quỳnh  | 28-08-07               | 61961056    | 4/1          | 4             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1057 | Vũ Ngọc Khánh          | Trang  | 09-05-07               | 61961057    | 4/1          | 4             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1058 | Nguyễn Hoàng Xuân      | Vỹ     | 05-04-07               | 61961058    | 4/2          | 4             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1059 | Phan Nhật              | Tân    | 13-02-07               | 61961059    | 4/2          | 4             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1060 | Võ Lê Tổ               | Trình  | 01-12-07               | 61961060    | 4/2          | 4             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1061 | Lê Phước               | Phú    | 10-03-84               | 61961061    | 4/3          | 4             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1062 | Phạm Văn               | Thịnh  | 16-07-07               | 61961062    | 4/4          | 4             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1063 | Dương Thị Hà           | Trâm   | 25-11-06               | 61961063    | 5/1          | 5             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1064 | Lê Thị Anh             | Thư    | 02-10-06               | 61961064    | 5/2          | 5             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1065 | Nguyễn Thị Hoàng       | Yên    | 13-11-06               | 61961065    | 5/2          | 5             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1066 | Huỳnh Phạm Đoàn        | Thực   | 19-10-06               | 61961066    | 5/3          | 5             | Âu Cơ                | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1067 | Hoàng Thanh            | Trang  | 09-07-07               | 61961067    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1068 | Phan Trần Văn          | Đăng   | 11-01-07               | 61961068    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1069 | Bùi Phúc Bảo           | Anh    | 08-02-08               | 61961069    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1070 | Bùi Thị Lam            | Giang  | 04-02-08               | 61961070    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1071 | Lê Thị Diệu            | Minh   | 05-07-08               | 61961071    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1072 | Lê Trần Minh           | Thắng  | 15-11-08               | 61961072    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1073 | Lê Việt                | Hưởng  | 17-05-08               | 61961073    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1074 | Nguyễn Nhật            | Anh    | 20-10-08               | 61961074    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1075 | Nguyễn Như             | Huyền  | 17-08-08               | 61961075    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1076 | Tổng Thị Quỳnh         | Anh    | 02-04-08               | 61961076    | 3/1          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1077 | Nguyễn Ngọc Bảo        | Châu   | 05-01-08               | 61961077    | 3/2          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1078 | Nguyễn Ngọc Tường      | Vân    | 14-02-08               | 61961078    | 3/2          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1079 | Trần Cao Minh          | Hoàng  | 24-11-08               | 61961079    | 3/2          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1080 | Đỗ Thanh Bảo           | Ngọc   | 04-02-08               | 61961080    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1081 | Lê Hoài                | Thương | 13-01-08               | 61961081    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1082 | Nguyễn Đắc             | Duy    | 06-06-08               | 61961082    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1083 | Nguyễn Hoàng Phương    | Uyên   | 20-04-08               | 61961083    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1084 | Nguyễn Lê Quỳnh        | Khôi   | 08-02-08               | 61961084    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1085 | Nguyễn Thị Bảo         | Thy    | 21-09-08               | 61961085    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1086 | Phạm hồ phương         | Thảo   | 09-02-08               | 61961086    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1087 | Phạm Nguyễn Thy        | Lê     | 17-04-08               | 61961087    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1088 | Thái Ngọc Kim          | Nguyên | 15-03-08               | 61961088    | 3/3          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1089 | Lê Đàm Gia             | Huy    | 31-10-08               | 61961089    | 3/4          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1090 | Lê Thị Phương          | Yến    | 06-07-08               | 61961090    | 3/4          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1091 | Mai Đặng Quốc          | Việt   | 14-01-08               | 61961091    | 3/4          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1092 | Mai Ngọc Phước         | Lộc    | 01-01-08               | 61961092    | 3/4          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1093 | Nguyễn Thị Việt        | Trinh  | 30-08-08               | 61961093    | 3/4          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1094 | Phạm Minh              | Thảo   | 03-08-08               | 61961094    | 3/4          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1095 | Phan lê Yến            | Đào    | 20-11-08               | 61961095    | 3/4          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1096 | Lê thị Diễm            | Hằng   | 31-07-08               | 61961096    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1097 | Nguyễn Lê Gia          | Huy    | 21-07-08               | 61961097    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1098 | Nguyễn Thị Hồng        | Tâm    | 16-03-08               | 61961098    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1099 | Phan Hoàng             | Long   | 14-01-08               | 61961099    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1100 | Trần Minh              | Trí    | 21-06-08               | 61961100    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1101 | Trần Quang             | Sang   | 10-01-08               | 61961101    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1102 | Trần Tuấn              | Hung   | 03-07-08               | 61961102    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1103 | Võ Trương Gia          | Bảo    | 25-07-08               | 61961103    | 3/5          | 3             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1104 | Đặng Ngọc Phước               | Tài    | 10-01-07               | 61961104    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1105 | Đinh Nữ Bảo                   | Trâm   | 02-10-07               | 61961105    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1106 | Dương Văn Hoàng               | Vũ     | 16-08-07               | 61961106    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1107 | Huỳnh Hữu                     | Khoa   | 23-05-07               | 61961107    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1108 | Nguyễn Đức Hoàng              | Ngân   | 31-03-07               | 61961108    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1109 | Nguyễn Hoàng Linh             | Nhi    | 28-09-07               | 61961109    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1110 | Nguyễn Minh                   | Triết  | 20-11-07               | 61961110    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1111 | Phan Thị Ngọc                 | Hân    | 03-07-07               | 61961111    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1112 | Trần Khánh                    | Quỳnh  | 02-08-07               | 61961112    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1113 | Trần Khánh                    | Nhi    | 02-08-07               | 61961113    | 4/2          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1114 | Trần Dương                    | Hùng   | 25-06-07               | 61961114    | 4/4          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1115 | Phạm Vũ Ngọc                  | Anh    | 07-08-07               | 61961115    | 4/5          | 4             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1116 | Tăng Ngọc                     | Diệp   | 02-12-06               | 61961116    | 5/1          | 5             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1117 | Lê Đàm Gia                    | Bảo    | 27-05-06               | 61961117    | 5/4          | 5             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1118 | Lê Trí                        | Đức    | 01-01-06               | 61961118    | 5/4          | 5             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1119 | PhanThị Thanh                 | Na     | 09-06-06               | 61961119    | 5/4          | 5             | Bùi Thị Xuân         | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1120 | Nguyễn Hữu Anh                | Khôi   | 07-05-08               | 61961120    | 3/1          | 3             | Hải Vân              | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1121 | Phan Hải Khánh                | Giang  | 31-05-08               | 61961121    | 3/1          | 3             | Hải Vân              | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1122 | Thái Ngọc Thùy                | Trâm   | 20-10-08               | 61961122    | 3/1          | 3             | Hải Vân              | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1123 | Trần Hoàng Thái               | Hòa    | 16-01-08               | 61961123    | 3/1          | 3             | Hải Vân              | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1124 | Nguyễn Huy                    | Hoàng  | 22-12-07               | 61961124    | 4/2          | 4             | Hải Vân              | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1125 | Bùi Hoàng                     | Long   | 01-08-08               | 61961125    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1126 | Đinh Viết                     | Dũng   | 12-07-08               | 61961126    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1127 | Lâm Quý                       | Phúc   | 29-11-08               | 61961127    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1128 | Lê Hùng                       | Minh   | 17-01-08               | 61961128    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1129 | Lê Ngọc Minh                  | Anh    | 9-92008                | 61961129    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1130 | Lê Trúc                       | Linh   | 22-12-08               | 61961130    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1131 | Mai Hoàng                     | Việt   | 29-06-08               | 61961131    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1132 | Nguyễn Bảo                    | Trâm   | 13-03-08               | 61961132    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1133 | Nguyễn Lê Uyên                | Nhi    | 30-10-08               | 61961133    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1134 | Nguyễn Thị Như                | Quyên  | 05-05-08               | 61961134    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1135 | Nguyễn Văn Tuấn               | Kiệt   | 13-09-08               | 61961135    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1136 | Nguyễn Xuân                   | Trường | 06-12-08               | 61961136    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1137 | Trương Nhân                   | Á      | 28-05-08               | 61961137    | 3/1          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1138 | Đỗ Nguyễn Đăng                | Khôi   | 02-04-08               | 61961138    | 3/2          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1139 | Hoàng Gia                     | Bảo    | 08-08-08               | 61961139    | 3/2          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1140 | Lê Trần Bảo                   | Nguyên | 01-11-08               | 61961140    | 3/2          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1141 | Nguyễn Ngọc An         | Nguyễn | 19-11-08               | 61961141    | 3/2          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1142 | Hồ Hải                 | Nam    | 05-12-08               | 61961142    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1143 | Lê Minh Kỳ             | Phong  | 08-04-08               | 61961143    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1144 | Nguyễn Hoàng           | Quân   | 30-07-08               | 61961144    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1145 | Nguyễn Huyền Khánh     | Vy     | 09-04-08               | 61961145    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1146 | Nguyễn Phương          | Anh    | 03-05-08               | 61961146    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1147 | Phạm Anh               | Khoa   | 30-06-08               | 61961147    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1148 | Phạm Phương            | Thùy   | 14-04-08               | 61961148    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1149 | Trần Ngọc Hạnh         | Nguyễn | 16-05-08               | 61961149    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1150 | Trịnh Trung            | Hiếu   | 19-09-08               | 61961150    | 3/3          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1151 | Bùi Quang              | Hung   | 25-02-08               | 61961151    | 3/4          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1152 | Đồng Minh              | Quân   | 08-01-08               | 61961152    | 3/4          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1153 | Hoàng Thị Mỹ           | Thy    | 12-09-08               | 61961153    | 3/4          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1154 | Mai Hoàng Gia          | Khánh  | 22-12-08               | 61961154    | 3/4          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1155 | Ngô Anh                | Tuấn   | 16-09-08               | 61961155    | 3/4          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1156 | Phan Công              | Trình  | 28-05-08               | 61961156    | 3/4          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1157 | Trần Việt              | Huy    | 01-07-08               | 61961157    | 3/4          | 3             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1158 | Đinh Trọng             | Hiếu   | 02-10-07               | 61961158    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1159 | Đỗ Hữu Trường          | Thy    | 19-04-07               | 61961159    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1160 | Lê Nguyễn Ngọc         | Trân   | 08-02-07               | 61961160    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1161 | Lê Thị Thanh           | Tâm    | 27-04-07               | 61961161    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1162 | Ngô Gia                | Huy    | 09-05-07               | 61961162    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1163 | Nguyễn Ngọc Bảo        | Uyên   | 27-03-07               | 61961163    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1164 | Nguyễn Trần Thảo       | Vân    | 26-04-07               | 61961164    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1165 | Phan Hải               | Đăng   | 20-03-07               | 61961165    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1166 | Phan Linh              | Đan    | 20-03-07               | 61961166    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1167 | Phan Thế               | Khang  | 31-12-07               | 61961167    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1168 | Trịnh Thùy             | Trâm   | 13-11-07               | 61961168    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1169 | Từ Ngọc Bảo            | Nhi    | 18-12-07               | 61961169    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1170 | Võ Quang               | Chuẩn  | 21-08-07               | 61961170    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1171 | Võ Việt                | Hoàng  | 16-09-07               | 61961171    | 4/1          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1172 | Mai Anh                | Thư    | 17-12-07               | 61961172    | 4/2          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1173 | Minh                   | Hoàng  | 27-06-07               | 61961173    | 4/2          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1174 | Phạm Nguyễn Mai        | Ngân   | 03-11-07               | 61961174    | 4/2          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1175 | Phạm Thanh Thiên       | Trường | 13-06-07               | 61961175    | 4/2          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1176 | Phan Hà                | Giang  | 22-05-07               | 61961176    | 4/2          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1177 | Phan Minh              | Tâm    | 08-08-07               | 61961177    | 4/2          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1178 | Đinh Phú                      | Thịnh  | 13-02-07               | 61961178    | 4/3          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1179 | Hồ Tấn                        | Phát   | 20-04-07               | 61961179    | 4/3          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1180 | Lê Nguyễn Hoàng               | Huy    | 28-05-07               | 61961180    | 4/3          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1181 | Ông Thị Thảo                  | Nhi    | 11-01-07               | 61961181    | 4/3          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1182 | Phạm Thị Thanh                | Thúy   | 03-12-07               | 61961182    | 4/3          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1183 | Phạm Trần Khánh               | Linh   | 28-03-07               | 61961183    | 4/3          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1184 | Đặng Lê Cẩm                   | Liên   | 15-09-07               | 61961184    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1185 | Hồ Văn                        | Chương | 07-08-07               | 61961185    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1186 | Lê Phú                        | Quý    | 19-11-07               | 61961186    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1187 | Nguyễn Minh                   | Phương | 10-05-07               | 61961187    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1188 | Nguyễn Phi                    | Trường | 04-01-07               | 61961188    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1189 | Nguyễn Tăng Minh              | Quân   | 01-12-07               | 61961189    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1190 | Nguyễn Trần Như               | Ý      | 21-01-07               | 61961190    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1191 | Phạm Phương Hoài              | An     | 30-04-07               | 61961191    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1192 | Phan Huy                      | Khải   | 08-11-07               | 61961192    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1193 | Phan Trung                    | Kiệt   | 08-06-07               | 61961193    | 4/4          | 4             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1194 | Đặng Thanh                    | Bách   | 06-06-06               | 61961194    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1195 | Đoàn Ngọc                     | Thịnh  | 31-01-06               | 61961195    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1196 | Đoàn Thị Diệu                 | Hòa    | 04-05-06               | 61961196    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1197 | Lê Nguyễn Phương              | Linh   | 11-05-06               | 61961197    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1198 | Lê Quỳnh Thảo                 | Nguyên | 26-02-06               | 61961198    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1199 | Nguyễn Chí                    | Phát   | 03-06-06               | 61961199    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1200 | Nguyễn Thị Anh                | Thư    | 23-06-06               | 61961200    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1201 | Nguyễn Thị Thảo               | Nguyên | 16-04-06               | 61961201    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1202 | Nguyễn Văn                    | Phương | 31-01-06               | 61961202    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1203 | Trần Gia                      | Khánh  | 01-02-06               | 61961203    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1204 | Trần Huỳnh Chí                | Nguyên | 23-11-06               | 61961204    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1205 | Trần Thảo                     | Trang  | 21-08-06               | 61961205    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1206 | Trần Thị Minh                 | Tâm    | 03-10-06               | 61961206    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1207 | Võ Văn                        | Toàn   | 06-05-06               | 61961207    | 5/1          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1208 | Nguyễn Ngọc                   | Yến    | 23-01-06               | 61961208    | 5/2          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1209 | Nguyễn Phú An                 | Khang  | 26-07-06               | 61961209    | 5/2          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1210 | Nguyễn Thị Diệu               | Anh    | 31-05-06               | 61961210    | 5/2          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1211 | Phạm Lê Gia                   | Nguyên | 20-01-06               | 61961211    | 5/2          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1212 | Đinh Lâm Hồng                 | Quân   | 24-03-06               | 61961212    | 5/3          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1213 | Hồ Thị Hiền                   | Giang  | 18-09-06               | 61961213    | 5/3          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1214 | Lê Hùng                       | An     | 25-04-06               | 61961214    | 5/3          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1215 | Lê Hữu                        | Kiên   | 07-02-06               | 61961215    | 5/3          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1216 | Lê Khánh                      | Hung   | 07-08-06               | 61961216    | 5/3          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1217 | Phạm Hoài                     | Ân     | 28-07-06               | 61961217    | 5/3          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1218 | Uông Thị Trà                  | My     | 28-01-06               | 61961218    | 5/3          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1219 | Đặng Trúc                     | Quỳnh  | 22-6-2006              | 61961219    | 5/4          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1220 | Nguyễn Hoàng                  | Hải    | 16-11-06               | 61961220    | 5/4          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1221 | Nguyễn Tấn Trọng              | Nhân   | 07-07-06               | 61961221    | 5/4          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1222 | Nguyễn Trần Quang             | Huy    | 06-05-06               | 61961222    | 5/4          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1223 | Phạm Thị Tường                | Vy     | 06-10-06               | 61961223    | 5/4          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1224 | Phan Thanh                    | Tùng   | 06-05-06               | 61961224    | 5/4          | 5             | Ngô Sĩ Liên          | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1225 | Nguyễn Huy                    | Hoàng  | 27-05-06               | 61961225    | 5/1          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1226 | Nguyễn Như                    | Bình   | 26-10-06               | 61961226    | 5/1          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1227 | Trần Mai                      | Hân    | 01-01-06               | 61961227    | 5/1          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1228 | Trần Tuấn                     | Lộc    | 11-01-06               | 61961228    | 5/1          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1229 | Từ Thắng                      | Phát   | 22-12-06               | 61961229    | 5/1          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1230 | Bùi Thị Như                   | Thủy   | 23-01-06               | 61961230    | 5/2          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1231 | Bùi Thị Thanh                 | Thảo   | 02-10-06               | 61961231    | 5/2          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1232 | Lê Phước Trùng                | Dương  | 23-05-06               | 61961232    | 5/2          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1233 | Nguyễn Dương Kiều             | Phúc   | 27-04-06               | 61961233    | 5/2          | 5             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1234 | Nguyễn Võ Quảng               | Tây    | 28-06-08               | 61961234    | 3/1          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1235 | Phạm Thảo                     | Nguyễn |                        | 61961235    | 3/2          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1236 | Trương Thị Bảo                | Hân    |                        | 61961236    | 3/2          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1237 | Nguyễn Thị Hạ                 | Vy     | 16-05-08               | 61961237    | 3/3          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1238 | Tôn Nữ Huyền                  | Vy     | 24-01-08               | 61961238    | 3/3          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1239 | Nguyễn Bùi Phương             | Linh   | 24-09-08               | 61961239    | 3/4          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1240 | Trần                          | Hung   | 26-04-07               | 61961240    | 3/4          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1241 | Vũ Lê Mỹ                      | Trình  | 30-05-08               | 61961241    | 3/5          | 3             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1242 | Nguyễn Hoàng bảo              | Trâm   | 20-07-07               | 61961242    | 4/1          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1243 | Nguyễn Thị Bảo                | Tâm    | 09-07-07               | 61961243    | 4/1          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1244 | Trần Quang                    | Hào    | 19-01-07               | 61961244    | 4/1          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1245 | Hồ Thị Mỹ                     | Quý    | 25-09-07               | 61961245    | 4/2          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1246 | Trần Ngọc                     | Trâm   | 23-10-07               | 61961246    | 4/2          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1247 | Trương Thị Minh               | Nhật   | 31-12-07               | 61961247    | 4/2          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1248 | Cao Nguyễn Bảo                | Trần   | 16-03-07               | 61961248    | 4/3          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1249 | Nguyễn Thị Kiều               | Oanh   | 10-10-07               | 61961249    | 4/3          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1250 | Nguyễn Thị Kim                | Phương | 25-05-07               | 61961250    | 4/3          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1251 | Nguyễn Trường                 | Duy    | 07-09-07               | 61961251    | 4/3          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1252 | Trương Văn             | Tuấn   | 15-07-07               | 61961252    | 4/3          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1253 | Ngô Thị bảo            | Trâm   | 12-01-07               | 61961253    | 4/4          | 4             | Nguyễn Đức Cảnh      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1254 | Phan Nguyễn Ý          | Nhi    | 19-06-07               | 61961254    | 4/3          | 4             | Nguyễn Văn Trỗi      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1255 | Hồ Hoàng Quốc          | Hữu    | 27-10-08               | 61961255    | 3/2          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1256 | Đặng Thị Quỳnh         | Trang  | 22-06-08               | 61961256    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1257 | Huỳnh Thị Thanh        | Hằng   | 01-01-08               | 61961257    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1258 | Lê Bảo                 | Trân   | 21-10-08               | 61961258    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1259 | Nguyễn Bảo             | Uyên   | 31-10-08               | 61961259    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1260 | Nguyễn Thị             | Thảo   | 19-04-08               | 61961260    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1261 | Nguyễn Trí Thanh       | Phong  | 29-08-08               | 61961261    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1262 | Phạm Ngọc Thanh        | Phương | 28-01-08               | 61961262    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1263 | Trần Thị Ánh           | Phương | 19-08-08               | 61961263    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1264 | Trần Viết Nguyên       | Bảo    | 15-02-08               | 61961264    | 3/3          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1265 | Châu Ngọc Anh          | Thư    | 09-04-08               | 61961265    | 3/4          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1266 | Phan Phạm Kim          | Nguyên | 15-05-08               | 61961266    | 3/4          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1267 | Võ Ngọc Quỳnh          | Nhi    | 28-12-08               | 61961267    | 3/4          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1268 | Nguyễn Thị             | Quỳnh  | 09-06-08               | 61961268    | 3/5          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1269 | Nguyễn vũ thành        | Danh   | 20-11-08               | 61961269    | 3/5          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1270 | Phạm Thanh             | Nam    | 24-11-08               | 61961270    | 3/5          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1271 | Phạm Thị Ngọc          | Khánh  | 25-05-08               | 61961271    | 3/5          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1272 | Phạm Thị Thanh         | Tình   | 17-01-08               | 61961272    | 3/5          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1273 | Trần thị ngọc          | Anh    | 02-04-08               | 61961273    | 3/5          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1274 | Dương Thái             | Bảo    | 22-06-08               | 61961274    | 3/6          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1275 | Nguyễn Minh            | Triều  | 02-09-08               | 61961275    | 3/6          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1276 | Lê Nguyễn Châu         | Phương | 12-03-08               | 61961276    | 3/7          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1277 | Trương Bi              | Ngân   | 18-05-08               | 61961277    | 3/7          | 3             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1278 | Doãn Thế               | Phương | 30-12-07               | 61961278    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1279 | Hồ phan Anh            | Kiệt   | 01-01-07               | 61961279    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1280 | Lê Đức                 | Huy    | 17-08-07               | 61961280    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1281 | Lương Nguyễn Thùy      | Dung   | 06-11-07               | 61961281    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1282 | Nguyễn Hoàng           | An     |                        | 61961282    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1283 | Phạm Nguyễn Quỳnh      | Chi    | 21-10-07               | 61961283    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1284 | Phan Nguyễn Gia        | Bảo    | 05-03-07               | 61961284    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1285 | Trần Bảo               | Trâm   | 10-10-07               | 61961285    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1286 | Trần Quang             | Minh   | 04-06-07               | 61961286    | 4/1          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1287 | Phùng Thị Tường        | Vy     | 10-03-07               | 61961287    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1288 | Bùi Ngọc Tổ            | Trâm   | 06-06-07               | 61961288    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |         | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|---------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên     |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1289 | Ngô Phương                    | Khánh   | 18-11-07               | 61961289    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1290 | Nguyễn Hoàng Ái               | Nguyên  | 14-11-07               | 61961290    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1291 | Nguyễn Ngọc Thanh             | Trúc    | 06-01-07               | 61961291    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1292 | Nguyễn Nhi Vân                | Linh    | 21-12-07               | 61961292    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1293 | Phạm Châu                     | Giang   | 08-04-07               | 61961293    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1294 | Trịnh Hiền                    | Vân     | 22-02-07               | 61961294    | 4/2          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1295 | Phạm Hữu Nhật                 | Huy     | 01-10-07               | 61961295    | 4/3          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1296 | Đỗ Minh                       | Hiếu    | 19-02-07               | 61961296    | 4/3          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1297 | Nguyễn Thanh                  | Trúc    | 05-07-07               | 61961297    | 4/3          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1298 | Nguyễn Thị Mai                | Thảo    | 09-03-07               | 61961298    | 4/3          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1299 | Trần Văn                      | Phước   | 17-02-07               | 61961299    | 4/3          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1300 | Vũ Phi                        | Long    | 15-07-07               | 61961300    | 4/3          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1301 | Đinh Công                     | Trung   | 20-01-07               | 61961301    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1302 | Đinh Lê Văn                   | Luân    | 01-06-07               | 61961302    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1303 | Lê Thị Thanh                  | Ngân    | 18-04-07               | 61961303    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1304 | Ngô Hồng Nhất                 | Huy     | 01-10-07               | 61961304    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1305 | Nguyễn Ngọc Thanh             | Nhân    | 17-05-07               | 61961305    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1306 | Nguyễn Phan Đình              | Minh    | 31-10-07               | 61961306    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1307 | Phạm Trương Khai              | Trí     | 10-07-07               | 61961307    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1308 | Tiffany Thảo                  | Fleming | 18-10-07               | 61961308    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1309 | Tổng Tiến                     | Toàn    | 03-12-07               | 61961309    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1310 | Trần Gia                      | Bảo     | 16-02-07               | 61961310    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1311 | Trương Anh                    | Quân    | 13-05-07               | 61961311    | 4/4          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1312 | Đặng Hữu                      | Đan     | 27-07-07               | 61961312    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1313 | Hoàng Trung                   | Đức     | 16-09-07               | 61961313    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1314 | Nguyễn Huỳnh Gia              | Bảo     | 06-11-07               | 61961314    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1315 | Nguyễn Khánh                  | Quỳnh   | 24-08-07               | 61961315    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1316 | Nguyễn Trần Duy               | Son     | 03-03-07               | 61961316    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1317 | Nguyễn Văn Minh               | Hoàng   | 13-08-07               | 61961317    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1318 | Nguyễn Vinh                   | Thông   | 27-08-07               | 61961318    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1319 | Phạm Diễm                     | Hạnh    | 08-01-07               | 61961319    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1320 | Phan Anh                      | Trâm    | 23-12-07               | 61961320    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1321 | Phan Ngọc                     | Hiển    | 01-03-07               | 61961321    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1322 | Trần Phùng Yến                | Nhi     | 18-06-07               | 61961322    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1323 | Trần Thị Nhã                  | Linh    | 06-11-07               | 61961323    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1324 | Võ Thành                      | Huy     | 29-09-07               | 61961324    | 4/5          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1325 | Dương Thái                    | Hưng    | 07-03-07               | 61961325    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1326 | Lê Nam                        | Hung   | 29-01-07               | 61961326    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1327 | Lê Nguyễn Bảo                 | Châu   | 01-02-07               | 61961327    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1328 | Lê Việt Hải                   | Anh    | 16-08-07               | 61961328    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1329 | Nguyễn Lê Nam                 | Hà     | 21-09-07               | 61961329    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1330 | Nguyễn Ngọc                   | Toàn   | 21-11-07               | 61961330    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1331 | Nguyễn Thị Anh                | Thư    | 06-07-07               | 61961331    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1332 | Nguyễn Thị Diệu               | Hương  | 12-03-07               | 61961332    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1333 | Nguyễn Thị Thu                | Hà     | 12-06-07               | 61961333    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1334 | Nguyễn Văn                    | Trung  | 29-03-07               | 61961334    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1335 | Phạm Đức                      | Thành  | 29-04-07               | 61961335    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1336 | Trần Ngọc Thanh               | Như    | 05-11-07               | 61961336    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1337 | Trần Nguyễn Thu               | Hương  | 09-05-07               | 61961337    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1338 | Võ Văn                        | Trọng  | 07-10-07               | 61961338    | 4/6          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1339 | Đoàn Trần Bảo                 | Ngọc   | 19-01-07               | 61961339    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1340 | Đồng Thị Thanh                | Trà    | 04-09-07               | 61961340    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1341 | Hoàng Gia                     | Khởi   | 10-09-07               | 61961341    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1342 | Huỳnh Hồ Mỹ                   | Dung   | 13-02-07               | 61961342    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1343 | Ngô Tuyết                     | Trình  | 01-12-07               | 61961343    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1344 | Ngô Võ Thành                  | Quân   | 08-02-07               | 61961344    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1345 | Nguyễn Thị Ngọc               | Ánh    | 03-12-07               | 61961345    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1346 | Phạm Thục                     | Quyên  | 28-02-07               | 61961346    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1347 | Phan Nhã                      | Quyên  | 18-11-07               | 61961347    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1348 | Phùng Thị Bảo                 | Hân    | 21-04-07               | 61961348    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1349 | Trương Bảo                    | An     | 11-07-07               | 61961349    | 4/7          | 4             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1350 | Cao Nguyễn Đăng               | Huy    | 18-07-06               | 61961350    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1351 | Đặng Hồng                     | Thảo   | 28-04-06               | 61961351    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1352 | Đào Văn                       | Hiếu   |                        | 61961352    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1353 | Đỗ Đăng                       | Hiệp   | 05-08-06               | 61961353    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1354 | Đỗ Kim                        | Cương  | 03-05-06               | 61961354    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1355 | Hồ Bảo                        | Quyên  | 25-10-06               | 61961355    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1356 | Nguyễn Đức                    | Thịnh  | 11-09-06               | 61961356    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1357 | Nguyễn Hà                     | Phương | 18-05-06               | 61961357    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1358 | Nguyễn Hữu                    | Dũng   | 04-10-06               | 61961358    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1359 | Nguyễn Ngọc Hoàng             | Anh    | 12-10-06               | 61961359    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1360 | Nguyễn Thị                    | Nhung  | 16-04-06               | 61961360    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1361 | Nguyễn Thị Chấn               | Hoa    | 23-07-06               | 61961361    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1362 | Nguyễn Thị Mỹ                 | Huyền  | 09-01-06               | 61961362    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1363 | Nguyễn Trần Thanh             | Nhã    | 28-06-06               | 61961363    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1364 | Nguyễn Triết Mạnh             | Dũng   | 26-08-06               | 61961364    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1365 | Nguyễn Văn                    | Khoa   | 28-11-06               | 61961365    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1366 | Nguyễn Việt Duy               | Khánh  | 02-09-06               | 61961366    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1367 | Phạm Yến                      | Linh   | 13-11-06               | 61961367    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1368 | Phan Minh                     | Hằng   | 09-04-06               | 61961368    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1369 | Phan Ngọc                     | Huy    | 24-09-06               | 61961369    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1370 | Phùng Thị Lan                 | Phương | 19-01-06               | 61961370    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1371 | Trần Thái                     | Son    | 01-08-06               | 61961371    | 5/1          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1372 | Bùi Hồng                      | An     | 15-08-06               | 61961372    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1373 | Đậu Đăng                      | Quân   | 22-11-06               | 61961373    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1374 | Đỗ Bằng                       | Việt   | 14-05-06               | 61961374    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1375 | Hoàng Hồng                    | Phúc   | 29-01-06               | 61961375    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1376 | Lê Chiểu                      | Xuân   | 14-03-06               | 61961376    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1377 | Lê Phương                     | Linh   | 10-12-06               | 61961377    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1378 | Ngô Thanh                     | Tuấn   | 16-05-06               | 61961378    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1379 | Nguyễn Dương Khánh            | Ly     | 19-03-06               | 61961379    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1380 | Nguyễn Phan Bảo               | Trâm   | 05-10-06               | 61961380    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1381 | Nguyễn Thị Như                | Ngọc   | 18-08-06               | 61961381    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1382 | Nguyễn Thị Như                | Quỳnh  | 08-01-06               | 61961382    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1383 | Nguyễn Trung                  | Kiên   | 03-01-06               | 61961383    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1384 | Phạm Hữu                      | Triều  | 06-10-06               | 61961384    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1385 | Trần Ánh                      | Vui    | 19-10-06               | 61961385    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1386 | Trần Ngọc                     | Huy    | 14-01-06               | 61961386    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1387 | Trần Phúc                     | Công   | 29-04-06               | 61961387    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1388 | Võ Đức                        | Minh   | 26-10-06               | 61961388    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1389 | Võ Trung                      | Hiếu   | 08-08-06               | 61961389    | 5/2          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1390 | Đoàn Hà Vy                    | Thảo   | 21-04-06               | 61961390    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1391 | Lại Thị Tuyết                 | Nhung  | 06-11-06               | 61961391    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1392 | Lê Bảo                        | Ngọc   | 09-09-06               | 61961392    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1393 | Lê Hoàng                      | Rin    | 18-07-06               | 61961393    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1394 | Lê Nguyên                     | Thịnh  | 24-04-06               | 61961394    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1395 | Nguyễn Lê Khánh               | Hương  | 26-01-06               | 61961395    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1396 | Nguyễn Ngọc                   | Anh    | 19-09-06               | 61961396    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1397 | Trịnh Đức                     | Tâm    | 15-11-06               | 61961397    | 5/3          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1398 | Đặng Lê Ngân                  | Hà     | 23-10-06               | 61961398    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1399 | Đỗ Nhật                       | Minh   | 14-04-06               | 61961399    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1400 | Lê Đình Hoàng                 | Trúc   | 03-11-06               | 61961400    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1401 | Nguyễn Nguyên Yên             | Ly     | 05-09-06               | 61961401    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1402 | Nguyễn Phương                 | Thảo   | 22-06-06               | 61961402    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1403 | Nguyễn Thị Thu                | Hương  | 28-07-06               | 61961403    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1404 | Phạm Nguyễn Mỹ                | Uyên   | 24-03-06               | 61961404    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1405 | Phan Quốc Kiến                | Hào    | 04-08-06               | 61961405    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1406 | Trịnh Duy                     | Hiếu   | 10-03-06               | 61961406    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1407 | Trương Thị Thanh              | Hằng   | 06-06-06               | 61961407    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1408 | Vy Thị Thanh                  | Nhi    | 02-07-06               | 61961408    | 5/4          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1409 | Đỗ Thị Minh                   | Nguyệt | 22-11-06               | 61961409    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1410 | Đoàn Công                     | Danh   | 01-10-06               | 61961410    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1411 | Huỳnh Ngọc Như                | Phương | 05-04-06               | 61961411    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1412 | Lê Võ Anh                     | Thư    | 24-11-06               | 61961412    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1413 | Lương Gia                     | Bảo    | 19-07-06               | 61961413    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1414 | Lưu Hoàng Thiên               | Tĩnh   | 24-10-06               | 61961414    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1415 | Nguyễn Hạ Bình                | An     | 13-05-06               | 61961415    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1416 | Nguyễn Lê Phương              | Thảo   | 30-06-06               | 61961416    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1417 | Nguyễn Lê Thảo                | Nguyên | 28-09-06               | 61961417    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1418 | Nguyễn Như                    | Hung   | 10-10-06               | 61961418    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1419 | Nguyễn Thảo                   | Nhi    | 28-10-06               | 61961419    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1420 | Nguyễn Thị Hương              | Trúc   | 10-07-06               | 61961420    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1421 | Trần Lê Tuyết                 | Nhung  | 13-04-06               | 61961421    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1422 | Vương Hoàng Nhật              | Minh   | 13-09-06               | 61961422    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1423 | Vương Huyền                   | Trần   | 04-04-06               | 61961423    | 5/5          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1424 | Dương Thị Thùy                | Trâm   | 25-11-06               | 61961424    | 5/6          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1425 | Hoàng Bích                    | Ngọc   | 11-01-06               | 61961425    | 5/6          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1426 | Ngô Phương                    | Nhi    | 13-03-06               | 61961426    | 5/6          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1427 | Nguyễn Đức                    | Thuận  | 07-05-06               | 61961427    | 5/6          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1428 | Nguyễn Thị Hoài               | Ngọc   | 03-09-06               | 61961428    | 5/6          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1429 | Trần Thị Bảo                  | Hiền   | 11-04-06               | 61961429    | 5/6          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1430 | Huỳnh Phan Vũ                 | Thường | 29-08-06               | 61961430    | 5/7          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1431 | Nguyễn Lê                     | Vy     | 13-04-06               | 61961431    | 5/7          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1432 | Nguyễn Nam Hải                | Vân    | 15-11-06               | 61961432    | 5/7          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1433 | Phạm Thị Minh                 | Huyền  | 08-11-06               | 61961433    | 5/7          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1434 | Trần Huỳnh Quỳnh              | Như    | 31-05-06               | 61961434    | 5/7          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1435 | Trần Quỳnh                    | Hương  | 23-03-06               | 61961435    | 5/7          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1436 | Vũ Thị Khánh                  | Linh   | 04-10-06               | 61961436    | 5/7          | 5             | Phan Phu Tiên        | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1437 | Nguyễn Đăng                   | Khoa   | 07-05-08               | 61961437    | 3/1          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1438 | Nguyễn Đình Minh              | An     | 19-11-08               | 61961438    | 3/1          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1439 | Nguyễn Minh                   | Toàn   | 31-03-08               | 61961439    | 3/1          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1440 | Nguyễn Ngọc Nhật              | Linh   | 16-10-08               | 61961440    | 3/1          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1441 | Nguyễn Trọng                  | Tín    | 10-09-08               | 61961441    | 3/1          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1442 | Trần Kim                      | Khánh  | 25-04-08               | 61961442    | 3/1          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1443 | Trần Nguyễn Tâm               | Nhi    | 02-01-08               | 61961443    | 3/1          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1444 | Đặng Ni                       | Na     | 10-05-08               | 61961444    | 3/2          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1445 | Dương Thiên                   | Lý     | 05-12-08               | 61961445    | 3/2          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1446 | Hoàng Bảo                     | Trâm   | 26-11-08               | 61961446    | 3/2          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1447 | Nguyễn Anh                    | Đức    | 23-06-08               | 61961447    | 3/2          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1448 | Trần Nguyễn Lan               | Phương | 08-04-08               | 61961448    | 3/2          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1449 | Lê Nguyễn Anh                 | Thư    | 21-06-08               | 61961449    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1450 | Lê Thùy                       | Trâm   | 10-07-08               | 61961450    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1451 | Nguyễn Thị Quỳnh              | Anh    | 02-03-08               | 61961451    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1452 | Tăng Xuân                     | Bảo    | 28-07-08               | 61961452    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1453 | Trần Phi                      | Hà     | 26-10-08               | 61961453    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1454 | Trịnh Mai                     | Anh    | 03-02-08               | 61961454    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1455 | Trịnh Thùy                    | Dương  | 13-09-08               | 61961455    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1456 | Vũ Tuấn                       | Hà     | 07-12-08               | 61961456    | 3/3          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1457 | Cao Đức                       | Son    | 21-01-08               | 61961457    | 3/4          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1458 | Lê Bảo                        | Ngọc   | 20-04-08               | 61961458    | 3/4          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1459 | Lê Đỗ Xuân                    | Oanh   | 27-01-08               | 61961459    | 3/4          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1460 | Nguyễn Lê Bảo                 | Ngọc   | 18-07-08               | 61961460    | 3/4          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1461 | Nguyễn Lê Minh                | Châu   | 07-11-08               | 61961461    | 3/4          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1462 | Nguyễn Ngọc Mỹ                | Trân   | 13-10-08               | 61961462    | 3/4          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1463 | Võ Thị Nhật                   | Nhi    | 08-01-08               | 61961463    | 3/4          | 3             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1464 | Lê Bảo                        | Hân    | 09-03-07               | 61961464    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1465 | Lưu Xuân                      | Son    | 29-07-07               | 61961465    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1466 | Ngô Nguyễn Ngọc               | Trân   | 29-06-07               | 61961466    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1467 | Phạm Hồng                     | Ngọc   | 24-11-07               | 61961467    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1468 | Trần Đoàn Gia                 | Linh   | 05-05-07               | 61961468    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1469 | Trần Trí                      | Trung  | 24-11-07               | 61961469    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1470 | Võ Minh                       | Anh    | 22-03-07               | 61961470    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1471 | Vũ Thùy                       | Anh    | 03-05-07               | 61961471    | 4/1          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1472 | Đặng Phúc Hải                 | Đặng   | 25-07-07               | 61961472    | 4/2          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1473 | Đồng Khánh                    | Nguyễn | 02-04-07               | 61961473    | 4/2          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1474 | Hồ Hùng                       | Phong  | 24-04-07               | 61961474    | 4/2          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1475 | Nguyễn Đăng                   | Hoàng  | 27-06-07               | 61961475    | 4/2          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1476 | Nguyễn Thế                    | Đạt    | 28-01-07               | 61961476    | 4/2          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1477 | Võ Nguyễn Anh                 | Phương | 03-09-07               | 61961477    | 4/2          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1478 | Cao Hoàng Bảo                 | Châu   | 30-07-07               | 61961478    | 4/3          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1479 | Hoàng Võ Ngọc                 | Anh    | 05-01-07               | 61961479    | 4/3          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1480 | Phạm Anh                      | Thư    | 15-03-07               | 61961480    | 4/3          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1481 | Phạm Ý                        | Nhi    | 03-11-07               | 61961481    | 4/3          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1482 | Cao Thị Thu                   | Thảo   | 13-02-07               | 61961482    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1483 | Đặng Thị Tường                | Vy     | 09-01-07               | 61961483    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1484 | Đoàn Cẩm                      | Tú     | 14-10-07               | 61961484    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1485 | Nguyễn Đại                    | Long   | 22-08-07               | 61961485    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1486 | Nguyễn Trâm                   | Anh    | 10-03-07               | 61961486    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1487 | Nguyễn Vũ                     | Hằng   | 12-08-07               | 61961487    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1488 | Phan Anh Tổ                   | Uyên   | 02-04-07               | 61961488    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1489 | Phan Công Đăng                | Khoa   | 17-09-07               | 61961489    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1490 | Trần Thị Hoàng                | Oanh   | 24-05-07               | 61961490    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1491 | Võ Trần Quang                 | Minh   | 10-01-07               | 61961491    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1492 | Võ Văn Tuấn                   | Anh    | 21-08-07               | 61961492    | 4/4          | 4             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1493 | Bùi Tiến                      | Hải    | 18-12-06               | 61961493    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1494 | Nguyễn Hoàng Tuấn             | Anh    | 06-04-06               | 61961494    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1495 | Nguyễn Phạm Phương            | Anh    | 18-10-06               | 61961495    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1496 | Nguyễn Thuý                   | Hằng   | 24-05-06               | 61961496    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1497 | Nguyễn Tổ Như                 | Quyên  | 28-09-06               | 61961497    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1498 | Phan Hương                    | Mơ     | 04-05-06               | 61961498    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1499 | Trần Anh                      | Bình   | 05-11-06               | 61961499    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1500 | Trần Thị Quỳnh                | Anh    | 08-02-06               | 61961500    | 5/1          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1501 | Hồ Quỳnh                      | Chi    | 06-02-06               | 61961501    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1502 | Lê Thị Minh                   | Nhi    | 04-03-06               | 61961502    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1503 | Lê Vũ Thảo                    | Ly     | 19-06-06               | 61961503    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1504 | Nguyễn Hoàng                  | Quý    | 12-05-06               | 61961504    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1505 | Nguyễn Hồng                   | Liên   | 14-03-06               | 61961505    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1506 | Nguyễn Hồng                   | Ngọc   | 05-01-06               | 61961506    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1507 | Nguyễn Ngọc Quỳnh             | Thi    | 17-12-06               | 61961507    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1508 | Nguyễn Thị Hoài               | Uyên   | 07-08-06               | 61961508    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1509 | Nguyễn Thị Lan                | Nhi    | 17-10-06               | 61961509    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1510 | Vũ Ánh                        | Sương  | 27-09-06               | 61961510    | 5/2          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi            |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|-------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                   |
| 1511 | Bùi Mỹ                 | Linh   | 16-05-06               | 61961511    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1512 | Châu Thanh             | Yên    | 27-06-06               | 61961512    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1513 | Đặng Phước             | Kiên   | 28-12-06               | 61961513    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1514 | Đinh Ngọc Lan          | Hương  | 01-11-06               | 61961514    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1515 | Dương Quang            | Nhân   | 13-10-06               | 61961515    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1516 | Huỳnh Hoài             | Duyên  | 19-09-06               | 61961516    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1517 | Lê Nguyễn Hà           | Phương | 28-01-06               | 61961517    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1518 | Nguyễn Bảo             | Quyên  | 02-01-06               | 61961518    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1519 | Nguyễn Đức             | Nhật   | 24-02-06               | 61961519    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1520 | Nguyễn Tuấn            | Anh    | 19-03-06               | 61961520    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1521 | Phạm Ngọc              | Trình  | 04-11-06               | 61961521    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1522 | Phạm Quyết             | Tiến   | 05-01-06               | 61961522    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1523 | Phan Ngọc Lam          | Khuê   | 17-10-06               | 61961523    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1524 | Trần Đông              | Thuật  | 07-08-06               | 61961524    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1525 | Vũ Thị Ngọc            | Hà     | 15-09-06               | 61961525    | 5/3          | 5             | Trần Bình Trọng      | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1526 | Đoàn Thị Hà            | Phương | 17-01-06               | 61961526    | 5/1          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1527 | Lê Thanh               | Thúy   | 10-11-06               | 61961527    | 5/1          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1528 | Nguyễn Đỗ Tiến         | Đạt    | 12-03-06               | 61961528    | 5/1          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1529 | Nguyễn Đoàn Đắc        | Lực    | 25-10-06               | 61961529    | 5/1          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1530 | Nguyễn Hoàng Bảo       | Trần   | 13-01-06               | 61961530    | 5/1          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1531 | Trương Bùi             | Diễn   | 21-04-06               | 61961531    | 5/1          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1532 | Đỗ Ngọc Phương         | Anh    | 27-11-06               | 61961532    | 5/3          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1533 | Lê Anh                 | Dũng   | 04-11-06               | 61961533    | 5/3          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1534 | Lưu Kiều               | Anh    | 19-09-06               | 61961534    | 5/3          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1535 | Phùng Thị Khánh        | Quỳnh  | 06-11-06               | 61961535    | 5/3          | 5             | Võ Thị Sáu           | Liên Chiểu       | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1536 | Phạm Lê Minh           | Triết  | 14-07-08               | 61961536    | 3/1          | 3             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1537 | Huỳnh Thanh Hải        | Phong  |                        | 61961537    | 3/3          | 3             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1538 | Nguyễn Trọng Nguyên    | Huy    | 10-05-08               | 61961538    | 3/3          | 3             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1539 | Phạm Lê Như            | Thảo   |                        | 61961539    | 3/3          | 3             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1540 | Lê Hiên                | Thành  | 09-10-07               | 61961540    | 4/1          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1541 | Mai Nhật               | Tân    | 22-09-07               | 61961541    | 4/1          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1542 | Ngô Ngọc Thảo          | Trang  | 10-06-07               | 61961542    | 4/1          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1543 | Nguyễn Phạm Cẩm        | Tú     | 02-11-07               | 61961543    | 4/1          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1544 | Nguyễn Trần Tấn        | Thắng  | 03-02-07               | 61961544    | 4/1          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1545 | Phạm Minh              | Tài    | 07-05-07               | 61961545    | 4/1          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1546 | Trịnh Khánh            | Linh   | 02-01-07               | 61961546    | 4/1          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |
| 1547 | Hoàng Gia              | Bảo    | 22-05-07               | 61961547    | 4/2          | 4             | Mai Đăng Chon        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1548 | Huỳnh Nguyễn Ngọc             | Anh    | 23-04-07               | 61961548    | 4/2          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1549 | Mai Trần Anh                  | Khoa   | 08-02-07               | 61961549    | 4/2          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1550 | Trần Thị                      | Hoa    | 31-03-07               | 61961550    | 4/2          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1551 | Đặng Thị Như                  | Khánh  | 25-04-07               | 61961551    | 4/3          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1552 | Đinh Thái Phương              | Anh    | 14-03-07               | 61961552    | 4/3          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1553 | Huỳnh Thị Hồng                | Trà    | 13-02-07               | 61961553    | 4/3          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1554 | Trần Văn Bảo                  | Nguyên | 27-10-07               | 61961554    | 4/3          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1555 | Lê Thùy                       | Trang  | 21-05-07               | 61961555    | 4/4          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1556 | Phan Thị Uyên                 | Phương | 08-03-07               | 61961556    | 4/4          | 4             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1557 | Đặng Ngọc Bảo                 | Trân   | 11-01-06               | 61961557    | 5/1          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1558 | Huỳnh Bá Ngọc                 | Khoa   | 24-07-06               | 61961558    | 5/1          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1559 | Huỳnh Trần Văn                | Hiếu   | 02-04-06               | 61961559    | 5/1          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1560 | Lê Tấn Nhất                   | Quang  | 02-01-06               | 61961560    | 5/1          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 32 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1561 | Ngô Phạm Ty                   | Na     | 31-12-06               | 61961561    | 5/1          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1562 | Phạm Hồng                     | Ánh    | 10-06-06               | 61961562    | 5/1          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1563 | Lê Nữ Thanh                   | Uyên   | 16-03-06               | 61961563    | 5/2          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1564 | Nguyễn Thùy Thúy              | Vy     | 05-05-06               | 61961564    | 5/2          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1565 | Hồ Chí                        | Tấn    | 07-12-06               | 61961565    | 5/3          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1566 | Lê Phước Thủy                 | Tiên   | 06-07-06               | 61961566    | 5/3          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1567 | Lê Thị Kiều                   | Vy     | 25-09-06               | 61961567    | 5/3          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1568 | Mai Hoàng                     | Kiên   | 02-09-06               | 61961568    | 5/3          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1569 | Nguyễn Mai                    | Hạ     | 15-12-06               | 61961569    | 5/3          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1570 | Trần Nguyệt                   | Hà     | 13-01-06               | 61961570    | 5/3          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1571 | Mai Đăng Tấn                  | Tài    | 10-09-06               | 61961571    | 5/4          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1572 | Nguyễn Hồng                   | Dung   | 03-09-06               | 61961572    | 5/4          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1573 | Nguyễn Thị Cẩm                | Ly     | 27-05-06               | 61961573    | 5/4          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1574 | Nguyễn Thúy                   | Bình   | 26-09-06               | 61961574    | 5/4          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1575 | Phạm Gia                      | Mẫn    | 11-08-06               | 61961575    | 5/4          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1576 | Phạm Trương Tuấn              | Anh    | 30-03-06               | 61961576    | 5/4          | 5             | Mai Đăng Chơn        | Ngũ Hành Sơn     | Đà Nẵng           | Phòng số 33 | Ca 2 (9g15-11g30)  |
| 1577 | Nguyễn Bảo                    | Ngân   |                        | 61961577    | 3/2          | 3             | Hòa Khương 2         | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1578 | Nguyễn Lương Việt             | Nhất   |                        | 61961578    | 3/2          | 3             | Hòa Khương 2         | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1579 | Đỗ Thị Mỹ                     | Lương  |                        | 61961579    | 4/1          | 4             | Hòa Khương 2         | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1580 | Nguyễn Đặng Bảo               | Trâm   |                        | 61961580    | 5/2          | 5             | Hòa Khương 2         | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1581 | Trần Phước                    | Phát   |                        | 61961581    | 5/2          | 5             | Hòa Khương 2         | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1582 | Trần Thị Yên                  | Na     |                        | 61961582    | 5/3          | 5             | Hòa Khương 2         | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1583 | Nguyễn Thanh                  | Hằng   |                        | 61961583    | 5/4          | 5             | Hòa Khương 2         | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1584 | Nguyễn Đức Bảo                | Nhi    | 19-07-07               | 61961584    | 4/1          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1  | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                    |
| 1585 | Trần Lê Bảo                   | Ngọc   | 19-04-07               | 61961585    | 4/1          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1586 | Đỗ Xuân Anh                   | Đức    | 18-11-07               | 61961586    | 4/2          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1587 | Nguyễn Quốc                   | Tâm    | 12-06-07               | 61961587    | 4/2          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1588 | Lê Ánh                        | Ngân   | 11-12-07               | 61961588    | 4/3          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1589 | Đinh Việt                     | Tuân   | 05-02-07               | 61961589    | 4/4          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1590 | Nguyễn Như                    | Ngọc   | 05-08-07               | 61961590    | 4/4          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1591 | Nguyễn Thị Ánh                | Dương  | 23-09-07               | 61961591    | 4/4          | 4             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1592 | Phạm Lê Thủy                  | Ngân   | 18-04-06               | 61961592    | 5/1          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1593 | Trần Lê Việt                  | Quân   | 15-02-06               | 61961593    | 5/1          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1594 | Trần Uyên                     | Thư    | 18-05-06               | 61961594    | 5/1          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1595 | Trần Việt                     | Phú    | 08-01-06               | 61961595    | 5/1          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1596 | Võ Thị Anh                    | Thư    | 03-09-06               | 61961596    | 5/1          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1597 | Ngô Quốc Hoàng                | Trung  | 30-04-06               | 61961597    | 5/2          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1598 | Nguyễn Thị Anh                | Thư    | 22-07-06               | 61961598    | 5/2          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1599 | Trần Thị Diệu                 | Huyền  | 31-10-06               | 61961599    | 5/2          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1600 | Phạm Duy                      | Tân    | 05-07-06               | 61961600    | 5/3          | 5             | Hòa Phước 2          | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 1 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1601 | Nguyễn Phú                    | Khoa   | 20-12-08               | 61961601    | 3/2          | 3             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1602 | Bùi Thị Hoàng                 | Linh   | 12-09-07               | 61961602    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1603 | Đặng Phước Tiến               | Thu    | 20-04-07               | 61961603    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1604 | Đặng Tuấn                     | Kiệt   | 10-09-07               | 61961604    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1605 | Huỳnh Ngọc Minh               | Anh    | 15-04-07               | 61961605    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1606 | Nguyễn Đặng Bảo               | Duy    | 11-03-07               | 61961606    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1607 | Nguyễn Minh                   | Thư    | 28-06-07               | 61961607    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1608 | Nguyễn Phú                    | Kha    | 18-04-07               | 61961608    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1609 | Trần Thị Hương                | Giang  | 22-06-07               | 61961609    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1610 | Trần Việt Tiến                | Thịnh  | 25-07-07               | 61961610    | 4/1          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1611 | Ngô Ngọc Khánh                | Vy     | 28-03-07               | 61961611    | 4/2          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1612 | Trần Thanh                    | Việt   | 19-02-07               | 61961612    | 4/2          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1613 | Đặng Thị Như                  | Quỳnh  | 25-05-07               | 61961613    | 4/3          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1614 | Nguyễn Thị Quỳnh              | Ngân   | 08-07-07               | 61961614    | 4/3          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1615 | Nguyễn Văn Minh               | Hoàng  | 03-11-07               | 61961615    | 4/3          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1616 | Nguyễn Bá                     | Thái   | 22-11-07               | 61961616    | 4/4          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1617 | Nguyễn Thị Diễm               | Thương | 20-03-07               | 61961617    | 4/5          | 4             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1618 | Lý Thị Hoài                   | Thương | 30-08-06               | 61961618    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1619 | Hồ Xuân                       | Việt   | 01-07-06               | 61961619    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1620 | Lê Gia                        | Trình  | 10-11-06               | 61961620    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1621 | Ngô Ngọc                      | Khôi   | 12-01-06               | 61961621    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                    |
| 1622 | Ngô Thị Thu                   | Duyên  | 01-01-06               | 61961622    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1623 | Ngô Thùy                      | Dung   | 16-10-06               | 61961623    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1624 | Nguyễn Đức Trung              | Kiên   | 08-08-06               | 61961624    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 2 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1625 | Nguyễn Phan Khánh             | Quỳnh  | 05-09-06               | 61961625    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1626 | Nguyễn Quốc                   | Anh    | 15-09-06               | 61961626    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1627 | Nguyễn Thị Hồng               | Ngọc   | 06-12-06               | 61961627    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1628 | Nguyễn Thị Mỹ                 | Quyên  | 12-05-06               | 61961628    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1629 | Nguyễn Thị Tuyết              | Mai    | 10-08-06               | 61961629    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1630 | Nguyễn Văn                    | Vũ     | 07-06-06               | 61961630    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1631 | Phạm Quỳnh                    | Như    | 28-04-06               | 61961631    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1632 | Phùng Nguyễn Quỳnh            | Trang  | 31-05-06               | 61961632    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1633 | Trần Đình                     | Vinh   | 27-01-06               | 61961633    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1634 | Trần Đình Ngọc                | Tuấn   | 23-01-06               | 61961634    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1635 | Trần Hòa                      | Mi     | 05-07-06               | 61961635    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1636 | Trần Thị Thanh                | Tâm    | 20-02-06               | 61961636    | 5/1          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1637 | Huỳnh Thúy                    | Hiền   | 10-04-06               | 61961637    | 5/2          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1638 | Nguyễn Thị Minh               | Giang  | 30-01-06               | 61961638    | 5/2          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1639 | Nguyễn Thị Mộng               | Tuyền  | 18-07-06               | 61961639    | 5/2          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1640 | Nguyễn Thị Thùy               | Trâm   | 29-09-06               | 61961640    | 5/2          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1641 | Phạm Thị Thảo                 | Sinh   | 17-07-06               | 61961641    | 5/2          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1642 | Trần Võ Bảo                   | Ngọc   | 29-10-06               | 61961642    | 5/2          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1643 | Huỳnh Gia                     | Huy    | 15-02-06               | 61961643    | 5/3          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1644 | Ngô Thị Triều                 | Tiên   | 07-02-06               | 61961644    | 5/3          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1645 | Nguyễn Hoàng Hải              | Yến    | 02-07-06               | 61961645    | 5/3          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1646 | Nguyễn Thị Hà                 | Nhi    | 14-07-06               | 61961646    | 5/3          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1647 | Nguyễn Thị Huỳnh              | Như    | 03-02-06               | 61961647    | 5/3          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1648 | Nguyễn Thị Thu                | Hường  | 13-03-06               | 61961648    | 5/3          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 3 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1649 | Võ Trọng                      | Thùy   | 10-03-06               | 61961649    | 5/3          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1650 | Nguyễn Lê Anh                 | Thư    | 05-02-06               | 61961650    | 5/4          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1651 | Nguyễn Thị Thanh              | Thảo   | 28-06-06               | 61961651    | 5/4          | 5             | Hòa Tiến 1           | Hòa Vang         | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1652 | Lê Bảo                        | Na     |                        | 61961652    | 5/ 3         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1653 | Nguyễn Lê Thuý                | Ngân   |                        | 61961653    | 5/ 3         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1654 | Nguyễn Lê Thuý                | Tiên   |                        | 61961654    | 5/ 3         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1655 | Lê Xuân                       | Mai    |                        | 61961655    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1656 | Nguyễn Đỗ Minh                | Phương |                        | 61961656    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1657 | Nguyễn Đức                    | Huy    |                        | 61961657    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1658 | Nguyễn Hồng                   | Minh   |                        | 61961658    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                    |
| 1659 | Nguyễn Quỳnh                  | Nhi    |                        | 61961659    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1660 | Trần Đặng Khánh               | Huyền  |                        | 61961660    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1661 | Trần Lê Khánh                 | Linh   |                        | 61961661    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1662 | Trương Hồng Hải               | Yến    |                        | 61961662    | 5/ 4         | 5             | Hai Bà Trưng         | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1663 | Bùi Đại                       | Phúc   | 18-12-07               | 61961663    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1664 | Đỗ Bảo                        | Huy    | 08-05-07               | 61961664    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1665 | Hoàng Lê                      | Nam    | 17-11-06               | 61961665    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1666 | Huỳnh Hữu                     | Trung  | 07-03-07               | 61961666    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1667 | Huỳnh Lâm Quốc                | Hải    | 01-12-07               | 61961667    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1668 | Huỳnh Nguyễn Như              | Thùy   | 31-01-07               | 61961668    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1669 | Huỳnh Trần Nguyên             | Thy    | 30-04-07               | 61961669    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1670 | Lê Huy                        | Vũ     | 20-01-07               | 61961670    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1671 | Lê Mai Hồng                   | Ngọc   | 28-04-07               | 61961671    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1672 | Lê Ngọc                       | Tâm    | 02-04-07               | 61961672    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 4 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1673 | Nguyễn Duy                    | Nguyên | 18-09-07               | 61961673    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1674 | Nguyễn Khôi                   | Nguyên | 04-04-07               | 61961674    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1675 | Nguyễn Ngọc Bảo               | Trâm   | 26-12-07               | 61961675    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1676 | Nguyễn Thị Khánh              | Linh   | 04-03-07               | 61961676    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1677 | Nguyễn Thị Thanh              | Ngân   | 19-03-07               | 61961677    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1678 | Nguyễn Tuấn                   | Kiệt   | 05-10-07               | 61961678    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1679 | Nguyễn Văn                    | Thạch  | 05-04-07               | 61961679    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1680 | Phạm Nguyễn Ngọc              | Trâm   | 13-09-07               | 61961680    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1681 | Phạm Uyên Thảo                | Nhi    | 10-01-07               | 61961681    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1682 | Phạm Văn Thanh                | Hà     | 17-10-07               | 61961682    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1683 | Phan Phụng                    | Tài    | 20-12-07               | 61961683    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1684 | Trần Phan Bảo                 | Ngọc   | 09-07-07               | 61961684    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1685 | Trần Thị Ánh                  | Linh   | 11-02-07               | 61961685    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1686 | Võ Quốc                       | Thịnh  | 08-04-07               | 61961686    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1687 | Bùi Nguyên Bửu                | Ngọc   | 18-05-06               | 61961687    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1688 | Bùi Văn                       | Thành  | 17-05-06               | 61961688    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1689 | Đinh Công                     | Hoàng  | 25-06-06               | 61961689    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1690 | Hồ Phước Hoàng                | Bách   | 11-07-06               | 61961690    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1691 | Hoàng Đỗ Khánh                | Ngân   | 05-12-06               | 61961691    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1692 | Huỳnh Bá                      | Duy    | 25-04-06               | 61961692    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1693 | Lê Nguyễn Thảo                | Mai    | 30-05-06               | 61961693    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1694 | Nguyễn Đức Thành              | Nhân   | 06-07-06               | 61961694    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1695 | Nguyễn Kỳ                     | Lam    | 30-09-06               | 61961695    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                    |
| 1696 | Nguyễn Minh            | Phương | 05-08-06               | 61961696    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 5 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1697 | Nguyễn Trần Xuân       | Bách   | 10-05-06               | 61961697    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1698 | Nguyễn Trọng           | Hiếu   | 15-11-06               | 61961698    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1699 | Phạm Minh              | Ánh    | 05-03-06               | 61961699    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1700 | Trần Ngọc Bảo          | Minh   | 30-10-06               | 61961700    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1701 | Trần Thị Phương        | Thảo   | 18-03-06               | 61961701    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1702 | Trần Võ Bảo            | Khang  | 29-09-06               | 61961702    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1703 | Trương Tuấn            | Hào    | 10-01-06               | 61961703    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1704 | Võ Nguyễn Nhật         | Xuân   | 03-02-06               | 61961704    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1705 | Vương Huyền            | Thục   | 16-02-06               | 61961705    |              | 5             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1706 | Bùi Nhất               | Nguyên | 09-05-08               | 61961706    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1707 | Cao Quang              | Minh   | 16-07-08               | 61961707    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1708 | Đặng Thị Thanh         | Vy     | 25-03-08               | 61961708    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1709 | Đặng Thị Thu           | Thủy   | 20-09-08               | 61961709    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1710 | Đoàn Thị Trâm          | Anh    | 21-08-08               | 61961710    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1711 | Dương Văn              | Vinh   | 15-01-08               | 61961711    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1712 | Hoàng Yên              | Nhi    | 03-12-08               | 61961712    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1713 | Huỳnh Bá               | Huy    | 02-05-08               | 61961713    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1714 | Lê Huỳnh Ý             | Xuân   | 10-04-08               | 61961714    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1715 | Lê Ngô Thanh           | Tú     | 13-07-08               | 61961715    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1716 | Lê Viết Thanh          | Huy    | 06-09-08               | 61961716    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1717 | Lữ Lê Diệu             | Huyền  | 30-08-08               | 61961717    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1718 | Lương Bảo              | Ngọc   | 08-09-08               | 61961718    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1719 | Ngô Hoàng Khánh        | Linh   | 27-07-08               | 61961719    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1720 | Nguyễn Đình Vũ         | Hoàng  | 25-04-08               | 61961720    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 6 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1721 | Nguyễn Hoài            | Như    | 12-03-08               | 61961721    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1722 | Nguyễn Hoàng           | Trà    | 14-11-08               | 61961722    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1723 | Nguyễn Ngọc Bảo        | Đan    | 06-06-08               | 61961723    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1724 | Nguyễn Ngọc Quỳnh      | Chi    | 04-03-08               | 61961724    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1725 | Nguyễn Phạm Ánh        | Phương | 28-12-08               | 61961725    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1726 | Nguyễn Quốc            | Bảo    | 10-06-08               | 61961726    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1727 | Nguyễn Văn Anh         | Phúc   | 04-12-08               | 61961727    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1728 | Nguyễn Văn Quốc        | Việt   | 16-09-08               | 61961728    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1729 | Ông Văn Minh           | Trí    | 08-12-08               | 61961729    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1730 | Phạm Ngọc              | Phúc   | 20-05-08               | 61961730    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1731 | Phạm Thị Thủy          | Tiên   | 20-02-08               | 61961731    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1732 | Phạm Trần Anh          | Phước  | 07-04-08               | 61961732    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi  | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |            |                    |
| 1733 | Phan Lê Phụng                 | Khuê   | 23-01-08               | 61961733    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1734 | Phan Thanh                    | Lai    | 06-07-08               | 61961734    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1735 | Phan Văn Nhật                 | Hoàng  | 11-03-08               | 61961735    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1736 | Trần Thanh                    | Nguyên | 15-06-08               | 61961736    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1737 | Trần Văn                      | Phong  | 02-11-08               | 61961737    |              | 3             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1738 | Âu Nguyệt                     | Minh   | 10-12-07               | 61961738    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1739 | Bùi Thanh                     | Lâm    | 06-02-07               | 61961739    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1740 | Bùi Vinh                      | Nghĩa  | 10-11-07               | 61961740    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1741 | Cao Thục                      | Đan    | 21-09-07               | 61961741    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1742 | Đặng Công                     | Bình   | 21-07-07               | 61961742    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1743 | Đặng Nguyễn Nam               | Huyền  | 23-11-07               | 61961743    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1744 | Hồ Nguyễn Như                 | Quỳnh  | 03-11-07               | 61961744    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 7 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1745 | Hoàng Nguyễn Minh             | Hằng   | 01-03-07               | 61961745    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1746 | Huỳnh Ngọc                    | Hung   | 24-04-07               | 61961746    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1747 | Kỳ Nguyễn Quốc                | Hung   | 20-09-07               | 61961747    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1748 | Lê Đỗ Ngọc                    | Mai    | 31-03-07               | 61961748    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1749 | Lê Phan Bách                  | Bảo    | 20-02-07               | 61961749    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1750 | Lê Quỳnh                      | Mai    | 28-03-07               | 61961750    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1751 | Lê Tuấn                       | Tú     | 15-09-07               | 61961751    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1752 | Lương Nhĩ                     | Mân    | 25-09-07               | 61961752    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1753 | Mai Bảo                       | Linh   | 18-12-07               | 61961753    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1754 | Ngô Ninh Kiều                 | An     | 07-06-07               | 61961754    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1755 | Ngô Văn Tấn                   | Long   | 29-08-07               | 61961755    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1756 | Nguyễn                        | Hiệp   | 12-11-07               | 61961756    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1757 | Nguyễn Đặng Bảo               | Trần   | 03-10-07               | 61961757    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1758 | Nguyễn Đỗ                     | Tuân   | 12-12-07               | 61961758    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1759 | Nguyễn Đức                    | Thanh  | 23-07-07               | 61961759    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1760 | Nguyễn Khánh                  | Như    | 14-08-07               | 61961760    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1761 | Nguyễn Phan Hồng              | Hà     | 28-05-07               | 61961761    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1762 | Nguyễn Phương                 | Hà     | 19-11-07               | 61961762    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1763 | Nguyễn Quốc Gia               | Bảo    | 12-06-07               | 61961763    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1764 | Nguyễn Sinh                   | Lễ     | 14-05-07               | 61961764    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1765 | Nguyễn Thảo                   | My     | 25-06-07               | 61961765    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1766 | Nguyễn Thị Hồng               | Hạnh   | 03-09-07               | 61961766    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1767 | Nguyễn Thị Huyền              | Trang  | 02-12-07               | 61961767    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1768 | Nguyễn Trí                    | Việt   | 09-11-07               | 61961768    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 8 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1769 | Nguyễn Văn                    | Chính  | 21-05-07               | 61961769    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1770 | Nguyễn Xuân            | Tùng   | 17-06-07               | 61961770    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1771 | Phạm Nguyễn Thu        | Hương  | 09-10-07               | 61961771    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1772 | Phạm Thị Minh          | Tâm    | 01-12-07               | 61961772    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1773 | Phạm Thị Như           | Quỳnh  | 10-06-07               | 61961773    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1774 | Phùng Ngọc             | Trâm   | 03-03-07               | 61961774    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1775 | Trần Hà Hiếu           | Ngân   | 22-05-07               | 61961775    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1776 | Trần Ngọc Phương       | Quỳnh  | 14-11-07               | 61961776    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1777 | Trần Xuân              | Duyên  | 11-02-07               | 61961777    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1778 | Võ Văn                 | Việt   | 07-06-07               | 61961778    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1779 | Vũ Tuấn                | An     | 08-02-07               | 61961779    |              | 4             | Ngô Gia Tự           | Sơn Trà          | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1780 | Đặng Trần Bảo          | Ngọc   | 23-11-08               | 61961780    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1781 | Dương Phước Thảo       | My     | 28-07-08               | 61961781    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1782 | Lê Đỗ Ngọc             | Diệp   | 05-08-08               | 61961782    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1783 | Lê Hữu                 | Trí    | 21-04-08               | 61961783    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1784 | Nguyễn Hoàng Bảo       | Nhi    | 25-08-08               | 61961784    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1785 | Nguyễn Hoàng Thục      | Hân    | 20-05-08               | 61961785    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1786 | Nguyễn Văn             | Tiến   | 02-08-08               | 61961786    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1787 | Phạm Thị Ngọc          | Bích   | 04-09-08               | 61961787    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1788 | Trương Như             | Quỳnh  | 24-03-08               | 61961788    | 3/1          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1789 | Hồ Thị Hoàng           | Anh    | 27-02-08               | 61961789    | 3/2          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1790 | Lê Nguyễn Phương       | Thảo   | 19-06-08               | 61961790    | 3/2          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1791 | Trần Thị Phương        | Anh    | 06-01-08               | 61961791    | 3/2          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1792 | Đỗ Minh                | Triết  | 19-10-08               | 61961792    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 9  | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1793 | Dương Tấn              | Thành  | 14-01-08               | 61961793    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1794 | Ngô Tấn                | Thịnh  | 19-08-08               | 61961794    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1795 | Nguyễn Thị Thủy        | Tiên   | 06-12-07               | 61961795    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1796 | Nguyễn Tiến            | Đạt    | 20-05-08               | 61961796    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1797 | Nguyễn Ý               | Kha    | 05-06-08               | 61961797    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1798 | Phan Nguyễn Hoàng      | Mai    | 07-06-08               | 61961798    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1799 | Phan Văn               | Danh   | 12-06-08               | 61961799    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1800 | Trần Bảo               | Trần   | 19-02-08               | 61961800    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1801 | Võ Thành Khánh         | Duy    | 01-09-08               | 61961801    | 3/3          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1802 | Lê Hữu Đức             | Anh    | 28-10-08               | 61961802    | 3/4          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1803 | Dương Ngọc             | Anh    | 28-09-08               | 61961803    | 3/5          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1804 | Nguyễn Lâm Gia         | Bảo    | 20-09-08               | 61961804    | 3/5          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1805 | Nguyễn Như Diệu        | Thảo   | 03-10-08               | 61961805    | 3/5          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1806 | Võ Phạm Quỳnh          | Phương | 17-03-08               | 61961806    | 3/5          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1807 | Vũ Tiến                | Đạt    | 09-01-08               | 61961807    | 3/5          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1808 | Đỗ Ngọc                | Anh    | 27-11-08               | 61961808    | 3/6          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1809 | Huỳnh Phạm Xuân        | Giao   | 06-02-08               | 61961809    | 3/6          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1810 | Lê Nguyễn Lan          | Phương | 15-06-08               | 61961810    | 3/6          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1811 | Phan Phương            | Thủy   | 20-03-08               | 61961811    | 3/6          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1812 | Trần Bảo               | Trâm   | 27-07-08               | 61961812    | 3/6          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1813 | Võ Trúc                | An     | 30-06-08               | 61961813    | 3/6          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1814 | Cao Tuệ                | Nhi    | 12-08-08               | 61961814    | 3/7          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1815 | Lê Nguyễn Hạ           | Băng   | 01-06-08               | 61961815    | 3/7          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1816 | Nguyễn Ngọc Châu       | Anh    | 27-02-08               | 61961816    | 3/7          | 3             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 10 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1817 | Đỗ Hoàng               | Khuyên | 16-12-07               | 61961817    | 4/1          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1818 | Hồ Phương Hải          | Yến    | 26-10-07               | 61961818    | 4/1          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1819 | Thái Tú                | Tú     | 03-08-07               | 61961819    | 4/1          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1820 | Trần Ngọc Thái         | Dương  | 05-07-07               | 61961820    | 4/1          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1821 | Trương Mỹ Thục         | Oanh   | 30-06-07               | 61961821    | 4/1          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1822 | Nguyễn Hoàng Minh      | Nhật   | 29-06-07               | 61961822    | 4/2          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1823 | Nguyễn Phan Nhật       | Minh   | 31-12-07               | 61961823    | 4/2          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1824 | Phạm Tiến              | Tân    | 15-06-07               | 61961824    | 4/2          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1825 | Đỗ Nguyễn Nhật         | Anh    | 31-01-07               | 61961825    | 4/3          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1826 | Nguyễn Bá Gia          | Phúc   | 15-11-07               | 61961826    | 4/3          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1827 | Nguyễn Hà Thục         | Nhi    | 05-04-07               | 61961827    | 4/3          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1828 | Nguyễn Tài Anh         | Tuấn   | 14-04-07               | 61961828    | 4/3          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1829 | Nguyễn Thanh           | Tùng   | 04-08-07               | 61961829    | 4/3          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1830 | Trần Đức               | Trí    | 10-11-07               | 61961830    | 4/3          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1831 | Võ Văn Thiên           | Khang  | 12-11-07               | 61961831    | 4/3          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1832 | Huỳnh Đức Hải          | Đăng   | 05-02-07               | 61961832    | 4/4          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1833 | Nguyễn Ngọc            | Ngân   | 20-05-07               | 61961833    | 4/4          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1834 | Nguyễn Vũ Uyên         | Trang  | 05-07-07               | 61961834    | 4/4          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1835 | Trần Thùy              | Dung   | 25-03-07               | 61961835    | 4/4          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1836 | Trương Vũ              | Hoàng  | 01-04-07               | 61961836    | 4/4          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1837 | Võ Nguyên              | An     | 14-11-07               | 61961837    | 4/4          | 4             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1838 | Đỗ Nguyễn Hoàng        | Uyên   | 13-11-06               | 61961838    | 5/1          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1839 | Lê Thị Đăng            | Thy    | 20-02-06               | 61961839    | 5/1          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1840 | Nguyễn Thị Hoài        | Ngọc   | 06-02-06               | 61961840    | 5/1          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 11 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1841 | Trần Gia               | Huy    | 29-05-06               | 61961841    | 5/1          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1842 | Dương Hương            | Giang  | 31-03-06               | 61961842    | 5/2          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1843 | Võ Thị Ánh             | Nguyệt | 15-08-06               | 61961843    | 5/2          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1844 | Nguyễn Quang           | Đạt    | 08-05-06               | 61961844    | 5/5          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1845 | Nguyễn Tấn Anh         | Tài    | 25-03-06               | 61961845    | 5/5          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1846 | Phạm Trần Ngọc         | Linh   | 24-02-06               | 61961846    | 5/5          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1847 | Đặng Anh               | Thư    | 11-10-06               | 61961847    | 5/6          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1848 | Đỗ Nguyên Cẩm          | Tiên   | 19-10-06               | 61961848    | 5/6          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1849 | Dương Bảo              | Ngân   | 06-08-06               | 61961849    | 5/6          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1850 | Dương Bảo              | Ngọc   | 06-08-06               | 61961850    | 5/6          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1851 | Huỳnh Nhật             | Minh   | 10-11-06               | 61961851    | 5/7          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1852 | Nguyễn Hoàng Phương    | Trang  | 28-09-06               | 61961852    | 5/7          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1853 | Nguyễn Phước Thành     | Đạt    | 19-12-06               | 61961853    | 5/7          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1854 | Nguyễn Trần Ngọc       | Anh    | 18-01-06               | 61961854    | 5/7          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1855 | Phạm Thùy              | Nhiên  | 22-05-06               | 61961855    | 5/7          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1856 | Trần Ngọc Lan          | Anh    | 09-08-06               | 61961856    | 5/7          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1857 | Võ Công                | Đạt    | 19-07-06               | 61961857    | 5/7          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1858 | Đặng Võ Minh           | Triết  | 17-12-06               | 61961858    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1859 | Lê Nguyễn Hoài         | Minh   | 11-12-06               | 61961859    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1860 | Lê Thị Diệu            | Hiền   | 21-04-06               | 61961860    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1861 | Nguyễn Đức Minh        | Triết  | 10-01-06               | 61961861    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1862 | Nguyễn Quang           | Minh   | 03-05-06               | 61961862    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1863 | Nguyễn Thị Hoài        | Linh   | 13-06-06               | 61961863    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1864 | Nguyễn Thị Thanh       | Minh   | 28-10-06               | 61961864    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 12 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1865 | Nguyễn Thiện           | Nhân   | 22-08-06               | 61961865    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1866 | Nguyễn Vy              | Khanh  | 14-06-06               | 61961866    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1867 | Phạm Minh Phú          | Khang  | 22-09-06               | 61961867    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1868 | Trương Bảo             | Hân    | 24-12-06               | 61961868    | 5/8          | 5             | Hoa Lư               | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1869 | Huỳnh Anh              | Quân   | 16-12-08               | 61961869    | 3/1          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1870 | Lê Minh                | Nguyên | 10-04-08               | 61961870    | 3/1          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1871 | Trần Khánh             | Vy     | 19-02-08               | 61961871    | 3/1          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1872 | Trần Thị Thanh         | Ngọc   | 12-12-08               | 61961872    | 3/1          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1873 | Đình Bảo               | Nguyên | 10-07-08               | 61961873    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1874 | Dương Nguyễn Bảo       | Ngọc   | 20-04-08               | 61961874    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1875 | Hồ Ngọc Thảo           | Uyên   | 28-10-08               | 61961875    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1876 | Hoàng Minh             | Tường  | 02-01-08               | 61961876    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1877 | Huỳnh Bảo              | Uyên   | 22-10-08               | 61961877    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1878 | Lê Nguyễn Quỳnh        | Nhi    | 02-01-08               | 61961878    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1879 | Nguyễn Hoàng           | Dũng   | 25-08-08               | 61961879    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1880 | Nguyễn Hoàng           | Quân   | 19-08-08               | 61961880    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1881 | Nguyễn Mai Thiên              | Phương | 12-11-08               | 61961881    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1882 | Vĩ Minh                       | Thư    | 06-01-08               | 61961882    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1883 | Võ Quế                        | Như    | 30-12-08               | 61961883    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1884 | Vũ Nguyễn Ngọc                | Minh   | 15-10-08               | 61961884    | 3/2          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1885 | Lê Anh                        | Kiệt   | 21-12-08               | 61961885    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1886 | Nguyễn Bá Trung               | Chính  | 24-04-08               | 61961886    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1887 | Nguyễn Ngọc Bảo               | Nguyên | 19-04-08               | 61961887    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1888 | Nguyễn Ngọc Bảo               | Trần   | 12-02-08               | 61961888    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 13 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1889 | Nguyễn Thành Kha              | Ly     | 17-11-08               | 61961889    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1890 | Nguyễn Thị Minh               | Anh    | 28-11-08               | 61961890    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1891 | Phương Gia                    | Bảo    | 07-09-08               | 61961891    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1892 | Hà Anh                        | Duy    | 15-05-08               | 61961892    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1893 | Lê Bảo                        | Ngọc   | 02-08-08               | 61961893    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1894 | Lê Nguyễn Phương              | Lan    | 31-07-08               | 61961894    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1895 | Nguyễn Hà                     | Phương | 06-08-08               | 61961895    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1896 | Nguyễn Hữu Gia                | Huy    | 23-02-08               | 61961896    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1897 | Nguyễn Ngọc Bình              | Minh   | 17-03-08               | 61961897    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1898 | Phan Thị Quỳnh                | Trâm   | 25-04-08               | 61961898    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1899 | Trần Gia                      | Bảo    | 21-10-08               | 61961899    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1900 | Trần Phước Bảo                | Thạnh  | 02-04-08               | 61961900    | 3/4          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1901 | Nguyễn Anh                    | Thơ    | 03-04-08               | 61961901    | 3/5          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1902 | Nguyễn Anh                    | Thì    | 03-04-08               | 61961902    | 3/5          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1903 | Nguyễn Thị Nhật               | Linh   | 08-07-08               | 61961903    | 3/5          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1904 | Trần Đức                      | Huy    | 27-12-08               | 61961904    | 3/5          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1905 | Trần Huỳnh Bảo                | Nghi   | 20-09-08               | 61961905    | 3/5          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1906 | YamaKage                      | Sally  | 28-08-08               | 61961906    | 3/5          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1907 | Lê Ngọc                       | Quang  | 10-06-08               | 61961907    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1908 | Ngô Ngọc Tú                   | Quyên  | 10-03-08               | 61961908    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1909 | Nguyễn Ngọc Bảo               | Trần   | 17-09-08               | 61961909    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1910 | Nguyễn Tiết Thanh             | Ngân   | 01-01-08               | 61961910    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1911 | Nguyễn Văn Hoàng              | Son    | 12-08-08               | 61961911    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1912 | Phan Ngọc Minh                | Trí    | 30-03-08               | 61961912    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 14 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1913 | Trần Bảo                      | Ngọc   | 08-04-08               | 61961913    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1914 | Trương Thị Bích               | Ngọc   | 08-04-08               | 61961914    | 3/6          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1915 | Đỗ Tiến                       | Đạt    | 28-02-07               | 61961915    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1916 | Lê Huỳnh Chí                  | Nguyên | 20-03-07               | 61961916    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1917 | Lưu Minh                      | Hoàng  | 11-06-07               | 61961917    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1918 | Lý Ngọc                       | Quỳnh  | 09-12-07               | 61961918    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1919 | Mai Khôi                      | Nguyên | 22-07-07               | 61961919    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1920 | Ngô Trần Anh                  | Thư    | 13-09-07               | 61961920    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1921 | Tào Đăng                      | Huy    | 16-07-07               | 61961921    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1922 | Trương Hoàng                  | Ly     | 10-05-07               | 61961922    | 4/1          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1923 | Nguyễn Đức                    | Long   | 17-07-07               | 61961923    | 4/2          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1924 | Nguyễn Hoàng An               | Dung   | 02-06-07               | 61961924    | 4/2          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1925 | Nguyễn Hữu                    | Đức    | 30-05-07               | 61961925    | 4/2          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1926 | Nguyễn Ngọc Anh               | Như    | 03-11-07               | 61961926    | 4/3          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1927 | Nguyễn Thiện                  | Nhân   | 15-10-07               | 61961927    | 4/3          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1928 | Bùi Thị Gia                   | Hòa    | 02-02-07               | 61961928    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1929 | Bùi Thu                       | Thảo   | 07-05-07               | 61961929    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1930 | Lê Trần Anh                   | Thư    | 04-02-07               | 61961930    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1931 | Lưu Nhất                      | Minh   | 14-10-07               | 61961931    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1932 | Nguyễn Đình                   | Hòa    | 02-10-07               | 61961932    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1933 | Nguyễn Mai Thiên              | Hương  | 22-08-07               | 61961933    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1934 | Phạm Hoàng Anh                | Khoa   | 13-05-07               | 61961934    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1935 | Phạm Quang                    | Huy    | 02-08-07               | 61961935    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1936 | Thân Đức Vũ                   | Khanh  | 24-04-07               | 61961936    | 4/4          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 15 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1937 | Huỳnh Nguyễn Khánh            | Thư    | 06-03-07               | 61961937    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1938 | Lê Anh                        | Chương | 06-09-07               | 61961938    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1939 | Lê Bá Anh                     | Phú    | 17-03-07               | 61961939    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1940 | Nguyễn Thị Kim                | Loan   | 27-02-07               | 61961940    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1941 | Nguyễn Thị Minh               | Phương | 17-09-07               | 61961941    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1942 | Phan Nguyễn Thùy              | Linh   | 20-08-07               | 61961942    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1943 | Phùng Khánh                   | Linh   | 13-11-07               | 61961943    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1944 | Trần Đăng Hoài                | Bắc    | 10-11-07               | 61961944    | 4/5          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1945 | Đặng Hải                      | Yến    | 21-01-07               | 61961945    | 4/6          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1946 | Nguyễn Minh                   | Khuê   | 27-01-07               | 61961946    | 4/6          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1947 | Trần Khánh                    | Linh   | 07-06-07               | 61961947    | 4/6          | 4             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1948 | Ngô Đặng                      | Thành  | 02-07-06               | 61961948    | 5/1          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1949 | Bùi Quang                     | Thông  | 26-10-06               | 61961949    | 5/2          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1950 | Huỳnh Phúc                    | Hải    | 13-07-06               | 61961950    | 5/2          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1951 | Lê Nguyễn Hoài                | An     | 17-05-06               | 61961951    | 5/2          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1952 | Ngô Yến                       | Thảo   | 14-11-06               | 61961952    | 5/2          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1953 | Nguyễn Lê Bảo                 | Duyên  | 29-11-06               | 61961953    | 5/2          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1954 | Nguyễn Phạm Phương            | Anh    | 01-01-06               | 61961954    | 5/2          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|-------------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1955 | Đặng Ngọc Anh                 | Khoa  | 27-11-06               | 61961955    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1956 | Hồ Viết Lộc                   | Khánh | 20-08-06               | 61961956    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1957 | Hoàng Thu                     | Ngân  | 20-03-06               | 61961957    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1958 | Huỳnh Nguyễn Anh              | Tuyền | 27-12-06               | 61961958    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1959 | Lê Anh                        | Bảo   | 31-10-06               | 61961959    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1960 | Lê Thị Nguyên                 | Thảo  | 19-01-06               | 61961960    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 16 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1961 | Ngô Thị Thùy                  | Trang | 12-08-06               | 61961961    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1962 | Nguyễn Châu Anh               | Thì   | 10-10-06               | 61961962    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1963 | Nguyễn Đình                   | Phước | 08-12-06               | 61961963    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1964 | Nguyễn Duy                    | Bảo   | 03-08-06               | 61961964    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1965 | Nguyễn Ngọc Kim               | Ngân  | 04-08-06               | 61961965    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1966 | Nguyễn Tuyết                  | Nhung | 24-06-06               | 61961966    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1967 | Nguyễn Việt                   | Tùng  | 31-08-06               | 61961967    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1968 | Phùng Quỳnh                   | Nhàn  | 29-11-06               | 61961968    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1969 | Trần Ngọc Vân                 | Anh   | 18-10-06               | 61961969    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1970 | Võ Lê Đình                    | Huy   | 31-03-06               | 61961970    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1971 | Võ Nguyễn Bảo                 | Hân   | 25-02-06               | 61961971    | 5/3          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1972 | Lương Việt                    | Anh   | 11-02-06               | 61961972    | 5/4          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1973 | Nguyễn Chí                    | Minh  | 26-04-06               | 61961973    | 5/4          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1974 | Nguyễn Gia                    | Bảo   | 13-02-06               | 61961974    | 5/4          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1975 | Nguyễn Quốc                   | Khánh | 03-05-06               | 61961975    | 5/4          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1976 | Nguyễn Việt                   | Tùng  | 06-07-06               | 61961976    | 5/4          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1977 | Trần Hoàng Khánh              | Minh  | 18-08-06               | 61961977    | 5/4          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1978 | Trần Thục Minh                | Châu  | 18-03-06               | 61961978    | 5/4          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1979 | Bảo Quý                       | Thịnh | 27-11-06               | 61961979    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1980 | Đào Nguyên                    | Thảo  | 20-11-06               | 61961980    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1981 | Đoàn Xuân                     | Quý   | 28-07-06               | 61961981    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1982 | Nguyễn Ngọc Mai               | Thy   | 21-10-06               | 61961982    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1983 | Nguyễn Phan Minh              | Khuê  | 16-04-06               | 61961983    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1984 | Nguyễn Quỳnh                  | Như   | 28-05-06               | 61961984    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 17 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1985 | Nguyễn Quỳnh                  | Trang | 25-01-06               | 61961985    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1986 | Trần Hồ Như                   | Ngọc  | 06-12-06               | 61961986    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1987 | Trương Tuấn                   | Vỹ    | 06-04-06               | 61961987    | 5/5          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1988 | Châu Lê Nguyên                | Khôi  | 01-07-06               | 61961988    | 5/6          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1989 | Đặng Thanh                    | Huyền | 12-01-06               | 61961989    | 5/6          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1990 | Đỗ Nguyễn Nhật                | Vy    | 27-07-06               | 61961990    | 5/6          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1991 | Nguyễn Thành                  | Nhân  | 08-09-06               | 61961991    | 5/6          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 1992 | Nguyễn Trần Phương     | Uyên   | 08-05-06               | 61961992    | 5/6          | 5             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1993 | Lê Anh                 | Kiệt   | 21-12-08               | 61961993    | 3/3          | 3             | Huỳnh Ngọc Huệ       | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1994 | Đào Nguyễn Hà          | Nhi    | 07-12-08               | 61961994    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1995 | Đỗ Đình                | Huy    | 18-12-08               | 61961995    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1996 | Lê Hoàng Trâm          | Anh    | 17-06-08               | 61961996    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1997 | Lê Nguyễn Long         | Nhật   | 28-05-08               | 61961997    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1998 | Nghiêm Gia             | Bảo    | 28-06-08               | 61961998    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 1999 | Nguyễn Đỗ Văn          | Nghi   | 06-12-08               | 61961999    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2000 | Nguyễn Phạm Duy        | Phú    | 29-06-08               | 61962000    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2001 | Nguyễn sĩ Quang        | Trung  | 13-05-08               | 61962001    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2002 | Nguyễn Thị Quỳnh       | Anh    | 14-09-08               | 61962002    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2003 | Nguyễn Thị Yên         | Nhi    | 02-01-08               | 61962003    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2004 | Phạm Minh              | Thư    | 09-10-08               | 61962004    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2005 | Thân Ngọc Uyển         | Nhi    | 03-01-08               | 61962005    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2006 | Trịnh Văn Anh          | Đức    | 25-05-08               | 61962006    | 3/1          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2007 | Bùi Xuân Mỹ            | Hằng   | 16-04-08               | 61962007    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2008 | Đặng Bảo               | Trần   | 03-06-08               | 61962008    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 18 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2009 | Đỗ Nguyễn Hà           | Phương | 17-11-08               | 61962009    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2010 | Đoàn Ngọc              | Dung   | 28-09-08               | 61962010    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2011 | Hoàng Nguyễn Thu       | Ngân   | 13-09-08               | 61962011    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2012 | Hoàng Vũ Phương        | Nhi    | 09-03-08               | 61962012    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2013 | Lê Đức                 | Thiên  | 30-08-08               | 61962013    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2014 | Lưu Ngọc               | Anh    | 14-06-08               | 61962014    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2015 | Nguyễn Hà              | Vy     | 26-01-08               | 61962015    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2016 | Nguyễn Thị Bảo         | Châu   | 26-11-08               | 61962016    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2017 | Nguyễn Thị Mai         | Phương | 04-02-08               | 61962017    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2018 | Trần Công              | Vinh   | 14-01-08               | 61962018    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2019 | Trần Thị Hà            | Quyên  | 01-03-08               | 61962019    | 3/2          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2020 | Hoàng Hà               | An     | 18-09-08               | 61962020    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2021 | Hoàng Văn              | An     | 07-07-08               | 61962021    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2022 | Lê Hùng                | Son    | 23-03-08               | 61962022    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2023 | Lê Thị Hà              | Anh    | 25-08-08               | 61962023    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2024 | Nguyễn Liên            | Khương | 19-02-08               | 61962024    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2025 | Nguyễn Phương          | Uyên   | 17-05-08               | 61962025    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2026 | Nguyễn Thị Lan         | Phương | 24-04-08               | 61962026    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2027 | Tô Duyên               | Hải    | 27-04-08               | 61962027    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2028 | Võ Trần Gia            | Khánh  | 02-02-08               | 61962028    | 3/3          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|-------------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2029 | Đinh Trần Công                | Ân     | 11-05-08               | 61962029    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2030 | Huỳnh Đình Nhật               | Huy    | 02-08-08               | 61962030    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2031 | Lê Huỳnh Thảo                 | Linh   | 01-12-08               | 61962031    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2032 | Lê Uyên Bảo                   | Trần   | 23-11-08               | 61962032    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 19 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2033 | Nguyễn Hữu                    | Thắng  | 27-10-08               | 61962033    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2034 | Trần Đình Quang               | Hung   | 01-10-08               | 61962034    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2035 | Trần Ngọc Quỳnh               | Thi    | 03-06-08               | 61962035    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2036 | Trần Thanh                    | Nhân   | 01-04-08               | 61962036    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2037 | Trịnh Mai Anh                 | Nguyên | 19-01-08               | 61962037    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2038 | Võ Nguyễn Tuấn                | Hùng   | 24-02-08               | 61962038    | 3/4          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2039 | Bùi Duy                       | Khoa   | 18-11-08               | 61962039    | 3/5          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2040 | Nguyễn Bá                     | Hung   | 25-03-08               | 61962040    | 3/5          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2041 | Nguyễn Khánh                  | Đông   | 11-12-08               | 61962041    | 3/5          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2042 | Nguyễn Thị Thùy               | Trâm   | 26-10-08               | 61962042    | 3/5          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2043 | Trịnh Huy                     | Hoàng  | 25-03-08               | 61962043    | 3/5          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2044 | Trịnh Mỹ                      | An     | 25-10-08               | 61962044    | 3/5          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2045 | Võ Như                        | Quỳnh  | 25-08-08               | 61962045    | 3/5          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2046 | Hoàng Ngọc Phương             | Thảo   | 11-11-08               | 61962046    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2047 | Lê Thị                        | Hằng   | 17-04-08               | 61962047    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2048 | Lữ Thị Yên                    | Vy     | 14-11-08               | 61962048    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2049 | Nguyễn Ngọc Khánh             | Linh   | 25-05-08               | 61962049    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2050 | Phạm Hồng                     | Ánh    | 14-01-08               | 61962050    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2051 | Phí Thị Quỳnh                 | Anh    | 11-07-08               | 61962051    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2052 | Thái Hà                       | Trang  | 12-08-08               | 61962052    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2053 | Vũ Thị                        | Uyên   | 17-02-08               | 61962053    | 3/6          | 3             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2054 | Đoàn Nguyễn Anh               | Thư    | 16-10-07               | 61962054    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2055 | Đoàn Thị Bảo                  | Ngọc   | 01-01-07               | 61962055    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2056 | Dương Thùy                    | Linh   | 05-08-07               | 61962056    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 20 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2057 | Huỳnh Thị Ngọc                | Anh    | 03-05-07               | 61962057    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2058 | Lê Hoàng                      | Việt   | 03-05-07               | 61962058    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2059 | Lê Thị Phương                 | Phương | 06-07-07               | 61962059    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2060 | Ma Tiến                       | Đức    | 27-01-07               | 61962060    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2061 | Nghiêm Nguyễn Uyên            | Phương | 25-02-07               | 61962061    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2062 | Nguyễn Vinh                   | Hoàng  | 03-05-07               | 61962062    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2063 | Phạm Hoàng                    | Phương | 21-05-07               | 61962063    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2064 | Trần Nguyễn Bảo               | Khuyên | 29-12-07               | 61962064    | 4/1          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2065 | Đinh Hoàng                    | Dũng   | 21-01-07               | 61962065    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|-------------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2066 | Hoàng Thiên                   | Trúc  | 10-03-07               | 61962066    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2067 | Lê Đức                        | Vinh  | 08-01-07               | 61962067    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2068 | Lê Thùy                       | Trang | 24-10-07               | 61962068    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2069 | Mai Lê Thu                    | Hiền  | 04-04-07               | 61962069    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2070 | Nguyễn Lê Kim                 | Anh   | 16-01-07               | 61962070    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2071 | Nguyễn Thanh                  | Hoài  | 05-04-07               | 61962071    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2072 | Nguyễn Tiến                   | Minh  | 15-04-07               | 61962072    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2073 | Nguyễn Văn                    | Trung | 03-02-07               | 61962073    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2074 | Trần Ný Đan                   | Phúc  | 13-06-07               | 61962074    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2075 | Vũ Hải                        | Thanh | 12-08-07               | 61962075    | 4/2          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2076 | Bùi Phạm Huy                  | Hoàng | 02-04-07               | 61962076    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2077 | Lê Nguyễn Chi                 | Mai   | 06-10-07               | 61962077    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2078 | Lê Trần Anh                   | Khôi  | 06-11-07               | 61962078    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2079 | Nguyễn Đình Tuấn              | Anh   | 13-06-07               | 61962079    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2080 | Nguyễn Mạnh Bích              | Ngọc  | 22-02-07               | 61962080    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 21 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2081 | Nguyễn Phúc                   | Đức   | 31-08-07               | 61962081    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2082 | Nguyễn Thái Ngọc              | Mai   | 24-06-07               | 61962082    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2083 | Nguyễn Thành                  | Danh  | 24-05-07               | 61962083    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2084 | Phan Lê Như                   | Ngọc  | 17-03-07               | 61962084    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2085 | Trần Đoàn Bảo                 | Trâm  | 10-08-07               | 61962085    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2086 | Trần Hoài                     | Anh   | 07-04-07               | 61962086    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2087 | Trần Hữu Long                 | Nhật  | 25-11-07               | 61962087    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2088 | Trần Nguyễn Thanh             | Nga   | 25-03-07               | 61962088    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2089 | Trần Trung                    | Kiên  | 30-04-07               | 61962089    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2090 | Trịnh Đức                     | Dũng  | 11-06-07               | 61962090    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2091 | Vũ Hà Bích                    | Diệp  | 04-09-07               | 61962091    | 4/3          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2092 | Đỗ Nguyễn Yến                 | Ny    | 25-07-07               | 61962092    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2093 | Lê Bá                         | Dương | 31-05-07               | 61962093    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2094 | Lê Mai Anh                    | Đào   | 01-09-07               | 61962094    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2095 | Nguyễn Đăng Bảo               | Khoa  | 17-08-07               | 61962095    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2096 | Nguyễn Gia                    | Huy   | 10-08-07               | 61962096    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2097 | Nguyễn Hữu                    | Mạnh  | 16-08-07               | 61962097    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2098 | Nguyễn Ngọc                   | Minh  | 19-08-07               | 61962098    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2099 | Nguyễn Thị Khánh              | Chi   | 17-07-07               | 61962099    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2100 | Nguyễn Viêt Hoàng             | Nam   | 03-09-07               | 61962100    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2101 | Trần Diệu                     | Linh  | 05-03-07               | 61962101    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2102 | Trần Thu                      | Hương | 13-08-07               | 61962102    | 4/4          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2103 | Ngô Thùy               | Linh   | 01-09-07               | 61962103    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2104 | Nguyễn Hoàng           | Linh   | 01-11-07               | 61962104    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 22 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2105 | Nguyễn Hoàng           | Nhật   | 18-05-07               | 61962105    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2106 | Nguyễn Thị Khánh       | Linh   | 02-01-07               | 61962106    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2107 | Nguyễn Trọng           | Dũng   | 05-11-07               | 61962107    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2108 | Phan Kim Anh           | Tú     | 16-01-07               | 61962108    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2109 | Thái Võ Quốc           | Vượng  | 25-12-07               | 61962109    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2110 | Trần Bảo Thiên         | Phú    | 18-10-07               | 61962110    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2111 | Trần Thị Trân          | Huyền  | 18-01-07               | 61962111    | 4/5          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2112 | Hồ Nguyệt              | Ánh    | 12-11-07               | 61962112    | 4/6          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2113 | Trần Thị Quỳnh         | Châu   | 16-11-07               | 61962113    | 4/6          | 4             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2114 | Dương Vũ Minh          | Hiếu   | 13-02-06               | 61962114    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2115 | Hoàng Minh             | Dũng   | 22-10-06               | 61962115    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2116 | Lê Công                | Thành  | 26-11-06               | 61962116    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2117 | Ngô Thùy               | Linh   | 17-09-06               | 61962117    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2118 | Nguyễn Đào Mai         | Phương | 02-09-06               | 61962118    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2119 | Nguyễn Phan            | Tiến   | 03-02-06               | 61962119    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2120 | Nguyễn Thị Ngọc        | Hà     | 19-10-06               | 61962120    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2121 | Phạm Việt              | An     | 22-08-06               | 61962121    | 5/1          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2122 | Đặng Nguyễn Thanh      | Nhi    | 11-03-06               | 61962122    | 5/2          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2123 | Dương Hiền Trung       | Hiếu   | 30-05-06               | 61962123    | 5/2          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2124 | Nguyễn Bảo Hồng        | Ngọc   | 10-08-06               | 61962124    | 5/2          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2125 | Nguyễn Đoàn Khánh      | Thư    | 15-11-06               | 61962125    | 5/2          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2126 | Nguyễn Thị Quỳnh       | Vân    | 04-10-06               | 61962126    | 5/2          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2127 | Nguyễn Trần Phương     | An     | 28-08-06               | 61962127    | 5/2          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2128 | Trần Phương Bảo        | Trân   | 27-08-06               | 61962128    | 5/2          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 23 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2129 | Bùi Nam                | Khánh  | 01-02-06               | 61962129    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2130 | Đỗ Văn                 | Nghĩa  | 12-03-06               | 61962130    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2131 | Nguyễn Đình            | Huy    | 13-05-06               | 61962131    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2132 | Nguyễn Hoàng Ngân      | Trang  | 12-07-06               | 61962132    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2133 | Nguyễn Lê Khánh        | Hằng   | 05-01-06               | 61962133    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2134 | Nguyễn Minh            | Trí    | 18-09-06               | 61962134    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2135 | Nguyễn Trần Đăng       | Khánh  | 19-11-06               | 61962135    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2136 | Nguyễn Trọng           | Tiến   | 01-08-06               | 61962136    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2137 | Phan Lê Anh            | Huy    | 25-01-06               | 61962137    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2138 | Phan Lê Khánh          | Hằng   | 15-08-06               | 61962138    | 5/3          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2139 | Hoàng Nguyên Bảo       | Ngọc   | 30-10-06               | 61962139    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2140 | Hoàng Phương           | Anh    | 10-07-06               | 61962140    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2141 | Lê Thụy Vân            | Kha    | 05-04-06               | 61962141    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2142 | Nguyễn Hoàng Phương    | Thảo   | 11-05-06               | 61962142    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2143 | Nguyễn Hồng            | Phúc   | 24-02-06               | 61962143    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2144 | Nguyễn Ngọc Xuân       | Nhi    | 09-06-06               | 61962144    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2145 | Nguyễn Sỹ              | Luân   | 20-07-06               | 61962145    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2146 | Nguyễn Thị Ánh         | Nguyệt | 22-01-06               | 61962146    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2147 | Nguyễn Võ Phương       | Nhi    | 10-11-06               | 61962147    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2148 | Trịnh Quang            | Bình   | 18-01-06               | 61962148    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2149 | Vũ Hoàng               | Hải    | 21-02-06               | 61962149    | 5/4          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2150 | Hồ Nhật                | Minh   | 08-02-06               | 61962150    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2151 | Lê Châu                | Giang  | 18-05-06               | 61962151    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2152 | Mai Thảo Vân           | Giang  | 19-06-06               | 61962152    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 24 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2153 | Nguyễn Thị Huyền       | Trang  | 28-05-06               | 61962153    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2154 | Nguyễn Uyên            | Phương | 26-04-06               | 61962154    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2155 | Trần Cảnh Anh          | Tuấn   | 11-02-06               | 61962155    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2156 | Trần Lê                | Son    | 27-04-06               | 61962156    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2157 | Trần Nguyễn Minh       | Ngọc   | 07-11-06               | 61962157    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2158 | Trần Thị Quỳnh         | Thư    | 06-09-06               | 61962158    | 5/5          | 5             | Nguyễn Bình Khiêm    | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2159 | Đoàn Phước Nguyên      | Đức    | 26-12-08               | 61962159    | 3/1          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2160 | Huỳnh Ngọc Bảo         | Nhi    | 27-12-08               | 61962160    | 3/1          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2161 | Mai Nguyễn Anh         | Hoàng  | 15-03-08               | 61962161    | 3/1          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2162 | Ngô Ngọc Bảo           | Huy    | 21-06-08               | 61962162    | 3/1          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2163 | Nguyễn Gia             | Hân    | 25-01-08               | 61962163    | 3/1          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2164 | Phạm Thị Thanh         | Bình   | 25-02-08               | 61962164    | 3/1          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2165 | Phạm Nguyên            | Phương | 02-02-08               | 61962165    | 3/2          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2166 | Vũ Phạm Minh           | Thư    | 10-02-08               | 61962166    | 3/2          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2167 | Hoàng Nguyễn Anh       | Thư    | 05-04-08               | 61962167    | 3/3          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2168 | Nguyễn Phương          | Nhi    | 27-07-08               | 61962168    | 3/3          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2169 | Châu Bảo               | Ngọc   | 17-11-08               | 61962169    | 3/4          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2170 | Lê Trương Bảo          | Nhi    | 13-02-08               | 61962170    | 3/4          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2171 | Phạm Phương            | Anh    | 03-06-08               | 61962171    | 3/4          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2172 | Trần Thành             | Long   | 13-01-08               | 61962172    | 3/4          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2173 | Trương Việt Minh       | Hằng   | 07-05-08               | 61962173    | 3/4          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2174 | Đặng Võ Minh           | Hằng   | 30-08-08               | 61962174    | 3/5          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2175 | Hồ Duy                 | Khang  | 16-08-08               | 61962175    | 3/5          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2176 | Thái Hoàng Minh        | Huy    | 13-05-08               | 61962176    | 3/5          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 25 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|-------------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                      | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2177 | Trần Thanh                    | Ngọc  | 10-06-08               | 61962177    | 3/5          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2178 | Võ Đại                        | Quang | 17-03-08               | 61962178    | 3/5          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2179 | Bùi Đức An                    | Nam   | 10-09-08               | 61962179    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2180 | Đặng Thanh                    | Hung  | 29-02-08               | 61962180    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2181 | Gia                           | Kiên  | 21-06-08               | 61962181    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2182 | Lê Bảo Hoài                   | Anh   | 05-06-08               | 61962182    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2183 | Nguyễn Tiến                   | Đạt   | 13-05-08               | 61962183    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2184 | Phạm Đỗ Thái                  | Hoàng | 24-08-08               | 61962184    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2185 | Phạm Tấn                      | Phúc  | 23-10-08               | 61962185    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2186 | Phan Lê Ngân                  | Giang | 15-04-08               | 61962186    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2187 | Trần Đình                     | Tuấn  | 26-09-08               | 61962187    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2188 | Trần Đức                      | Trí   | 19-01-08               | 61962188    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2189 | Trần Thị Như                  | Hoà   | 23-04-08               | 61962189    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2190 | Võ Châu Ánh                   | Thịnh | 18-01-08               | 61962190    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2191 | Võ Lê Gia                     | Huy   | 21-07-08               | 61962191    | 3/6          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2192 | Mai Bảo                       | Trâm  | 12-09-08               | 61962192    | 3/7          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2193 | Nguyễn Ngọc Thảo              | Quyên | 26-04-08               | 61962193    | 3/7          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2194 | Tổng Phước Minh               | Quân  | 29-09-08               | 61962194    | 3/7          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2195 | Trần Quang                    | Duy   | 15-07-08               | 61962195    | 3/7          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2196 | Bùi Văn                       | Đạt   | 30-12-08               | 61962196    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2197 | Đỗ Thanh                      | Hiếu  | 10-01-08               | 61962197    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2198 | Hoàng Quốc                    | Thiện | 04-06-08               | 61962198    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2199 | Huỳnh Bá                      | Nhân  | 04-11-08               | 61962199    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2200 | Lê Nguyễn Thùy                | Tiên  | 28-01-08               | 61962200    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 26 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2201 | Nguyễn Hoàng                  | Long  | 21-05-08               | 61962201    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2202 | Nguyễn Phước Mai              | Ngọc  | 24-01-08               | 61962202    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2203 | Nguyễn Quang                  | Thanh | 12-05-08               | 61962203    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2204 | Nguyễn Trần Bảo               | Quyên | 19-12-08               | 61962204    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2205 | Nguyễn Trương Minh            | Anh   | 31-07-08               | 61962205    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2206 | Trần Đức Anh                  | Tú    | 28-04-08               | 61962206    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2207 | Trần Lê Bảo                   | Trân  | 17-06-08               | 61962207    | 3/8          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2208 | Đinh Thanh                    | Ngân  | 28-07-08               | 61962208    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2209 | Đỗ Nguyên Quỳnh               | Trân  | 17-08-08               | 61962209    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2210 | Hồ Hoàng Thăng                | Long  | 19-11-08               | 61962210    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2211 | Hoà Nguyễn Mỹ                 | Vy    | 19-09-08               | 61962211    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2212 | Huỳnh Đặng Thanh              | Hằng  | 01-08-08               | 61962212    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2213 | Lê Công                       | Lợi   | 19-08-08               | 61962213    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name   |       | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|--------------------------|-------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm                 | Tên   |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2214 | Lê Hồ Phương             | Uyên  | 02-01-08               | 61962214    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2215 | Lê Hoàng Tường           | Vân   | 06-01-08               | 61962215    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2216 | Lê Tự Quốc               | Việt  | 22-06-08               | 61962216    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2217 | Lê Viết Nguyên           | Phước | 27-08-08               | 61962217    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2218 | Ngô Nguyễn Anh           | Tuấn  | 15-11-08               | 61962218    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2219 | Nguyễn Đình Bảo          | Thy   | 01-05-08               | 61962219    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2220 | Nguyễn Mai Khánh         | Ly    | 04-01-08               | 61962220    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2221 | Nguyễn Minh              | Khuê  | 17-07-08               | 61962221    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2222 | Trần Gia                 | Khang | 03-05-08               | 61962222    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2223 | Trần Văn Anh             | Trung | 07-03-08               | 61962223    | 3/9          | 3             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2224 | Đặng Phúc Mỹ             | Anh   | 25-07-07               | 61962224    | 4/1          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 27 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2225 | Đặng Văn                 | Thành | 03-02-07               | 61962225    | 4/1          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2226 | Dương Minh               | Nhật  | 31-08-07               | 61962226    | 4/1          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2227 | Nguyễn Bảo               | Đan   | 24-04-07               | 61962227    | 4/1          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2228 | Nguyễn Hữu               | Bách  | 16-01-07               | 61962228    | 4/1          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2229 | Phan Minh                | Huân  | 22-07-07               | 61962229    | 4/2          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2230 | Nguyễn Trương Thanh      | Toàn  | 17-12-07               | 61962230    | 4/3          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2231 | Hồ Trần Khánh            | Linh  | 10-04-07               | 61962231    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2232 | Lê Tự Duy                | Ân    | 11-02-07               | 61962232    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2233 | Mai Phan Mỹ              | Hạnh  | 21-05-07               | 61962233    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2234 | Nguyễn Lê Khánh          | Linh  | 02-06-07               | 61962234    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2235 | Nguyễn Tấn               | Hung  | 11-05-07               | 61962235    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2236 | Phan Minh                | Đan   | 23-01-07               | 61962236    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2237 | Trương Nguyễn Đình Thiên | Trang | 01-05-07               | 61962237    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2238 | Võ Nguyễn Anh            | Khoa  | 25-11-07               | 61962238    | 4/4          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2239 | Nguyễn Hoàng Gia         | Khánh | 14-08-07               | 61962239    | 4/5          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2240 | Nguyễn Lê Bảo            | Trân  | 23-03-07               | 61962240    | 4/5          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2241 | Trần Đức Thành           | Nhân  | 10-03-07               | 61962241    | 4/5          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2242 | Trần Phúc Xuân           | Thi   | 08-03-07               | 61962242    | 4/5          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2243 | Châu Trọng               | Tín   | 30-06-07               | 61962243    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2244 | Giáp Thanh Phương        | Uyên  | 10-11-07               | 61962244    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2245 | Nguyễn Hoàng Nguyên      | Anh   | 27-01-07               | 61962245    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2246 | Nguyễn Mỹ                | Duyên | 09-01-07               | 61962246    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2247 | Nguyễn Trương Tuấn       | Hung  | 12-02-07               | 61962247    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2248 | Ông Quan Nhật            | Minh  | 11-11-07               | 61962248    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 28 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2249 | Trần Đình                | Hải   | 18-08-07               | 61962249    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2250 | Trần Thanh               | Thùy  | 16-07-07               | 61962250    | 4/6          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2251 | Nguyễn Phương          | Triú   | 27-12-07               | 61962251    | 4/7          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2252 | Trần Khải              | Nguyên | 23-22007               | 61962252    | 4/7          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2253 | Vũ Anh                 | Kiệt   | 27-04-07               | 61962253    | 4/7          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2254 | Trần Lê Khánh          | Linh   | 31-10-07               | 61962254    | 4/8          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2255 | Tần Lê Thùy            | Linh   | 31-10-07               | 61962255    | 4/8          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2256 | Đoàn Ngọc Gia          | Hân    | 11-03-07               | 61962256    | 4/9          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2257 | Mai Trần Hải           | Triều  | 11-04-07               | 61962257    | 4/9          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2258 | Phan Nhật              | Tú     | 13-12-07               | 61962258    | 4/9          | 4             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2259 | Châu Quốc              | Tuấn   | 16-03-06               | 61962259    | 5./8         | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2260 | Phan Quốc              | Hiếu   | 04-09-06               | 61962260    | 5./8         | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2261 | Trần Nguyễn Bảo        | Trần   | 07-11-06               | 61962261    | 5./8         | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2262 | Bùi Nguyễn Như         | Hoài   | 03-07-06               | 61962262    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2263 | Huỳnh Khánh            | Nhi    | 02-09-06               | 61962263    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2264 | Nguyễn Hoàng Tổ        | Như    | 18-03-06               | 61962264    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2265 | Nguyễn Huỳnh           | Dung   | 17-06-06               | 61962265    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2266 | Phạm Đỗ Anh            | Thy    | 22-01-06               | 61962266    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2267 | Phan Thảo              | Nguyên | 23-11-06               | 61962267    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2268 | Phùng Vũ               | Minh   | 15-09-06               | 61962268    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2269 | Trương Nguyễn Kim      | Ngọc   | 09-04-06               | 61962269    | 5/1          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2270 | Phạm Minh              | Tuấn   | 10-02-06               | 61962270    | 5/10         | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2271 | Bùi Hoàng Bảo          | Trần   | 01-08-06               | 61962271    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2272 | Đoàn Bảo               | Ngọc   | 26-10-06               | 61962272    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 29 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2273 | Dương Bảo              | Châu   | 26-08-06               | 61962273    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2274 | Hồ Quốc                | Huy    | 10-04-06               | 61962274    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2275 | Hoàng Đăng             | Khoa   | 24-08-06               | 61962275    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2276 | Lưu Đỗ Minh            | Thự    | 18-06-06               | 61962276    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2277 | Nguyễn Hiếu            | Ngân   | 05-06-06               | 61962277    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2278 | Nguyễn Hoài            | Trúc   | 18-12-06               | 61962278    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2279 | Nguyễn Khải            | Hoàng  | 26-06-06               | 61962279    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2280 | Nguyễn Lê Hồng         | Diệu   | 27-06-06               | 61962280    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2281 | Nguyễn Thị Gia         | Hân    | 24-05-06               | 61962281    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2282 | Nguyễn Trường Bích     | Phương | 16-07-06               | 61962282    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2283 | Phạm Nguyễn Thái       | Trần   | 08-03-06               | 61962283    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2284 | Phi Hoàng Yển          | Nhi    | 04-03-06               | 61962284    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2285 | Võ Ngọc Phương         | Linh   | 23-05-06               | 61962285    | 5/2          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2286 | Đoàn Thị Thanh         | Chi    | 11-09-06               | 61962286    | 5/3          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2287 | Nguyễn Thị Thanh       | Tín    | 11-09-06               | 61962287    | 5/3          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm<br>sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi             |
|------|------------------------|--------|------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                        |             |              |               |                      |                  |                   |             |                    |
| 2288 | Nguyễn Triều           | Hung   | 08-01-06               | 61962288    | 5/3          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2289 | Nguyễn Xuân            | Bách   | 24-10-06               | 61962289    | 5/3          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2290 | Thái An Vinh           | Phước  | 22-01-06               | 61962290    | 5/3          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2291 | Mai Phước Anh          | Quân   | 18-03-06               | 61962291    | 5/4          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2292 | Phan Đức               | Trí    | 11-06-06               | 61962292    | 5/4          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2293 | Võ Văn                 | Lợi    | 02-04-06               | 61962293    | 5/4          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2294 | Đào Võ Thị Kim         | Ngân   | 17-01-06               | 61962294    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2295 | Hà Lan                 | Anh    | 01-01-06               | 61962295    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2296 | Lê Nam                 | Khánh  | 15-03-06               | 61962296    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 30 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2297 | Lê Nguyễn Gia          | Linh   | 27-09-06               | 61962297    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2298 | Nguyễn Tùng            | Quân   | 03-05-06               | 61962298    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2299 | Nguyễn Bảo             | Khuê   | 02-10-06               | 61962299    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2300 | Nguyễn Hoàng Gia       | An     | 24-06-06               | 61962300    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2301 | Phạm Thị Hồng          | Hà     | 20-01-06               | 61962301    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2302 | Trần Cát               | Tiên   | 05-08-06               | 61962302    | 5/5          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2303 | Diệp Từ                | Huy    | 28-112006              | 61962303    | 5/6          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2304 | Đo Nguyễn Bảo          | Ngọc   | 12-07-06               | 61962304    | 5/6          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2305 | Lê Huỳnh               | Hiếu   | 11-10-06               | 61962305    | 5/6          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2306 | Nguyễn Mạnh            | Tuấn   | 02-07-06               | 61962306    | 5/6          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2307 | Nguyễn Văn             | Đức    | 22-03-06               | 61962307    | 5/7          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2308 | Nguyễn Văn Gia         | Quý    | 25-10-06               | 61962308    | 5/7          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2309 | Nguyenx Phước Thiên    | Ngân   | 03-11-06               | 61962309    | 5/7          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2310 | Phạm Ngọc              | Khoa   | 09-06-06               | 61962310    | 5/7          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2311 | Phan Nhật              | Trường | 21-01-06               | 61962311    | 5/7          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2312 | Dương Minh             | Đức    | 24-04-06               | 61962312    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2313 | Hồ Thu Anh             | Thảo   | 25-10-06               | 61962313    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2314 | Huỳnh Tuấn             | Phong  | 23-03-06               | 61962314    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2315 | Nguyễn Hữu Hòa         | Bình   | 22-11-06               | 61962315    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2316 | Nguyễn Thiên           | Triệu  | 09-07-06               | 61962316    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2317 | Nguyễn Tinh            | Khanh  | 14-09-06               | 61962317    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2318 | Nguyễn Trần Phi        | Long   | 31-05-06               | 61962318    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2319 | Phạm Thùy Đoan         | Trang  | 23-01-06               | 61962319    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2320 | Trần Đoàn Vân          | Anh    | 03-12-06               | 61962320    | 5/9          | 5             | Trần Cao Vân         | Thanh Khê        | Đà Nẵng           | Phòng số 31 | Ca 3 (13g15-15g00) |
| 2321 | Nguyễn Minh            | Hoàng  | 14-03-08               | 61962321    | 3/1          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00)   |
| 2322 | Trần Nguyên Minh       | Yến    | 02-08-08               | 61962322    | 3/10         | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00)   |
| 2323 | Võ Đăng                | Nguyên | 24-07-08               | 61962323    | 3/10         | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00)   |
| 2324 | Đoàn Thảo              | Nguyên | 21-03-08               | 61962324    | 3/11         | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00)   |

| TT   | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày tháng năm sinh | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Thành phố<br>City | Phòng thi   | Ca thi           |
|------|------------------------|--------|---------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------|------------------|
|      | Họ & đệm               | Tên    |                     |             |              |               |                      |                  |                   |             |                  |
| 2325 | Vũ Tiến                | Đạt    | 11-06-08            | 61962325    | 3/11         | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2326 | Phan Nhã               | Tú     | 05-02-08            | 61962326    | 3/2          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2327 | Nguyễn Ngọc Lan        | Nhi    | 14-05-08            | 61962327    | 3/3          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2328 | Lê Hoàng               | Nam    | 13-12-08            | 61962328    | 3/5          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2329 | Mai Ngọc               | Quân   | 18-01-08            | 61962329    | 3/5          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2330 | Lưu Khánh Hoàng        | Linh   | 09-06-08            | 61962330    | 3/6          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2331 | Nguyễn Lê Minh         | Trí    | 12-02-08            | 61962331    | 3/6          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2332 | Lê Bình Phương         | Quý    | 28-11-08            | 61962332    | 3/7          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2333 | Nguyễn Hà Đan          | Thy    | 27-11-08            | 61962333    | 3/7          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2334 | Phan Tấn               | Long   | 30-06-08            | 61962334    | 3/8          | 3             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2335 | Phạm Trần Phương       | Thảo   | 12-04-07            | 61962335    | 4/12         | 4             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2336 | Phạm Trần Thu          | Thảo   | 12-04-07            | 61962336    | 4/12         | 4             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2337 | Nguyễn Hữu Nhật        | Quang  | 16-01-07            | 61962337    | 4/13         | 4             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2338 | Trần Thảo              | Oanh   | 30/52007            | 61962338    | 4/4          | 4             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2339 | Trương Sao             | Mai    | 11-11-07            | 61962339    | 4/9          | 4             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2340 | Ngô Minh               | Quân   | 11-06-06            | 61962340    | 5/14         | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2341 | Nguyễn Võ Anh          | Khoa   |                     | 61962341    | 5/14         | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2342 | Nguyễn Lê Anh          | Thư    | 04-08-06            | 61962342    | 5/16         | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2343 | Ngô Thảo               | Nguyên | 07-07-06            | 61962343    | 5/2          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2344 | Phạm Sỹ Gia            | Khang  | 05-11-06            | 61962344    | 5/2          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2345 | Châu Nguyễn Khánh      | Linh   | 18-01-06            | 61962345    | 5/5          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2346 | Đặng Thị Thành         | Danh   | 08-09-06            | 61962346    | 5/5          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2347 | Hoàng Ngọc             | Thịnh  | 22-01-06            | 61962347    | 5/5          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2348 | Hoàng Ngọc Tùng        | Anh    | 23-05-06            | 61962348    | 5/5          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2349 | Ngô Văn Đắc            | Trí    | 22-05-06            | 61962349    | 5/5          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |
| 2350 | Phan Nguyễn Kim        | Hằng   | 26-01-06            | 61962350    | 5/7          | 5             | Phù Đồng             | Hải Châu         | Đà Nẵng           | Phòng số 34 | Ca 1 (7g15-9g00) |